

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VINASEED ANUAL REPORT 2022



CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ TẬP ĐOÀN VINASEED

- 1.1. Thông tin chung
- 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển
- 1.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 1.4. Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- 1.5. Các chi nhánh, Công ty thành viên
- 1.6. Nhân sự chủ chốt
- 1.7. Ngành nghề kinh doanh
- 1.8. Địa bàn kinh doanh và thị phần
- 1.9. Giải thưởng tiêu biểu
- 1.10. Nhân sự năm 2022
- 1.11. Công nghệ nổi bật
- 1.12. Quản trị rủi ro

CHƯƠNG 2

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 2.1. Những nhân tố tác động đến hoạt động Tập đoàn
- 2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tập đoàn năm 2022
- 2.3. Mục tiêu năm 2023

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

- 3.1. Đặc điểm tình hình
- 3.2. Kết quả hoạt động của Tập đoàn năm 2022
- 3.3. Hoạt động của các công ty thành viên

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

- 4.1. Hoạt động của BKS năm 2022
- 4.2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022
- 4.3. Hệ thống tài chính kế toán
- 4.4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban TGD
- 4.5. Tình hình thực hiện quy chế tại các đơn vị
- 4.6. Kết luận và kiến nghị

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 5.1. Thông tin cổ phần
- 5.2. Lịch sử chia cổ tức
- 5.3. Lịch sử tăng vốn điều lệ
- 5.4. Thông tin cổ đông
- 5.5. Thay đổi nhân sự năm 2022
- 5.6. Hoạt động của ĐHCĐ
- 5.7. Hoạt động của HĐQT
- 5.8. Hoạt động của BKS
- 5.9. Đào tạo quản trị công ty
- 5.10. Thù lao của HĐQT, BKS

CHƯƠNG 6

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 6.1. Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững
- 6.2. Các phương thức quan trọng đảm bảo phát triển bền vững
- 6.3. Bảo vệ môi trường
- 6.4. Đạo đức kinh doanh
- 6.5. Chuẩn mực giá trị văn hóa Vinaseed
- 6.6. Chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp
- 6.7. Quan tâm riêng đối với lao động nữ
- 6.8. Bảng dữ liệu về lao động
- 6.9. Hoạt động môi trường
- 6.10. Hoạt động xã hội, cộng đồng

CHƯƠNG 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 7.1. Thông tin chung
- 7.2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 7.3. Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 7.4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 7.5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 7.6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 7.7. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|---------------|--|
| UBCKNN | Ủy ban chứng khoán Nhà nước |
| HOSE | Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh |
| HNX | Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội |
| CTCP | Công ty cổ phần |
| VINASEED | Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HDQT | Hội đồng quản trị |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| BTGD | Ban Tổng giám đốc |
| CBTT | Công bố thông tin |
| GCNĐKKD | Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| XDCB | Xây dựng cơ bản |
| ROA | Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản |
| ROE | Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu |
| ROS | Lợi nhuận ròng/ Doanh thu thuần |
| CBNV | Cán bộ nhân viên |
| VRDC | Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam |
| SSC | Công ty CP Giống cây trồng miền Nam |
| VINARICE | Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam |
| HSC | Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây |
| QSC | Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam |
| VINA AGRIFOOD | Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam |
| HANAM HITECH | Công ty CP ĐT&PT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam |

THÔNG DIỆP của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2022 cho thấy những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế Việt Nam với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02% - mức cao nhất trong giai đoạn từ 2011 - 2022. Nền nông nghiệp tiếp tục cho thấy vai trò trụ đỡ của nền kinh tế khi duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đặc biệt kim ngạch XNK của ngành cán mốc lịch sử đạt 53,22 tỷ USD tăng 9,3% so với năm 2021, thặng dư thương mại toàn ngành đạt 8,5 tỷ USD, tăng 30% so với cùng kỳ, đóng góp chủ lực (chiếm khoảng 77%) trong tổng giá trị xuất siêu của cả nền kinh tế năm 2022.

Bên cạnh những yếu tố tích cực của nền kinh tế thì VINASEED vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong năm 2022 khi tình hình biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với địa bàn trải rộng khắp cả nước. Chi phí vật tư đầu vào tăng cao, trong khi giá cả đầu ra không tăng tương xứng khiến tỷ lệ bỏ ruộng gia tăng nhanh chóng, người dân không mặn mà với sản xuất nông nghiệp. Lãi suất liên tục tăng cao cũng khiến việc giải ngân vốn khách hàng và đối tác của VINASEED trở nên khó khăn không chỉ trong năm 2022 mà còn tiếp tục tác động rất lớn đến hoạt động của Công ty trong năm 2023. Trước những khó khăn đó, bằng sự nỗ lực không ngừng, tận dụng mọi cơ hội, tổ chức SXKD, đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc khách hàng, tạo dựng nhu cầu từ dưới lên. VINASEED tiếp tục khẳng định vị thế Tập đoàn Nông nghiệp có quy mô và thị phần lớn nhất ngành giống cây trồng Việt Nam với kết quả kinh doanh trong năm 2022:

- **Sản lượng:** 105.000 tấn, chiếm 21,2% thị phần giống cây trồng Việt Nam.
- **Doanh thu:** 1.889 tỷ đồng;
- **Lợi nhuận trước thuế:** 266 tỷ đồng, tăng trưởng 6,8% so với Cùng kỳ.

Năm 2022, VINASEED vinh dự nằm trong **TOP 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam** và **TOP 10 doanh nghiệp niêm yết có năng lực quản tài chính tốt nhất** sàn chứng khoán Việt Nam cùng nhiều giải thưởng cao quý khác ghi nhận cho những nỗ lực của Công ty trong năm.

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2023 được đánh giá tiếp tục là năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với Vinaseed khi sức ép lạm phát, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào vẫn ở mức cao ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp; việc tiếp cận nguồn vốn đối với hệ thống đối tác và khách hàng tiếp tục khó khăn. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty trong năm 2023. Tuy nhiên, Vinaseed xác định nỗ lực hết sức, tận dụng mọi cơ hội phấn đấu hoàn thành mục tiêu kinh doanh năm 2023 cụ thể:

- **Doanh thu:** 2.200 tỷ đồng tăng 16,5% so với cùng kỳ
- **Lợi nhuận trước thuế:** 290 tỷ đồng tăng 9,0% so với cùng kỳ.

Để thực hiện thành công mục tiêu đầy thách thức như trên đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng, Hội đồng quản trị sẽ tập trung vào 4 nhóm giải pháp chính:

Một là, tiếp tục tái cấu trúc tổ chức toàn bộ Tập đoàn theo hướng chuyên môn hóa sâu nhằm giảm đầu mối trung gian, tối ưu hóa nguồn lực trong toàn Tập đoàn. Trong đó:

- Đổi mới mô hình tăng trưởng với ngành chính là giống cây trồng bằng các sản phẩm KHCN, tập trung nâng cao tỷ trọng rau và ngô để nâng cao tỷ suất lợi nhuận. Cùng với đó, đầu tư phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị để mở rộng quy mô kinh doanh.
- Tập trung đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất và hoạt động R&D để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển các dòng sản phẩm mới với phổ thích nghi rộng, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Đổi mới công tác truyền thông, ứng dụng đa dạng hình thức marketing, khai thác tối đa hoạt động truyền thông số nhằm đẩy mạnh khả năng tiếp cận và đa dạng hóa trải nghiệm khách hàng, lấy khách hàng làm trọng tâm.

Hai là, xây dựng cơ chế thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt đội ngũ chuyên gia

công nghệ, tập trung đào tạo, cải thiện môi trường lao động và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên, xây dựng nền tảng gắn kết giữa Công ty và người lao động.

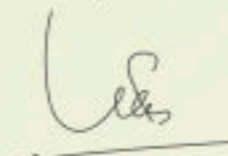
Ba là, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các viện, trường và Tập đoàn lớn trên thế giới nhằm tận dụng thế mạnh của đối tác, đặc biệt trong lĩnh vực R&D, để đẩy nhanh tiến độ phóng thích sản phẩm chất lượng, giàu hàm lượng công nghệ cao đáp ứng nhu cầu thị trường.

Cuối cùng, trên nền tảng khung chuyển đổi số đã được xây dựng năm 2022, thực hiện đưa hệ sinh thái chuyển đổi số vào vận hành chính thức trong năm 2023, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực quản trị hỗ trợ công tác điều hành theo thời gian thực, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa vận hành. Từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp thích ứng với công nghệ số, tạo môi trường quản trị công khai, minh bạch, tăng cường sự hợp tác, nâng cao khả năng ra quyết định, phấn đấu trở thành Đơn vị tiên phong trong ngành giống cây trồng thực hiện số hóa toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xin thay mặt Hội đồng quản trị và tập thể người lao động Vinaseed, gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, nhà đầu tư, bạn hàng, đối tác đã ủng hộ, tin tưởng và đồng hành cùng Công ty trong suốt hành trình phát triển vừa qua.

Kính chúc Quý vị và gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Kim Liên



CHƯƠNG 1.

THÔNG TIN CHUNG VỀ TẬP ĐOÀN VINASEED

Thông tin chung

Lịch sử hình thành và phát triển

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Các chi nhánh, công ty thành viên

Nhân sự chủ chốt

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh và thị phần

Giải thưởng tiêu biểu

Nhân sự năm 2022

Công nghệ nổi bật

Quản trị rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên tiếng Anh | Vietnam National Seed Group ISC |
| Tên công ty viết tắt | VINASEED |
| Mã chứng khoán | NSC (niêm yết tại HOSE từ 21/12/2006) |
| Dại diện pháp luật | Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT |
| Trụ sở chính | Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | (84) 24 38523294 |
| Fax | (84) 24 38527996 |
| Website | www.vinaseed.com.vn |
| Giấy CNDKKD (và mã số thuế) | 0101449271 |
| Vốn điều lệ | 175.869.880.000 đồng |
| Vốn chủ sở hữu | 1.351.258.350.499 đồng. |

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Quá trình phát triển cùng ngành nông nghiệp Việt Nam

1968

Thành lập trại giống lúa cấp 1 - trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

1978

Thành lập công ty Giống cây trồng trung ương

1989

Thành lập công ty Giống cây trồng trung ương 1 trên cơ sở tách công ty thành công ty giống cây trồng trung ương 1 và công ty giống cây trồng trung ương 2 (nay là công ty CP Giống cây trồng miền nam).

2003

Chuyển đổi công ty Giống cây trồng trung ương 1 thành công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương.

2006

Niêm yết trên HOSE, mã CK: NSC

2019

Tái cấu trúc theo mô hình Tập đoàn, đổi tên thành công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam, số đơn vị thành viên 31 đơn vị.

THÀNH LẬP NĂM

1968

VINASEED là doanh nghiệp hình thành sớm nhất và đồng hành cùng sự phát triển của ngành giống cây trồng Việt Nam

Thành lập năm 1968, tiền thân là trại giống cấp 1 trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời kỳ doanh nghiệp nhà nước hoạt động bằng vốn ngân sách và theo kế hoạch hóa nhà nước giao. Quy mô nhỏ, khoa học công nghệ còn chưa phát triển, sản phẩm chủ yếu là giống lúa thuần, công ty đã trải qua giai đoạn khó khăn cùng nền nông nghiệp nước nhà. Có thể nói quãng thời gian này chính là thời kỳ ươm mầm về đào tạo nhân lực chủ chốt cũng như tầm nhìn về khoa học công nghệ của Công ty đối với ngành giống.

Ngày 10.11.2003 công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần theo Quyết định 5029/QĐ-BNN của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Những bước chân đầu tiên trên con đường đổi mới đầy khó khăn, thử thách, với số vốn điều lệ ban đầu chỉ có **13,5 tỷ đồng**, cơ sở vật chất lạc hậu.

Ngay sau khi cổ phần hóa, công ty đã tập trung công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ có trình độ, kỹ cương và đầy ắp khát vọng vươn lên chinh phục những đỉnh cao mới, nỗ lực không ngừng mang tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, góp phần nâng cao đời sống và thu nhập cho bà con nông dân.

Là doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm khoa học công nghệ, Công ty xác định hoạt động về nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ là then chốt, là động lực để phát triển và tập trung mọi nguồn lực để đầu tư.

Từ một đơn vị chỉ kinh doanh giống lúa phổ thông đến nay hàng năm Công ty sản xuất kinh doanh trên 100.000 tấn hạt giống, tương đương trên 2 triệu ha gieo trồng, chiếm **21%** thị phần giống cây trồng trên cả nước.

Đến nay quy mô của công ty có những bước tăng trưởng vượt bậc với Tổng tài sản: **2.026 tỷ đồng**, vốn chủ sở hữu: **1.351 tỷ đồng**, số đơn vị thành viên từ 8 lên 31 đơn vị trên khắp cả nước.

Sau hơn **50 năm** xây dựng và phát triển, đặc biệt những bước tiến mạnh mẽ kể từ khi cổ phần hóa (năm 2004), Công ty khẳng định vị thế trở thành công ty có quy mô và thị phần lớn nhất ngành giống cây trồng Việt Nam, thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã góp phần nâng cao đời sống người nông dân thông qua hình thức bao tiêu sản phẩm với hàng chục vạn hộ dân khắp cả nước; các hệ sản xuất đã được đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ, có việc làm ổn định và gia tăng thu nhập, thay đổi tư duy sản xuất từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá quy mô lớn hình thành các làng nghề công nghệ, phát triển nông thôn mới.

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam, thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.



SỨ MỆNH

Bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình với cuộc sống, con người và xã hội, Vinaseed cam kết mang đến các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững nhằm thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

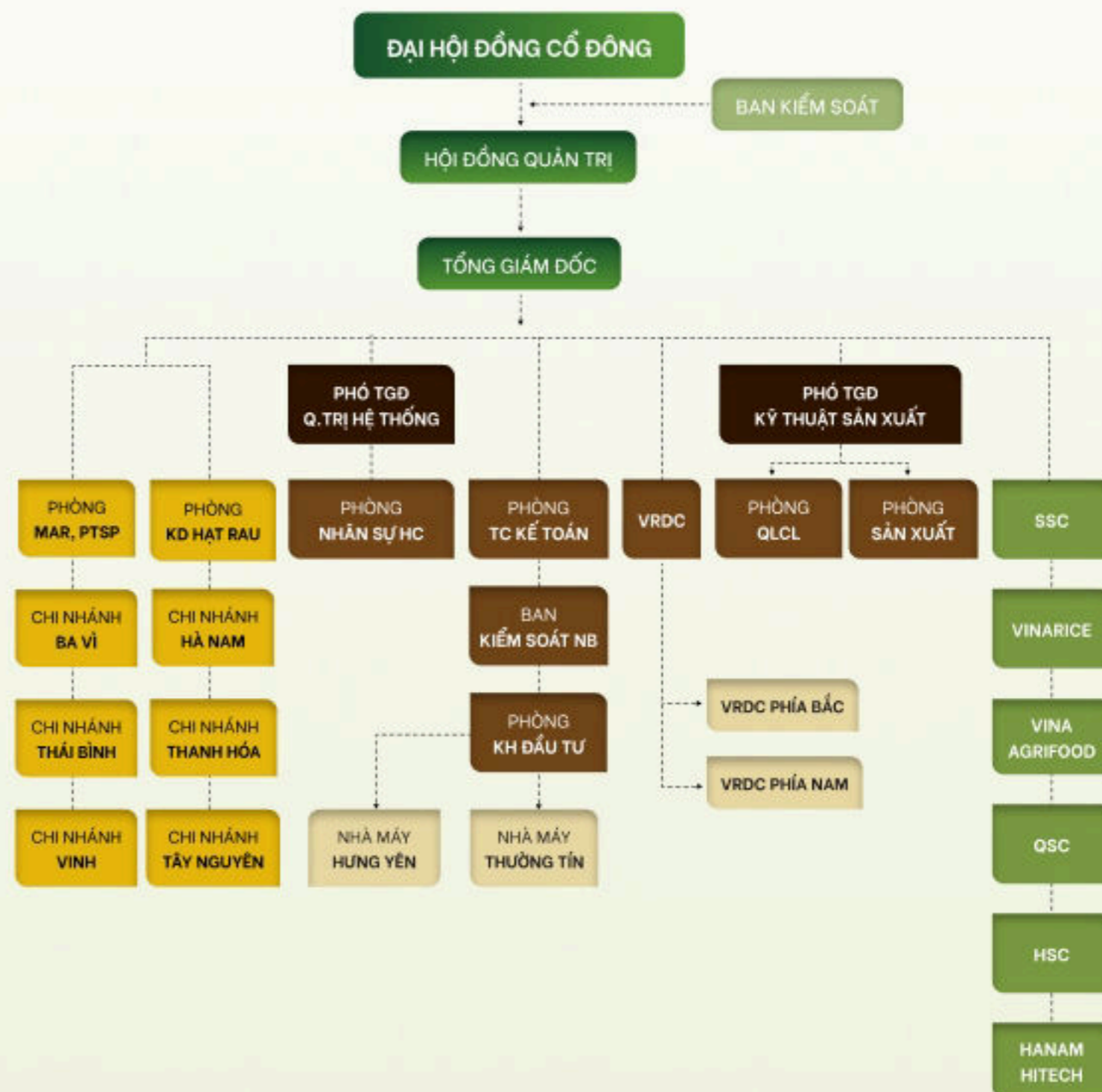


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Thời kỳ doanh nghiệp nhà nước hoạt động bằng vốn ngân sách và theo kế hoạch hóa nhà nước giao.
Từ 2004 - nay: Chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần theo quyết định 5029/QĐ-BNN-TCCB của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định Pháp luật.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN

1. Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

2. Vinaseed Ba Vì

Địa chỉ: Xã Đông Quang, H.Ba Vì, Hà Nội.

3. Vinaseed Hà Nam

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, TT.Đồng Văn, H.Duy Tiên, Hà Nam.

4. Vinaseed Thái Bình

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, H.Đông Hưng, Thái Bình.

5. Vinaseed Thanh Hóa

Địa chỉ: Xã Định Tường, H.Yên Định, Thanh Hoá.

6. Vinaseed miền Trung

Địa chỉ: Số 11, Trần Nhật Duật, P.Đội Cung, TP.Vinh, Nghệ An.

7. Vinaseed Tây Nguyên

Địa chỉ: Xóm 4, xã Eaton, TP.Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk.

8. Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn Vinaseed (VRDC)

Địa chỉ: Số 211, đường Bà Thiên, Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM.

9. Vinaseed Thường Tín

Địa chỉ: 350 Trần Phú, TT.Thường Tín, H.Thường Tín, Hà Nội

10. Văn phòng tại tỉnh Udomxay - Nước CHDCND Lào

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay, nước CHDCND Lào.

11. Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (Vinarice)

Địa chỉ: CCN Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp.

12. Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC)

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

13. Công ty CP Giống cây trồng TW Quảng Nam (QSC)

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Xã Điện Thắng Bắc, TX.Điện Bàn, Quảng Nam

14. Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (HSC)

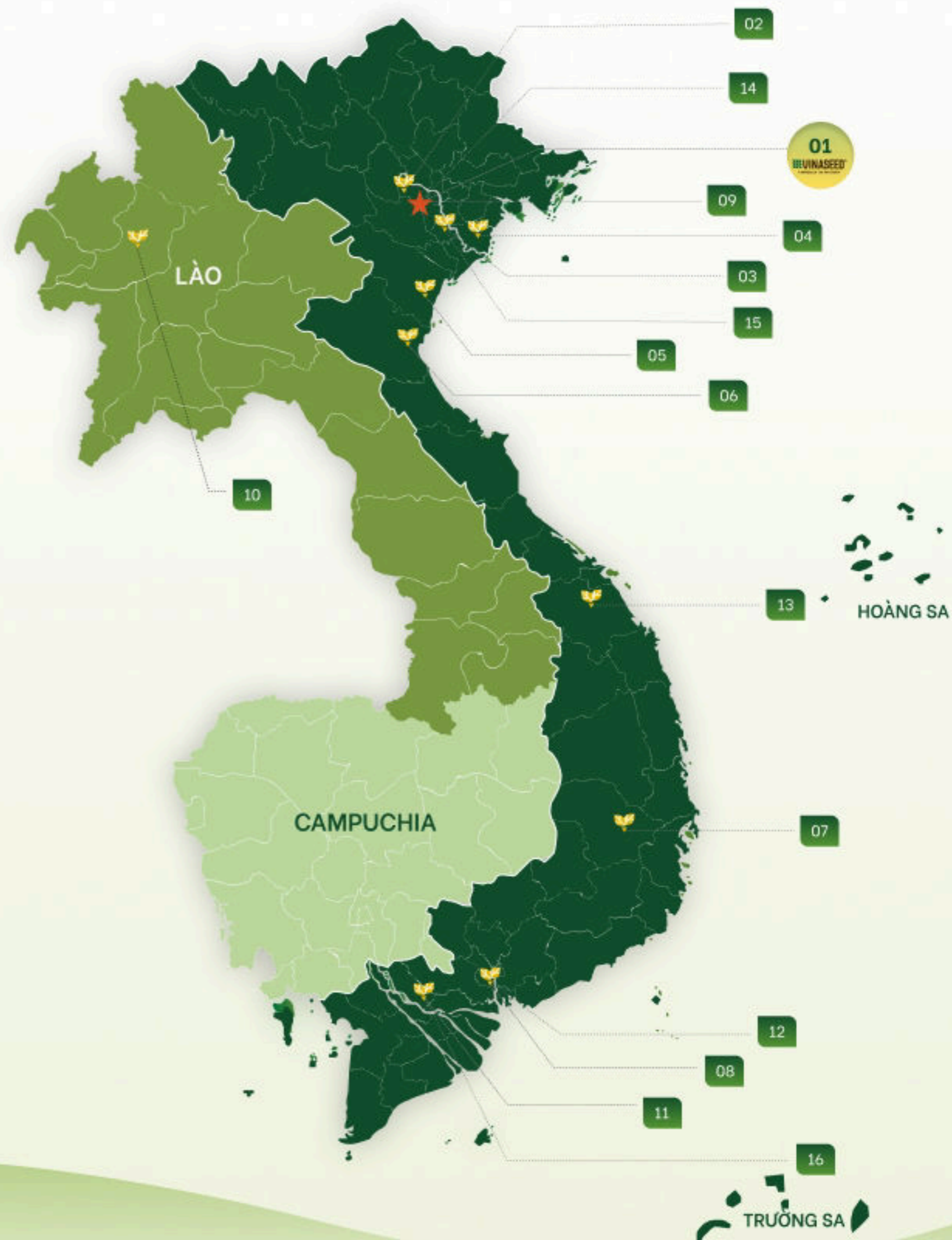
Địa chỉ: Phường Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội.

15. Công ty CP ĐT và PT Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam (Hanam Hitech)

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

16. Công ty TNHH Đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (Vina Agrifood)

Địa chỉ: CCN Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022 - 2026



Bà Trần Kim Liên

Chủ tịch HĐQT

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật

Quá trình công tác

| | |
|-------------|---|
| 1980 - 1982 | Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội |
| 1982 - 1995 | Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao |
| 1995 - 1996 | Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông CN Đồng Giao |
| 1996 - 1997 | Phó Giám đốc XN Nông CN Đồng Giao |
| 1997 - 1998 | Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao |
| 1998 - 2000 | Phó Giám đốc công ty Vật tư và XNK - TCT Rau quả VN |
| 2000 - 2004 | Phó Giám đốc công ty Giống cây trồng TW I |
| 2015 - 2020 | Phó Chủ tịch HĐQT SSC |
| 2004 - 2020 | Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed |
| 2020 - nay | Chủ tịch HĐQT Vinaseed, SSC, Vinarice |



Bà Lê Thị Lệ Hằng

Phó Chủ tịch HĐQT

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác

| | |
|-------------|---|
| 1999 - 2007 | Chuyên viên phân tích cấp cao công ty Quản lý Quỹ W. P. Stewart, New York, USA |
| 2007 - 2010 | Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý Chủ tịch HĐQT công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) |
| 2010 - 2022 | Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) |
| 2022 - nay | Giám đốc chiến lược Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI), Phó Chủ tịch điều hành SSIAM |
| 2015 - 2020 | Chủ tịch HĐQT SSC |
| 2012 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT Vinaseed |



Bà Nguyễn Thị Trà My

Thành viên HĐQT

Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

| | |
|-------------|---|
| 1993 - 1995 | Trợ lý TGD tại Công ty International Business Advisor |
| 1995 - 2012 | Giám đốc tài chính kiêm Phó TGD công ty Biomin Việt Nam |
| 2007 - nay | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD công ty CP CSC Việt Nam |
| 2013 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc The Pan Group |
| 2016 - 2021 | Chủ tịch HĐQT Pan Hulich |
| 2016 - nay | Chủ tịch HĐQT Pan Farm Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC) Thành viên HĐQT Vinaseed |



Ông Nguyễn Quang Trường

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác

| | |
|-----------------|--|
| 2011 - 2012 | Chuyên viên phân tích tài chính công ty TNHH QL quỹ FPT |
| 2012 - 2013 | Chuyên viên khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank |
| 2013 - 2017 | Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Vinaseed |
| 2016 - nay | Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Hanam Hitech |
| 4/2017 - 6/2020 | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Vinaseed |
| 2019 - nay | Thành viên HDTV Vinarice |
| 7/2020 - nay | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed, Chủ tịch HĐQT GSC |
| 2/2023 - nay | Chủ tịch HDTV Vina Agrifood |



Bà Nguyễn Ngọc Anh

Thành viên HĐQT

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác

| | |
|--------------|---|
| 2005 - 2010 | Nhân viên khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - Chi nhánh CTCP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội |
| 2011 - 2019 | Giám đốc khu vực phía Bắc - Khối dịch vụ ngân hàng Đầu tư - Chi nhánh CTCP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội |
| 2017 - nay | Thành viên HĐQT CTCP PAN Farm |
| 2019 - 2021 | Giám Đốc Khối - Khối dịch vụ ngân hàng Đầu tư kiêm trợ lý Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán SSI |
| 2019 - nay | Thành viên HĐQT CTCP Khí Hóa Lông Miền Nam |
| 2020 - nay | Thành viên HĐQT CTCP Phục Vụ Mọt Đất Sài Gòn |
| 6/2021 - nay | Thành viên HĐQT CTCP Bibica |
| 2022 - nay | Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Thành viên HĐQT Vinaseed. |

BAN KIỂM SOÁT

NHIỆM KỲ 2022 - 2026



Ông Nguyễn Anh Tuấn

Trưởng ban Kiểm soát

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

2008 - 2010

Trưởng nhóm Kiểm toán, công ty TNHH KPMG Việt Nam

2010 - 2011

Chuyên viên khối dịch vụ ngân hàng đầu tư, CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

2012 - 2015

Phó phòng dịch vụ kiểm toán, thẩm định KPMG Việt Nam

2015 - 2016

Chuyên viên cao cấp phân tích tài chính The Pan Group

2016 - 2017

Thành viên BKS công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre

2017 - 2018

Giám đốc vận hành Pan - Hulis

4/2018 - 2022

Thành viên HĐQT Pan - Hulis

10/2018 - 4/2019

Thành viên BKS SSC

2018 - 2022

Thư ký HĐQT, Trưởng phòng Tài chính PAN Group

4/2019 - 6/2020

Thành viên BKS Vinaseed

6/2020 - nay

Trưởng BKS Vinaseed

2022 - nay

Giám đốc tài chính PAN farm
Chủ tịch HĐQT PAN Hulis



Ông Đỗ Tiến Sỹ

Thành viên ban Kiểm soát

Trình độ: Thạc sỹ Kinh tế

2000 - 7/2000

Phó giám đốc Vinaseed Ba Vi

9/2000 - 3/2001

Phó phòng Kinh doanh Vinaseed

2001 - 2004

Trưởng phòng Kinh doanh Vinaseed

2004 - 2010

Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Vinaseed

2010 - 2012

Ủy viên HĐQT, Chủ tịch BCH Công đoàn Vinaseed

2010 - 2016

Giám đốc Kinh doanh Vinaseed

2016 - 3/2019

Giám đốc Vinaseed Quảng Nam

8/2019 - 5/2020

Tổng giám đốc SSC

2012 - nay

Thành viên BKS Vinaseed



Ông Lương Ngọc Thái

Thành viên ban Kiểm soát

Trình độ: Cử nhân kinh tế đại học KTQD HN

2015 - 2018

Nhân viên Kiểm toán, Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

2018 - 2020

Chuyên viên Phân tích đầu tư Công ty CP Tập đoàn PAN

2020 - nay

Chuyên viên phân tích Cao cấp Công ty cổ phần PAN Farm

27/4/2021 - nay

Thành viên BKS Vinaseed

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Quang Trường

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

2011 - 2012

Chuyên viên phân tích tài chính công ty TNHH QL quỹ FPT

2012 - 2013

Chuyên viên khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank

2013 - 2017

Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Vinaseed

2016 - nay

Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Hanam Hitech

4/2017 - 6/2020

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Vinaseed

2019 - nay

Thành viên HĐQT Vinarice

7/2020 - nay

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed, Chủ tịch HĐQT QSC

2/2023 - nay

Chủ tịch HĐQT Vina Agrifood



Ông Dương Quang Sáu

Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Thạc sỹ nông nghiệp

1998 - 2002

Cán bộ sản xuất Vinaseed Hà Nam

2002 - 2005

Cán bộ sản xuất công ty CP Hưng Nông

2005 - 2010

Cán bộ sản xuất Vinaseed

2010 - 2013

Phó phòng sản xuất Vinaseed

2013 - 2018

Giám đốc sản xuất 1 - Vinaseed

2/2019 - nay

Phó Tổng giám đốc Vinaseed



Ông Phạm Trung Dũng

Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Cử nhân QTKD

2001 - 2003

Nhân viên Kinh doanh công ty Kona Việt Nam

2003 - 2005

Nhân viên phòng Tổng hợp Vinaseed

2005 - 2006

Giám sát bán hàng công ty Pinaco

2006 - 2009

Giảng viên khoa QLNN về Xã hội, Học viện Hành chính QG

2009 - 2010

Thư ký HĐQT Vinaseed

2010 - 2011

Phó Giám đốc Nhân sự hành chính Vinaseed

2011 - 4/2017

Giám đốc Nhân sự hành chính Vinaseed

1/2018 - 2/2020

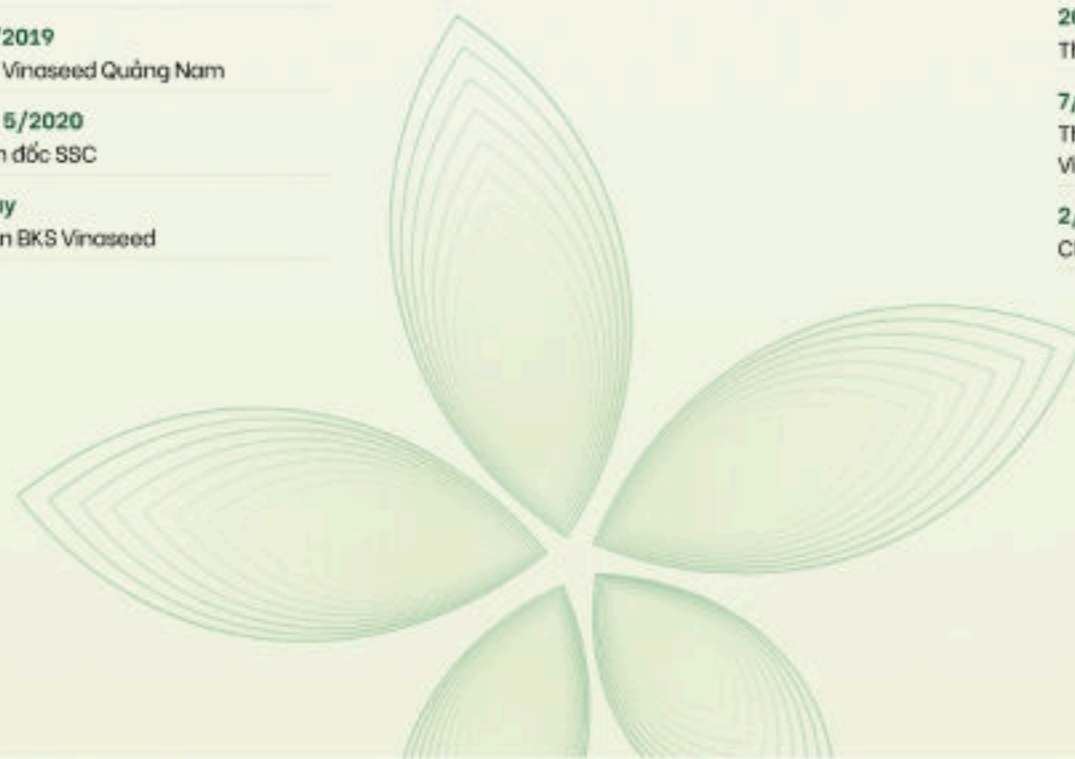
Giám đốc Hanam Hitech

2020 - 03/2022

Giám đốc Nhân sự Vinaseed

4/2017 - nay

Phó Tổng giám đốc Vinaseed



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO, SẢN XUẤT KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG

Vinaseed nỗ lực hết mình theo đuổi sự hoàn thiện và liên tục cải tiến không ngừng để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả trong mọi hoạt động, đem đến cho mọi người dân Việt Nam những sản phẩm giá trị gia tăng lớn nhất với chi phí hợp lý và an toàn cho sức khỏe con người. Năm 2022, công ty sản xuất và cung ứng ra thị trường hơn 100.000 tấn hạt giống cây trồng các loại tương đương hơn 2 triệu ha gieo trồng.

100.000 tấn
HẠT GIỐNG CÂY TRỒNG
Hơn 2 triệu
HA GIEO TRỒNG

GIỐNG LÚA

Vinaseed tập trung nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, tiếp cận xu thế của thế giới về chuẩn sản phẩm an toàn và chất lượng.

Bộ giống lúa chủ lực của công ty, đang chiếm ưu thế trên thị trường có thể kể đến như:

Giống lúa thuần năng suất, chất lượng: Thiên ưu 8, VNR20, VNR88, Khang dân DB, Dự Hương 8, Bắc Hương 9, Hương Châu 6, ... đặc biệt có hai giống lúa thơm phục vụ xuất khẩu sang thị trường châu Âu: Dài Thơm 8, Thơm RVT. Giống lúa lai Thụy hương 308, KC06-1, TH3-4, HC1,...



Lúa Thiên Ưu 8



Lúa VNR20



Lúa Dự Hương 8



Lúa Hương Châu 6



Lúa Dài Thơm 8



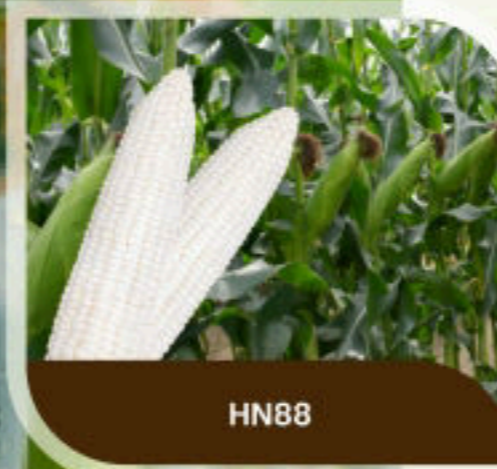
Lúa lai Thụy Hương 308



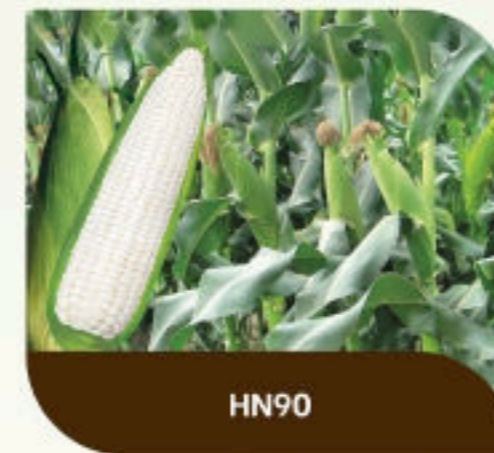
GIỐNG NGŨ

Công ty đang là đơn vị chi phối thị trường ngô thực phẩm Việt Nam, sản phẩm có khả năng cạnh tranh rất cao với các tập đoàn nước ngoài

- **Giống ngô nếp lai:** HN88, HN68, HN90, HN92, CX247 new super, ...
- **Giống ngô đường lai:** VNS6, VNS8, ...
- **Giống ngô tẻ lai:** SSC131, SSC557, SSC2095, ngô sinh khối SSC586, ...



HN88



HN90



HN92



VNS8



SSC557



SSC586

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

GIỐNG RAU QUẢ

• **Các giống bầu bí lai:** bí đỏ Super Goldstar 999, bí xanh F1 Taka, bí xanh Fuji 868, bầu sao New Star 99, ...

• **Giống dưa:** Dưa dưa hấu không hạt Rồng Đỏ 118, Lucky 01, các giống dưa lưới Golden Honey, Green Honey, dưa chuột Sakura, ...

• **Giống ớt và cà chua lai:** Giống ớt cay số 20, ớt chỉ thiên VNS358, ớt chỉ thiên VNS168, cà chua chịu nhiệt, đậu xanh ĐX208, ...

Các giống rau quả lai của công ty rất đa dạng, phục vụ không chỉ tiêu dung hộ gia đình mà còn đáp ứng cho công nghiệp chế biến, giúp cho bà con nông dân có nhiều lựa chọn. Đặc biệt giống bí đỏ Super Goldstar 999 với năng suất cao, đặc ruột và chất lượng vượt trội đã giúp các tỉnh Sơn La, Gia Lai trở thành những vùng sản xuất hàng hóa nông sản xuất khẩu lớn.



Cà chua lai F1



Cải chíp lai F1



Bí xanh BX18



Dưa Hấu



Bí xanh Super Goldstar999



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CHUYỂN GIAO DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, vật liệu mới trong chọn tạo giống cây trồng, quy trình canh tác, chế phẩm sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch... để thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an toàn thực phẩm



SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG SẢN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Dựa trên ưu thế truyền thống, kinh nghiệm, sức mạnh công nghệ, đội ngũ, hạ tầng, mạng lưới sản xuất và tiêu thụ. Vinaseed đã tập trung xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo từ nghiên cứu – Canh tác, sản xuất – Sau thu hoạch – Thương mại. Tập trung phân khúc nông sản thương hiệu, an toàn, truy xuất nguồn gốc rõ ràng



DỪA LƯỚI – ĐẠT TIÊU CHUẨN GLOBAL GAP

Sản phẩm đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam, là 1 trong 45 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc năm 2018, với các dòng sản phẩm Taki, Taka, Ichiba được tiêu thụ tại hệ thống các siêu thị lớn cả nước: Big C, Lotte, Kmart, Coopmart, Hapromart,...



Dừa Lưới Taki



Dừa Lưới Taka



Dừa Lưới Ichiba

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG SẢN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

GẠO TƯƠI SẠCH VÀ GẠO THỰC PHẨM CHỨC NĂNG ĐẠT TIÊU CHUẨN FSSC 22000

Với quan điểm thị trường không chạy theo sản lượng, tập trung phân khúc sản phẩm thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Sản phẩm gạo của Vinaseed được tổ chức chặt chẽ từ khâu nghiên cứu, phát triển, lựa chọn giống chất lượng cao đến chế biến, đóng gói và quảng bá, có như vậy Vinaseed mới chủ động kiểm soát chất lượng lúa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Các sản phẩm gạo được sản xuất từ nguồn giống bản quyền của Vinaseed (Vinaseed hiện đang sở hữu bản quyền những giống gạo thơm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào EU là Đài Thơm 8 và Thơm RVT, các giống Japonica,...).

Ruộng sản xuất được tổ chức tại những vùng đất tốt nhất tại Việt Nam, được chỉ đạo theo một quy trình khép kín, kiểm soát chặt chẽ từ vùng trồng, giống, kỹ thuật trồng, vệ sinh an toàn thực phẩm, giá trị dinh dưỡng, truy xuất nguồn gốc xuất xứ đến các vấn đề như môi trường, tiết kiệm nước, năng lượng, chính sách đối với người lao động,...

Lúa sau khi thu hoạch được chuyển thẳng về nhà máy chế biến gạo tại Vinarice với cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ của Nhật Bản để từ đó ra đời những dòng sản phẩm gạo thượng hạng, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu sang Nhật Bản, EU.



Một số dòng sản phẩm gạo chất lượng phục vụ xuất khẩu của Vinaseed

Sản phẩm đáp ứng các quy trình kiểm định khắt khe theo tiêu chuẩn Quốc tế:

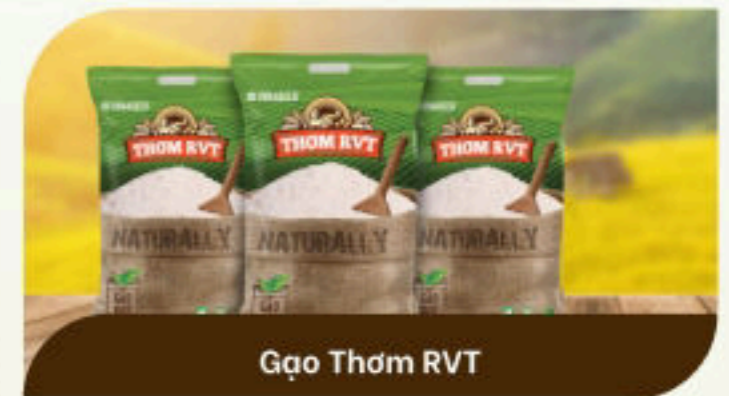


Hiện tại công ty đã quy hoạch trên 2000 ha cánh đồng lớn sản xuất gạo sạch, gạo hữu cơ, với quy trình từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ được áp dụng và đánh giá dựa trên tiêu chuẩn khắt khe nhất của EU. Năm 2022, sản phẩm gạo của Vinaseed đã có mặt ở hơn 10 quốc gia và vùng lãnh thổ. Khác với nhiều doanh nghiệp Việt khác đơn hàng xuất khẩu EU chỉ là xay xát, khi xuất khẩu sang EU thì sản phẩm đó được

dán nhãn, thương hiệu của đối tác nước ngoài, đây là hoạt động gia công sản phẩm thuần túy, giá trị mang lại thấp và không có sự khác biệt. Việc xuất sản phẩm gạo mang thương hiệu Việt Nam của Vinaseed sang thị trường EU không chỉ là thành công bước đầu của doanh nghiệp mà còn góp phần nâng vị thế của gạo Việt Nam tại các thị trường này.



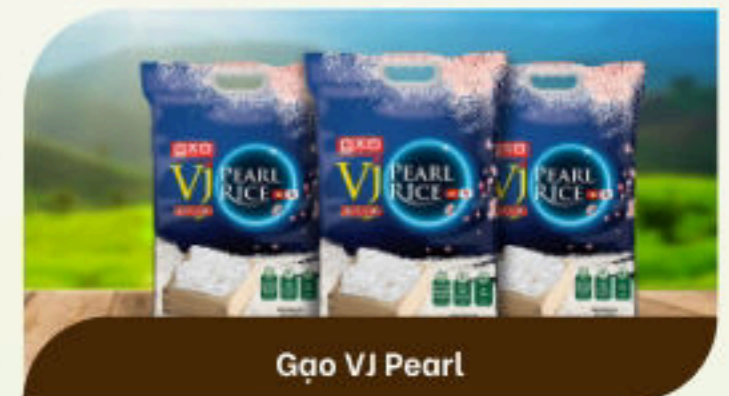
Gạo VI Platinum



Gạo Thơm RVT



Gạo Nhật



Gạo VI Pearl



GẠO TƯƠI SẠCH VÀ GẠO THỰC PHẨM CHỨC NĂNG ĐẠT TIÊU CHUẨN FSSC 22000



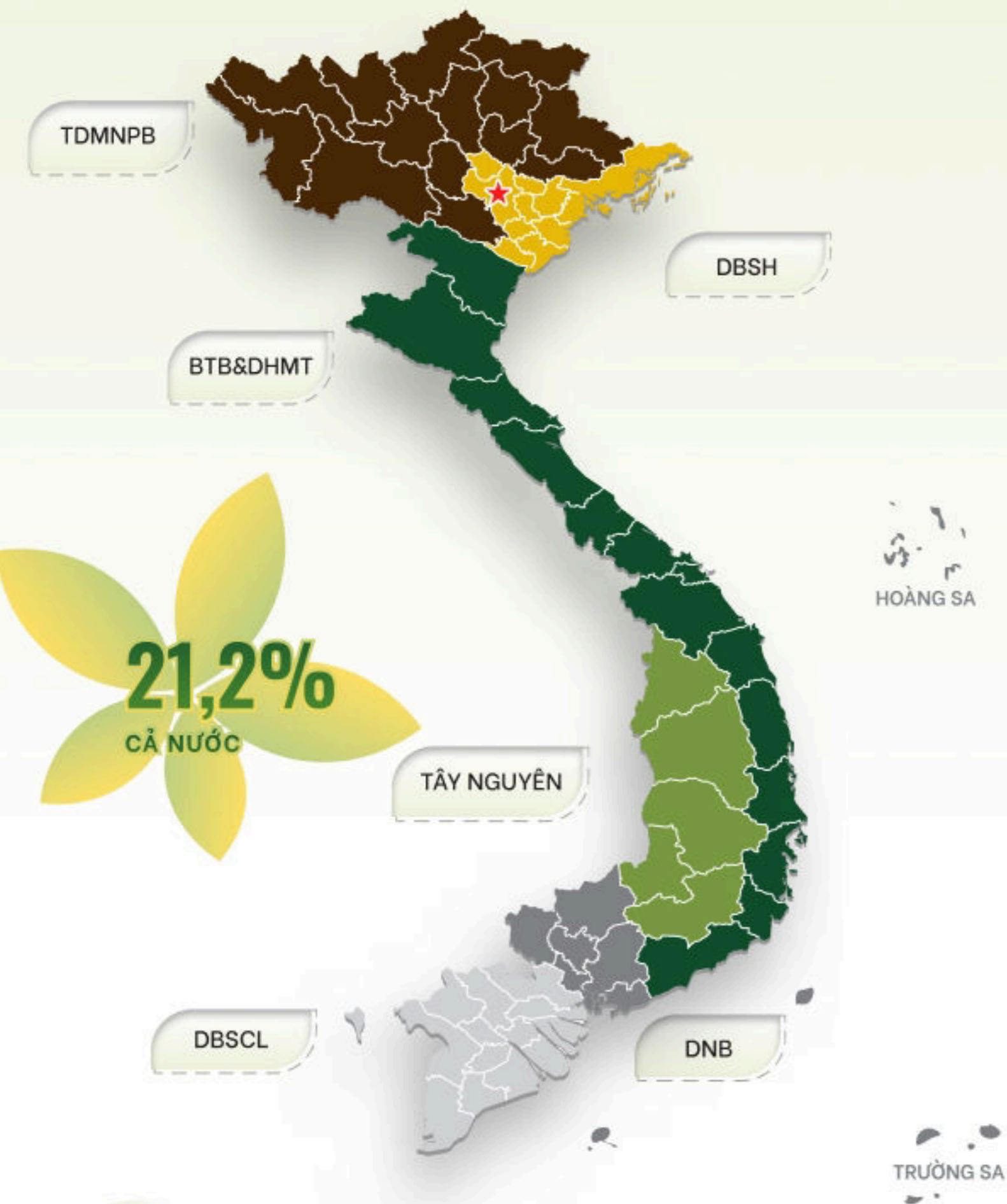
DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC TIÊU BIỂU TOÀN QUỐC TRONG HỢP TÁC XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN

Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng



DOANH NGHIỆP KHCN TIÊU BIỂU TOÀN QUỐC DO BỘ KHCN TRAO TẶNG

ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ THỊ PHẦN



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm 2022 là năm Tập đoàn nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng có giá trị, ghi nhận sự nỗ lực phấn đấu của Công ty trong năm.

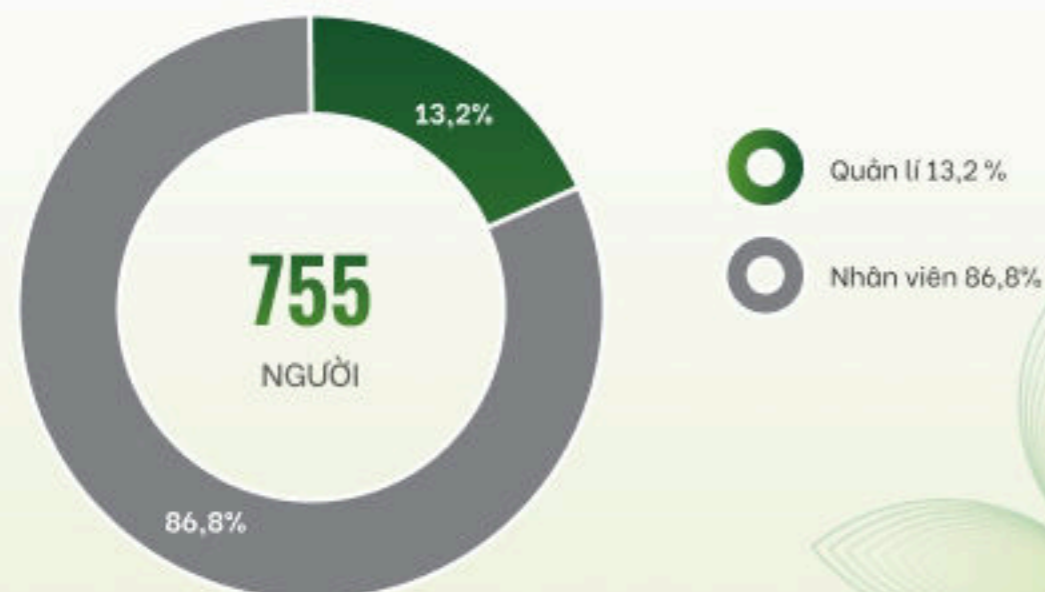


CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2022

- Doanh nghiệp tiêu biểu vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân (2021-2022)
- Doanh nghiệp chuyển đổi số tiêu biểu năm 2022
- TOP 10 doanh nghiệp niêm yết có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt nam 2022
- VNR 500 - TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam
- Sản phẩm Giống cây trồng và nông sản VINASEED tiếp tục được bình chọn là sản phẩm Thương hiệu Quốc gia Việt Nam
- PROFIT 500 - TOP 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022
- Cờ thi đua của UBND TP Hà Nội về khen thưởng các Doanh nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua khối doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội. Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua - Thành tích toàn diện
- Giải thưởng IR Awards 2022. TOP doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin
- TOP 100 doanh nghiệp Khoa học & Công nghệ tiêu biểu sáng tạo năm 2022
- TOP 100 giải thưởng Sao vàng Đất Việt
- Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

NHÂN SỰ NĂM 2022

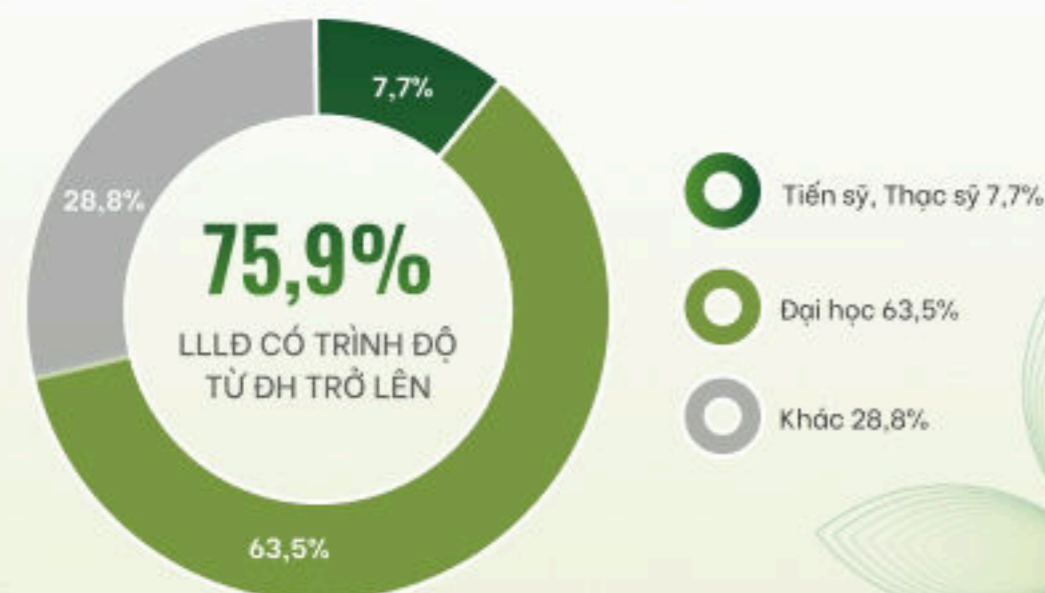
CƠ CẤU LAO ĐỘNG



ĐÀO TẠO NĂM 2022

Trong năm, Vinaseed đã tổ chức 45 lớp đào tạo với 1.250 lượt đào tạo (tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2021) ở khắp tất cả các đơn vị thành viên với nội dung được kết hợp giữa chuyên môn và các lớp kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý, xây dựng và theo dõi kế hoạch, quản lý sản xuất toàn diện,....

TRÌNH ĐỘ NHÂN SỰ



45

LỚP ĐÀO TẠO

1.250

LƯỢT ĐÀO TẠO
↑ 3 LẦN CÙNG KỲ

CÔNG NGHỆ NỔI BẬT

QUY MÔ SẢN XUẤT NGÀY CÀNG ĐƯỢC MỞ RỘNG

Với quan điểm thị trường không chạy theo sản lượng, tập trung phân khúc sản phẩm thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Sản phẩm gạo của Vinaseed được tổ chức chặt chẽ từ khâu nghiên cứu, phát triển, lựa chọn giống chất lượng cao đến chế biến, đóng gói và quảng bá, có như vậy Vinaseed mới chủ động kiểm soát chất lượng lúa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Các sản phẩm gạo được sản xuất từ nguồn giống bản quyền của Vinaseed (Vinaseed hiện đang sở hữu bản quyền những giống gạo thơm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào EU là Đồi Thơm 8 và Thơm RVT, các giống Japonica,...).



TIÊN PHONG TRONG LĨNH VỰC QUẢN TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH 4.0

Xây dựng phương thức quản trị sản xuất nông nghiệp tiên tiến, ứng dụng các giải pháp canh tác bền vững tiết kiệm tài nguyên, có truy xuất nguồn gốc, sử dụng các chế phẩm và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư hóa chất và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các HTX, hộ nông dân tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản của Công ty để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, góp phần đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân.

XÂY DỰNG KHUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG TẬP ĐOÀN

Thực hiện theo định hướng chiến lược giai đoạn **2022-2026** đã đặt ra đó là cải tiến mô hình quản trị theo hướng ứng dụng CNTT vào hoạt động SXKD trong đó tập trung vào hệ thống cốt lõi là quản trị tài chính theo hướng ERP phục vụ quản lý và khai thác tối đa các nguồn lực. Năm 2022, Vinaseed đã tập trung cải tiến phần mềm cốt lõi tài chính kế toán FAST BUSINESS ONLINE, nơi tập trung mọi nguồn cơ sở dữ liệu từ khách hàng, quản lý kinh doanh, tồn kho. Cùng với đó, ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý kênh phân phối DMS và quản lý khách hàng CRM,

việc đi tuyến, ghi nhận đơn hàng, chăm sóc khách hàng được thực hiện bài bản, thuận tiện thông qua ứng dụng mobile. Hoạt động điều phối sản xuất kinh doanh được thực hiện 100% theo thời gian thực, giúp Ban lãnh đạo nhanh chóng đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thị trường. Đối với mảng quản trị, Vinaseed thực hiện số hóa quy trình làm việc với hơn 400 quy trình sẵn có, toàn bộ công tác giao việc, giám sát, đo lường năng suất được thực hiện 100% qua phần mềm, giúp nâng cao năng suất lao động và tăng tốc độ xử lý công việc trong cả Tập đoàn.

MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VINASEED



CÔNG NGHỆ NỔI BẬT

ĐẦU TƯ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI

Thực hiện chiến lược đầu tư để mở rộng công ty, đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh, Vinaseed đã xây dựng các trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ và tự động hóa hàng đầu tại Việt Nam, các dòng sản phẩm của nhà máy sản xuất ra đáp ứng các quy trình kiểm định khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn với con người và môi trường.

Thực hiện chiến lược đầu tư để mở rộng công ty, đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh, Vinaseed đã xây dựng các trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ và tự động hóa hàng đầu tại Việt Nam, các dòng sản phẩm của nhà máy sản xuất ra đáp ứng các quy trình kiểm định khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn với con người và môi trường.



CÔNG NGHỆ NỔI BẬT

ĐẦU TƯ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU

Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (VRDC): thực hiện chức năng Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Hoạt động của Trung tâm:

- 15 cơ sở nghiên cứu khắp các vùng sinh thái cả nước.
- 02 phòng công nghệ sinh học.
- 500 ha phục vụ nghiên cứu.
- 100% cán bộ nghiên cứu có trình độ đại học trở lên, 17 chuyên gia kỹ thuật đầu ngành trong đó có 3 Tiến sỹ, 21 thạc sỹ.
- Trung tâm sở hữu nguồn gen phong phú có ý nghĩa quyết định trong nghiên cứu chọn tạo.
- Diện tích nhà kính, nhà lưới phục vụ nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 11,5 ha



CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CBBQ

- Công suất kho lưu trữ: 50.000 tấn.
- Số cơ sở chế biến đóng gói: 16 nhà máy.
- Diện tích nhà chế biến đóng gói: 200.000 m²
- Công suất chế biến, đóng gói: 150.000 tấn giống/năm, 120.000 tấn gạo/năm.



QUẢN TRỊ RỦI RO



XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT RỦI RO

Thiết lập hệ thống quy tắc làm việc.

Xây dựng các giá trị nền tảng của tổ chức (Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng chiến lược, chính sách phát triển bền vững).

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa sứ mệnh và cơ cấu tổ chức.
- Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và các mối quan hệ trong tổ chức.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự có đạo đức nghề nghiệp, năng lực, nhiệt huyết và khả năng thích ứng công việc.
- Thiết lập hệ thống báo cáo quản trị phù hợp đảm bảo thông tin thông suốt và chính xác trong toàn Công ty.
- Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát: Ban kiểm soát nội bộ và hệ thống quy trình kiểm soát.



KIỂM SOÁT RỦI RO

- Thiết lập các tầng phòng vệ, tập trung nguồn lực cho các hoạt động kiểm soát rủi ro trọng yếu.
- Thiết lập các chốt rủi ro.
- Áp dụng các biện pháp kiểm soát. Thiết lập các chuẩn mực trong kiểm soát nội bộ.
- Quy trình cải tiến khắc phục sau đánh giá và báo cáo kết quả khắc phục phòng ngừa.
- Xây dựng hệ thống giám sát (GRC): giám sát thường xuyên, định kỳ để hệ thống vận hành hiệu quả.

THIẾT LẬP NGƯỠNG RỦI RO (KHẨU VỊ) CHO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro và cơ hội đi liền với nhau, công ty thực hiện phân tích đầy đủ các loại rủi ro, và chấp nhận rủi ro trong giới hạn một cách cẩn trọng và có kiểm soát, đảm bảo tính hợp lý giữa chi phí kiểm soát và mức độ tổn thất rủi ro mang lại để đạt được mục tiêu kinh doanh.

NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Phân rã chi tiết mọi hoạt động của Công ty để đánh giá nhận diện và kiểm soát rủi ro:

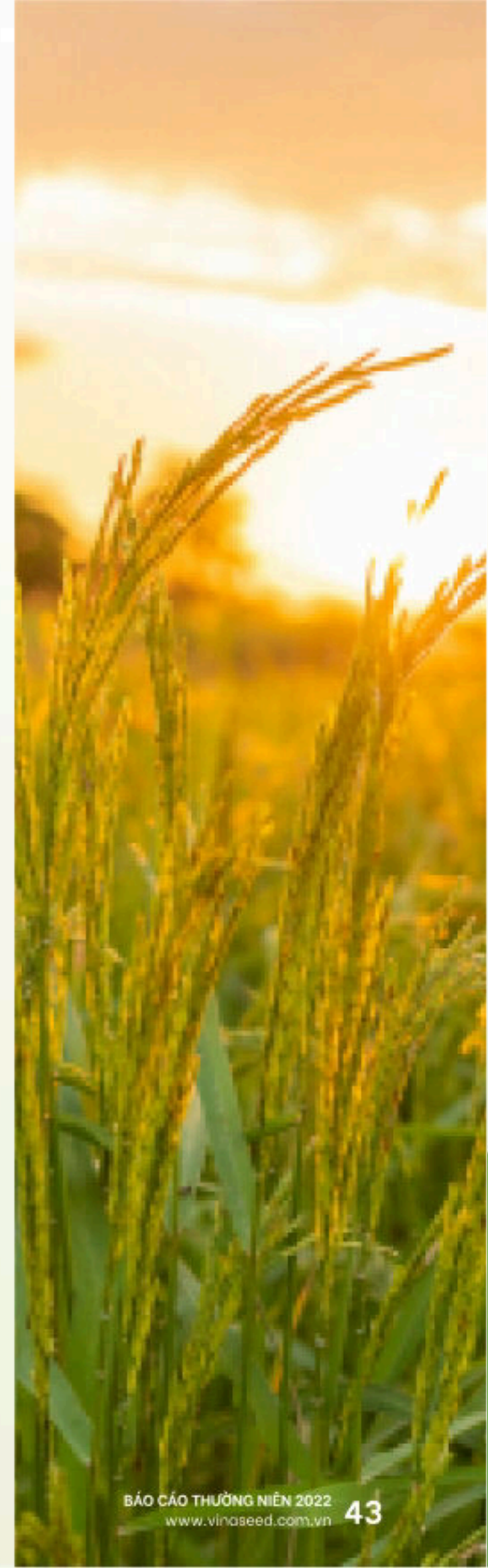
- Nhìn vào hoàn cảnh để nhận diện rủi ro.
- Nhận diện rủi ro cho từng hoạt động với đầy đủ 3 thành phần: **Nguyên nhân - Rủi ro - Ảnh hưởng** từ đó thiết lập danh mục rủi ro. Đánh giá xác suất và mức độ tác động của rủi ro để quyết định mức độ quan tâm xử lý đối với từng loại rủi ro.
- Xác định các yếu tố thành công quan trọng để tập trung nguồn lực kiểm soát rủi ro.

TRUYỀN THÔNG RỦI RO

- Thiết lập hệ thống truyền thông rủi ro phù hợp ở các cấp và cơ chế phản hồi thông tin trong Công ty.
- Truyền thông nhận thức về vai trò, trách nhiệm và biện pháp kiểm soát rủi ro đến ban quản lý đơn vị và nhân viên.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

- Thực hiện đánh giá liên tục công tác quản trị rủi ro, gắn kết hoạt động quản trị rủi ro giữa các bộ phận.



QUẢN TRỊ RỦI RO

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU



RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động SXKD của Vinaseed chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, pháp luật giống cây trồng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong điều kiện khung pháp lý và luật pháp Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nên thường xuyên có những điều chỉnh, thay đổi. Vinaseed đã thực hiện quản trị hệ thống hóa, sơ đồ hóa các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo thượng tôn pháp luật:

- Hệ thống hóa, sơ đồ hóa các quy định trong luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán
- Hệ thống quy định pháp luật về CBTT.
- Hệ thống văn bản pháp luật về Giống cây trồng.
- Hệ thống pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ.
- Hệ thống pháp luật môi trường, quản lý chất thải, hóa chất, PCCC.
- Hệ thống quy định pháp luật lao động.
- Hệ thống các quy định, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp KHCN.

Vinaseed luôn tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.



RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Thời tiết được đánh giá là rủi ro trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed. Để đối phó với rủi ro này Vinaseed đã có những giải pháp chủ động ứng phó với diễn biến thời tiết cực đoan:

- Mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau trên cả nước nhằm phân tán rủi ro và đảm bảo cung ứng liên tục cho thị trường.
- Đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng.
- Hoạch định chiến lược trong hoạt động nghiên cứu phát triển: tập trung các dòng sản phẩm phạm vi thích ứng rộng, chống chịu hạn, lụt, chịu mặn và kháng sâu bệnh.
- Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất trong nhà kính, nhà màng đảm bảo chủ động điều kiện môi trường sản xuất.



RỦI RO TÀI CHÍNH

TÍN DỤNG:

Đây là rủi ro có nguyên nhân chính là do các đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện chậm so với thời hạn quy định.

- Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã ban hành và thực hiện quy trình thẩm định năng lực khách hàng (tình hình tài chính, đánh giá khả năng tiêu thụ, nắm bắt thông tin khách hàng, quy luật thanh toán và xác định thời điểm thuận lợi để tập trung thu công nợ khách hàng) từ đó để ra hạn mức nợ áp dụng đối với từng khách hàng, phát hiện kịp thời các dấu hiệu mất khả năng thanh toán để có biện pháp giải quyết kịp thời.
- Bên cạnh đó, công ty cũng yêu cầu đảm bảo tính pháp lý trong các thủ tục bán hàng phòng ngừa tranh chấp pháp lý có thể xảy ra, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và chốt sổ dư công nợ. Với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ này, năm 2020 công ty không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi.

RỦI RO THANH KHOẢN:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khách hàng, nhà cung cấp. Tại Vinaseed, công tác quản trị dòng tiền được quan tâm và thực hiện tốt nên đã hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Để hạn chế rủi ro về hoạt động đầu tư, Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty, ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý dự án đối với từng Dự án cụ thể.

QUẢN TRỊ RỦI RO

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU



RỦI RO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Để phòng ngừa rủi ro trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, công ty yêu cầu đối với Ban kiểm soát nội bộ công ty, thủ trưởng đơn vị phòng ban:

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục, quy định trong toàn Công ty, đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung kịp thời để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng tài chính của từng đơn vị trực thuộc và toàn Công ty.
- Kiểm soát hoạt động kế toán tài chính công ty (hệ thống các nghiệp vụ kế toán tài chính, các báo cáo tài chính, kiểm soát chi phí phát sinh tại các đơn vị trực thuộc công ty) để đảm bảo tính tuân thủ luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của Nhà nước và quy chế công ty.
- Kiểm soát công tác quản lý hàng hóa, kho tàng. Kiểm soát hao hụt.
- Kiểm soát tính chính xác, kịp thời trong các báo cáo quản trị (báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo thị trường, báo cáo bán hàng, báo cáo tồn kho, báo cáo tiền mặt, tiền gửi định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo công ty).
- Kiểm tra quy trình giao việc của đơn vị: từ ký kết mục tiêu năm, 6 tháng, kế hoạch làm việc tháng, tuần.
- Kiểm soát việc giải quyết các chế độ đối với người lao động theo quy chế (tiền lương, thưởng, phúc lợi).



BẢO MẬT THÔNG TIN

- Phân cấp thẩm quyền tiếp cận thông tin kinh doanh của công ty.
- Cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin ra bên ngoài.
- Các file thông tin được bảo mật bằng mật khẩu.
- Chống xâm phạm hòm thư cá nhân bằng cách định kỳ thay đổi mật khẩu, hạn chế vào hòm thư tại máy tính của người khác, tắt hòm thư đúng cách, thường xuyên kiểm tra hoạt động tài khoản hòm thư và đăng xuất từ xa (trường hợp sử dụng gmail).
- Hạn chế tối đa người khác sử dụng máy tính của mình và phải đứng cạnh giám sát trực tiếp (nếu có).
- Định kỳ lưu trữ file mềm để tránh bị mất dữ liệu thông tin.
- Ban hành quy định về việc đón tiếp khách đến thăm quan và làm việc tại công ty.
- Đặc biệt chú ý trong bảo mật thông tin trong quản lý nguồn gen và bí mật công nghệ của công ty.



RỦI RO AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

CÔNG TY ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP OHSAS:

- Vinaseed liên tục cải tiến hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp dựa trên các kết quả đánh giá, đo lường phân tích để đảm bảo hệ thống vận hành tốt nhất, phòng ngừa tối đa các rủi ro mất an toàn và đảm bảo sức khỏe người lao động. Chính sách an toàn lao động này sẽ được truyền đạt tới mọi nhân viên trong toàn công ty hiểu rõ và thành thạo áp dụng trong thực tế.
- Công ty xem xét hồ sơ lao động của tất cả nhân viên, bao gồm các hoạt động thuê ngoài, nhà thầu, nhà cung cấp để đánh giá các rủi ro lao động có liên quan. Tổ chức bố trí sắp xếp lao động hợp lý phù hợp với tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe của người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc các chương trình bảo hiểm y tế tự nguyện là một trong những hình thức đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động.

XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP:

- Xác định các mối nguy và rủi ro ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của nhân viên hoặc người khác (bao gồm cả lao động tạm thời và nhân viên nhà thầu, hoặc bất kỳ người nào khác tại nơi làm việc của công ty).
- Đưa ra các biện pháp nhằm loại bỏ/ hạ thấp rủi ro, hậu quả trong trường hợp xảy ra.

THÀNH LẬP BAN AN TOÀN LAO ĐỘNG:

- Đôn đốc và kiểm tra, giám sát mọi người trong Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn và sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân, nhắc nhở, hướng dẫn các biện pháp làm việc an toàn đối với công nhân mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc.
- Tham gia góp ý đơn vị trong việc đề xuất kế hoạch bảo hộ lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc.
- Kiến nghị với cấp trên thực hiện các chế độ về BHLĐ, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

- Rà soát và điều chỉnh chính sách môi trường và xã hội của Công ty dựa trên những thay đổi của pháp luật, yêu cầu thực tiễn, giám sát kết quả hoạt động dựa trên các yếu tố: Tiêu thụ tài nguyên, chất thải, sử dụng hóa chất và tiếng ồn. Định kỳ công ty đều có báo cáo tác động của các yếu tố này và trong phương án đầu tư, xây dựng hoặc kế hoạch triển khai sản xuất kinh doanh đều đề ra các giải pháp tối ưu hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Công ty xác định và đánh giá những rủi ro về môi trường thông qua việc xem xét kỹ lưỡng đầu ra, đầu vào của tất cả các quy trình kinh doanh, bao gồm cả những quy trình liên quan đến các nhà cung cấp và các nhà thầu. Công ty có những biện pháp ưu tiên và đánh giá rủi ro. Đánh giá rủi ro được rà soát sao cho phù hợp với tình hình thực tế theo định kỳ và bất cứ khi nào mở rộng sản xuất kinh doanh.



CHƯƠNG 2.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bối cảnh kinh tế năm 2022

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tập đoàn năm 2022

Mục tiêu năm 2023

BỐI CẢNH KINH TẾ NĂM 2022

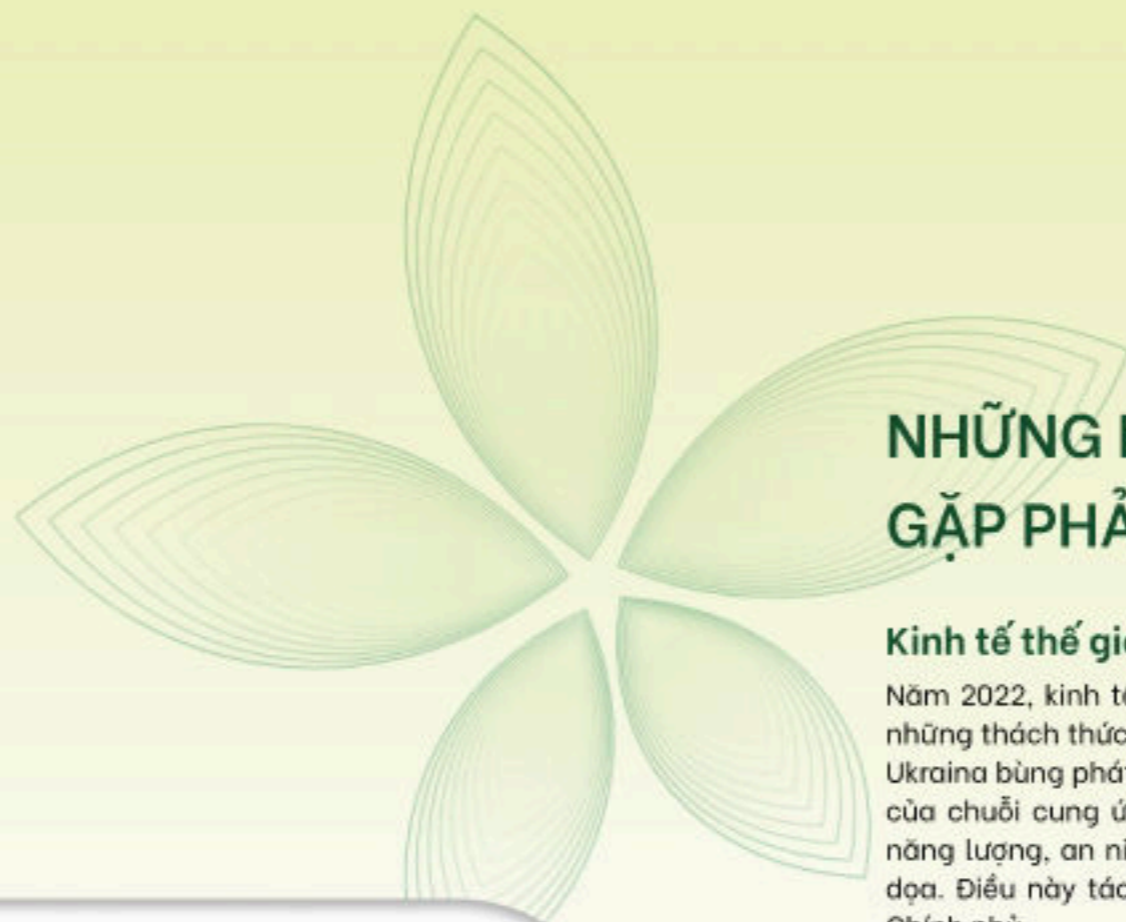


NỀN KINH TẾ CÓ DẤU HIỆU PHỤC HỒI

Lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. GDP tăng 8,02% so với năm trước và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Nông nghiệp tiếp tục đóng vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, tăng trưởng 2,88%. Tuy nhiên tỷ giá tăng cao ảnh hưởng trực tiếp các doanh nghiệp nhập khẩu làm giảm lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam so với các quốc gia khác.

409 tỷ USD

▲8,02% so với CK và đạt mức tăng cao nhất GD 2011-2022



NHỮNG KHÓ KHĂN GẶP PHẢI



Kinh tế thế giới bất ổn

Năm 2022, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao, xung đột Nga - Ukraina bùng phát từ tháng 2-2022 và kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng, giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao, an ninh năng lượng, an ninh lương thực ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế hàng đầu bị đe dọa. Điều này tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam và các chính sách vĩ mô của Chính phủ.

Giá cả leo thang, lạm phát tăng cao

Tình trạng tăng giá, đặc biệt là giá lương thực và năng lượng đẩy lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các chính phủ tài chính toàn cầu liên tục điều chỉnh chính sách tiền tệ để đối phó với cơn bão lạm phát, chỉ tính trong năm 2022 đã có khoảng 305 lượt tăng lãi suất ở nhiều ngân hàng Trung ương trên thế giới. Điều này đã tạo áp lực buộc Việt Nam phải thực hiện các chính sách thắt chặt tiền tệ, thắt chặt đầu tư để kiềm chế lạm phát dẫn đến lãi suất tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn đặc biệt với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Sản xuất công nghiệp và dịch vụ đình đốn

Sản xuất công nghiệp và dịch vụ bị đình đốn, giá cả vật tư đầu vào tăng cao, nhu cầu tiêu dùng hạn chế, sức mua suy giảm ở hầu hết các ngành nghề.



KIM NGẠCH XUẤT
KHẨU TOÀN NGÀNH

53.2 tỷ USD

▲9,3% CK



THẶNG DƯ
THƯƠNG MẠI

8.5 tỷ USD

▲30% CK

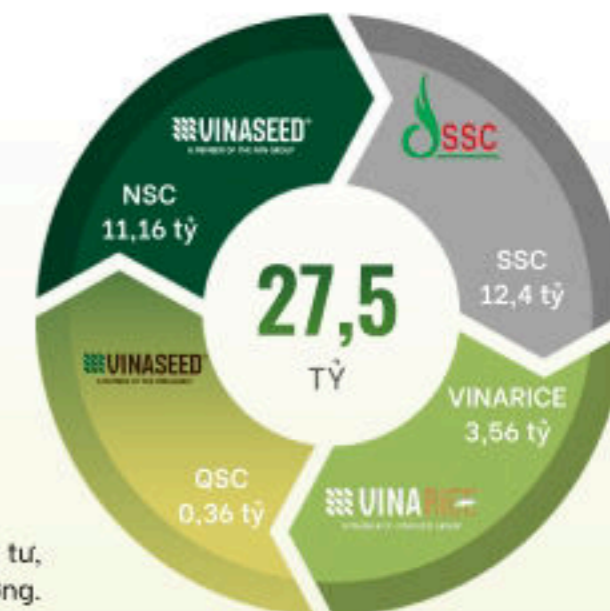
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2022

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2022

| Chỉ tiêu | KH 2022 | TH 2022 | CK 2021 | TH/KH | TH/CK |
|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|--------|--------|
| Doanh thu (Tr.đ) | 2.000.000 | 1.889.065 | 1.928.606 | 94,5% | 97,9% |
| Lợi nhuận trước thuế (Tr.đ) | 265.000 | 265.964 | 248.984 | 100,4% | 106,8% |
| Lợi nhuận sau thuế (Tr.đ) | - | 226.886 | 225.631 | - | 100,6% |
| Cổ tức (bằng tiền, %) | 30 - 40% | 40% (DK) | 70% | 100,0% | 57,1% |
| EPS (đ/cp) | - | 12.555 | 11.451 | - | 109,6% |

CHI TRẢ CỔ TỨC

Thực hiện Nghị quyết 09/NQ-DHĐCD2022 của Đại hội đồng cổ đông, VINASEED đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 70%. (Đợt 1: 40%, Đợt 2: 30%). Năm 2022, Cổ tức dự kiến: 40% bằng tiền.



ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022: 27,5 TỶ ĐỒNG

Các dự án, công trình triển khai theo đúng quy định luật đầu tư, xây dựng. Công trình thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Trong đó, Đầu tư XDCB công ty mẹ NSC năm 2022:

| ĐẦU TƯ XDCB 2022 | Kế hoạch (Trđ) | Thực hiện (Trđ) |
|---|-----------------|-----------------|
| CHI NHÁNH TÂY NGUYÊN | 450,4 | 450,4 |
| Lắp đặt hệ thống sàng cho hệ thống sấy, hệ thống PCCC và chống sét | 450,4 | 450,4 |
| CHI NHÁNH HÀ NAM | 2.087,9 | 2.087,9 |
| Đầu tư thiết bị dây chuyền chế biến gạo, hệ thống đóng bao gạo, sửa chữa đường giao thông, nhà văn phòng. | 2.087,9 | 2.087,9 |
| CHI NHÁNH BA VÌ | 908,2 | 763,5 |
| Làm lán chế biến và hàng rào CN Ba Vì | 908,2 | 763,5 |
| NHÀ MÁY HƯNG YÊN | 6.784,5 | 6.651,5 |
| Dây chuyền xay xát gạo | 6.040,0 | 5.921,6 |
| Hệ thống cân bán tự động và hệ thống khí nén | 744,5 | 729,9 |
| KHÁC | 1212,1 | 1207,1 |
| Cài tạo kho bảo quản hạt giống và sửa lò sấy Thái Bình, Cài tạo mái kho chế biến Thanh Hóa và hồ chứa nước, lò sấy tại VRDC | 1212,1 | 1207,1 |
| TỔNG CỘNG | 11.443,1 | 11.160,4 |



Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế, đạt 266,0 tỷ tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2021. EPS duy trì được tốc độ tăng trưởng 9,6% đạt 12.555 đ/CP.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2022

SỞ HỮU TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

| Công ty | Sở hữu 31/12/2022 | | |
|---------------|-------------------|-------------------|---------|
| | Vốn điều lệ (đ) | Số CP sở hữu (CP) | %/ VDL |
| SSC | 149.923.670.000 | 12.794.862 | 96,41% |
| VINARICE | 330.000.000.000 | - | 100,00% |
| QSC | 5.000.000.000 | 450.100 | 90,02% |
| HSC | 5.688.900.000 | 306.080 | 53,80% |
| HANAM HI-TECH | 50.000.000.000 | 4.700.000 | 94,00% |
| TSC | 9.960.000.000 | 194.126 | 19,49% |

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TÁI CẤU TRÚC VỀ TỔ CHỨC VÀ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC ĐỔI MỚI MÔ HÌNH KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

01

Kiện toàn công tác tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, thành lập công ty kinh doanh nông sản để tham gia sâu vào mảng đầu tư phát triển nông nghiệp.

02

Đổi mới mô hình kinh doanh dẫn đến thay đổi mô hình tăng trưởng với khách hàng là trung tâm, xây dựng đội ngũ chăm sóc khách hàng với các hoạt động giúp gia tăng trải nghiệm khách hàng, len lỏi xuống các hệ thống đại lý C2, C3, nhằm bám sát nhu cầu thị trường và tạo được nhu cầu từ dưới lên.

03

Đổi mới công tác Marketing và truyền thông, xây dựng thương hiệu trong cả Tập đoàn, kết hợp đa dạng các hình thức marketing nhằm tiếp cận đến mọi phân khúc khách hàng.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Đã xây dựng hoàn thiện và ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị đây là điểm mạnh nhất của Vinaseed giúp nâng cao năng lực điều hành, nâng cao năng suất lao động và quản trị rủi ro. Hoạt động quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh thực hiện theo thời gian thực. Công tác đặt hàng, xuất hàng được thực hiện nhanh chóng thông qua ứng dụng Mobile, cán bộ kinh doanh vừa đi thị trường vừa có thể tạo đơn hàng ngay lập tức giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí. Toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày thông minh và trực quan thông qua hệ thống Dashboard giúp Ban điều hành có thể phân tích tình hình và đưa ra quyết định nhanh chóng. Bên cạnh đó, Vinaseed cũng triển khai số hóa hệ thống quy trình làm việc S-pro với hơn 400 quy trình sẵn có, toàn bộ công tác giao việc, giám sát, đo lường năng suất được thực hiện 100% qua phần mềm, giúp nâng cao năng suất lao động và tốc độ xử lý công việc trong cả Tập đoàn.



XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

Ở Vinaseed, luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi, quyết định mọi sự thành công của Công ty. Đội ngũ nhân sự sáng tạo, chất lượng mới có thể giúp Vinaseed đứng vững trên thị trường cạnh tranh đầy khốc liệt. Vì vậy, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được ưu tiên hàng đầu. Trong năm, Vinaseed đã tổ chức 41 lớp đào tạo với 1.115 học viên (số lượng học viên tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2021) ở khắp tất cả các đơn vị thành viên với nội dung được kết hợp giữa chuyên môn và các lớp kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý, xây dựng và theo dõi kế hoạch, quản lý sản xuất toàn diện,...

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2022

ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2022

Trong điều kiện năm 2022, thời tiết tiếp tục diễn biến thất thường gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Vinaseed đã tận dụng mọi cơ hội để đạt kết quả kinh doanh:



Trong đó công ty mẹ **NSC** đạt lợi nhuận **201,0 tỷ đồng**, tăng trưởng **7%** Cùng kỳ năm 2021.

EPS: 12.555 đồng/CP, tăng **9,6%** cùng kỳ.

Thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế, thực thi đúng chức năng, phân cấp quản trị.

Quản trị công khai, minh bạch, triển khai ứng dụng công nghệ vào quản lý nâng cao hiệu quả điều hành và năng suất lao động. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho HĐQT, BKS, năm 2022, VINASEED là doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin trên TTCK Việt Nam. Đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đổi mới mô hình kinh doanh, xây dựng đội ngũ chăm sóc khách hàng cơ sở, mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm lên lời xuống các C2, C3, đa dạng hóa trải nghiệm khách hàng.

Tích cực mở rộng hợp tác quốc tế tìm kiếm cơ hội đầu tư trong mảng giống rau với các đối tác tại Thái Lan và mảng nông sản tại thị trường EU.

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh giúp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và nâng cao hiệu quả.

VINASEED
A MEMBER OF THE PRA GROUP

TOP 10

DN QUẢN TRỊ TỐT NHẤT
SÀN GIAO DỊCH CKVN
NĂM 2022

TOP 500

DN LỢI NHUẬN TỐT NHẤT
VIỆT NAM NĂM 2022

TOP 500

DN TƯ NHÂN
LỚN NHẤT VIỆT NAM

TOP 3

DOANH NGHIỆP
CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU
NĂM 2022

TOP 100

DN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
TIÊU BIỂU SÁNG TẠO NĂM 2022

MỤC TIÊU NĂM 2023

BỐI CẢNH KINH TẾ NĂM 2023

Nền kinh tế Việt Nam năm 2023 tiếp tục phải đối mặt với những thách thức đan xen cả bên trong lẫn bên ngoài:

Kinh tế thế giới đứng trước nguy cơ rơi vào suy thoái khi xung đột Nga - Ukraine tiếp tục diễn biến căng thẳng khiến giá năng lượng biến động thất thường, giá thực phẩm trên thế giới được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức cao, để chống lạm phát buộc các ngân hàng trung ương lớn từ Mỹ tới châu Âu tiếp tục phải thực hiện thắt chặt tiền tệ. Hệ lụy là thất nghiệp tăng cao và thu nhập giảm sút, suy giảm nhu cầu hàng hóa nhập khẩu trong đó có Việt Nam.

Dư âm của biến động tỷ giá năm 2022 sẽ còn tiếp tục kéo dài sang năm 2023 với nhiều dự báo về lãi suất cho vay của đồng Việt Nam sẽ tăng thêm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam.

Việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2023 đang trở nên khó khăn mặc dù nông nghiệp tăng trưởng khá ổn định nhưng không cao, trong khi khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đóng góp rất lớn vào GDP, nhưng tăng trưởng bấp bênh (có năm tăng cao, có năm thấp, thậm chí còn tăng trưởng âm).

Giá cả hàng hóa vẫn neo ở mức cao buộc các hộ gia đình phải thắt chặt chi tiêu, dẫn đến sức mua của nền kinh tế tiếp tục bị xói mòn, trong khi các chi phí mặt bằng và các chi phí khác tăng cao.

Nội tại nền kinh tế Việt Nam còn cho thấy vấn đề trên thị trường vốn, doanh nghiệp gặp khó trong vấn đề tiếp cận vốn hoặc tiếp cận được với chi phí vốn rất cao.

Dịch bệnh Covid-19 đang có dấu hiệu bùng phát trở lại khi số ca nhiễm covid đang tăng mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro với nền kinh tế.

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2023

| VINASEED GROUP | DVT | Mục tiêu 2023 | Tăng trưởng so với năm 2022 |
|----------------------|-----|---------------|-----------------------------|
| Doanh thu | Trđ | 2.200.000 | 116,5% |
| Lợi nhuận trước thuế | Trđ | 290.000 | 109,0% |
| Cổ tức (DK) | % | 30 - 40% | - |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2023

| Đầu tư | Dự toán |
|---|---------------------|
| Dự án xây dựng kho lạnh bảo quản hạt giống cho NSC tại chi nhánh Thái Bình, công suất bảo quản dự kiến 1.000 tấn. | 15,8 tỷ đồng |
| Tổng cộng | 15,8 tỷ đồng |

TẬP TRUNG TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

TÁI CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG KINH DOANH GIỐNG

Tiếp tục tổ chức lại bộ máy kinh doanh, hình thành các bộ phận chăm sóc khách hàng tại từng tỉnh nhằm thay đổi phương thức tiếp cận khách hàng để thúc đẩy nhu cầu từ dưới lên.

ĐƯA HỆ SINH THÁI CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO VẬN HÀNH

Chính thức trong năm 2023, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực quản trị hỗ trợ công tác điều hành theo thời gian thực, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa vận hành.

TỔ CHỨC LẠI MẢNG KINH DOANH NÔNG SẢN

Trên cơ sở tách mảng kinh doanh nông sản của Vinaseed và Vinarice, thành lập Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam (VINA AGRIFOOD) trực thuộc Vinarice đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành ngành gạo (quy hoạch vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, thu mua, xây dựng và phát triển thị trường, thương hiệu gạo của Tập đoàn).

CHƯƠNG 3.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Đặc điểm tình hình

Kết quả hoạt động của Tập đoàn năm 2022

Hoạt động của các công ty thành viên



ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Kim ngạch XNK vượt 732,5 tỷ USD. Đặc biệt, ngành nông nghiệp đạt mức kim ngạch XNK cao nhất từ trước đến nay, đạt 53,22 tỷ USD tăng 9,3% so với năm 2021, thặng dư thương mại toàn ngành đạt 8,5 tỷ USD đóng góp chủ lực (chiếm khoảng 77%) trong tổng giá trị xuất siêu của cả nền kinh tế năm 2022.

Sức mua suy giảm ở hầu khắp các tỉnh thành, dân không mặn mà mua giống do chi phí đầu vào ở mức cao trong khi giá lúa đầu ra không tăng, vụ hè thu và thu đông, dân gần như bỏ không ruộng.

Kinh tế năm 2022 của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Thời tiết diễn biến cực đoan, kéo dài và diễn ra vào những thời điểm quan trọng của cây trồng dẫn đến sản xuất không đảm bảo kế hoạch, đặc biệt sản phẩm hạt lai, không tận dụng được cơ hội thị trường.

Lãi suất tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, khó khăn cho doanh nghiệp trong tiếp cận nguồn vốn.

Nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi với GDP năm 2022 lần đầu đạt 409 tỷ tăng 8,02% và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.

GDP NÔNG NGHIỆP
▲2,88%
DUY TRÌ TỐC ĐỘ TĂNG
TRƯỞNG ỔN ĐỊNH

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào tốc độ tăng của toàn nền kinh tế



409 tỷ USD

Quy mô GDP tăng 8,02% so với năm trước



7,2 triệu tấn

Xuất khẩu gạo tăng 16% so với cùng kỳ

Đạt giá trị **3,5 tỷ USD**
▲7% so với CK



732,5 tỷ USD

Kim ngạch xuất nhập khẩu



53,22 tỷ USD

Kim ngạch XNK ngành nông nghiệp tăng 9,3% so với 2021

Thặng dư đạt **8,5 tỷ USD**
▲30% so với CK

Chiếm **77%** tổng giá trị xuất siêu
của nền kinh tế 2022

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN NĂM 2022

THUẬN LỢI



Nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi giúp các hoạt động giao thương trở nên thuận lợi.



Hoạt động xuất khẩu gạo gặp nhiều thuận lợi, giá cước vận tải nửa cuối năm 2022 giảm dần, tình trạng ách tắc tại cảng gần như không còn, hưởng lợi từ việc cấm xuất khẩu gạo từ Ấn độ, nhiều đối tác mới tìm đến đặt hàng.

01

Thời vụ kinh doanh bị đẩy lùi trong cả 2 vụ lúa chính (Hè thu, mùa 2022 và Đông Xuân 2022 - 2023) do năm nay nhuận 2 tháng 2, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

02

Mặc dù chi phí logistic có giảm, nhưng chi phí vật tư đầu vào vẫn neo cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận của người dân, sức mua suy giảm ở tất cả các vùng thị trường, tình trạng bỏ ruộng vẫn ở mức cao, người dân không mặn mà với sản xuất nông nghiệp.

03

Giá xăng dầu trong nước vẫn duy trì mức cao, dẫn đến giá vận tải nội địa ở tất cả các loại hình đều gia tăng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

04

Chính sách thắt chặt đầu tư, kiểm chế lạm phát dẫn đến lãi suất tăng cao, biến động tiền tệ, và tỷ giá lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vay vốn và giải của khách hàng và đối tác.

05

Thủ tục công nhận lưu hành giống theo luật trồng trọt mới khiến việc công nhận giống, phóng thích và thương mại giống gặp rất nhiều khó khăn, thủ tục gia hạn lưu hành giống phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Nhiều giống trước là giống phổ thông nay trở thành giống bản quyền. Công ty phải nộp phí bản quyền để được kinh doanh sản phẩm, toàn bộ bao bì phải thay mới do yêu cầu phải bổ sung mã lưu hành sản phẩm, gây tốn kém chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

06

Thời tiết diễn biến thất thường, mưa liên tục kéo dài giai đoạn gieo cấy dẫn đến nhiều diện tích cây trồng sinh trưởng phát triển kém, đặc biệt sản phẩm hạt lai. Sản xuất không đảm bảo hàng hóa phục vụ kinh doanh trở thành điểm nghẽn lớn nhất của Vinaseed.



KHÓ KHĂN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT NĂM 2022

(ĐVT: Triệu VND)

| Chỉ tiêu | KH 2022 | TH 2022 | CK 2021 | TH/KH | TH/CK |
|----------------------|-----------|-----------|-----------|--------|--------|
| Doanh thu | 2.000.000 | 1.889.065 | 1.928.606 | 94,5% | 97,9% |
| Lợi nhuận gộp | - | 632.966 | 620.514 | - | 102,0% |
| Lợi nhuận trước thuế | 265.000 | 265.964 | 248.984 | 100,4% | 106,8% |
| Lợi nhuận sau thuế | - | 226.886 | 225.631 | - | 100,6% |
| ROS (%) | - | 12,0% | 11,7% | - | 102,7% |
| ROA (%) | - | 11,3% | 11,7% | - | 96,8% |
| ROE (%) | - | 16,9% | 17,3% | - | 97,7% |
| EBIT | - | 278.442 | 263.345 | - | 105,7% |
| EBITDA | - | 352.557 | 337.445 | - | 104,5% |
| EPS (đ/cp) | - | 12.555 | 12.481 | - | 109,6% |

KINH DOANH CÔNG TY MẸ NSC NĂM 2022

(ĐVT: Triệu VND)

| NSC | KH 2022 | TH 2022 | CK 2021 | TH/KH | TH/CK |
|----------------------|-----------|-----------|-----------|-------|-------|
| Doanh thu | 1.050.000 | 1.068.851 | 1.020.969 | 102% | 105% |
| Lợi nhuận gộp | - | 359.790 | 345.128 | - | 104% |
| Lợi nhuận trước thuế | 195.000 | 201.352 | 188.566 | 103% | 107% |
| Lợi nhuận sau thuế | - | 181.158 | 181.007 | - | 100% |
| EBIT | - | 213.161 | 199.870 | - | 107% |
| EBITDA | - | 227.970 | 213.312 | - | 107% |

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2022 | 2021 |
|---|-----|------|------|
| Khả năng thanh toán tiền mặt (Tiền, TDT/ Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,63 | 0,52 |
| Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,83 | 1,75 |
| Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - H Tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,10 | 1,04 |
| Khả năng thanh toán tức thời (Tiền, TDT+ĐT Tài chính n.hạn)/ Nợ ngắn hạn | Lần | 0,65 | 0,53 |

CƠ CẤU VỐN CÔNG TY

(ĐVT: Triệu VND)

| Chỉ tiêu | 2022 | 2021 | 2022/2021 |
|--|-----------|-----------|-----------|
| Nợ phải trả | 674.471 | 627.326 | 107,5% |
| Vốn chủ sở hữu | 1.351.258 | 1.304.632 | 103,6% |
| Tổng Tài sản | 2.025.729 | 1.931.959 | 104,9% |
| Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH) | 49,9% | 48,1% | 103,8% |
| Hệ số đòn bẩy (Tổng tài sản/ Vốn CSH) | 149,9% | 148,1% | 101,2% |

HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI SẢN

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2022 | 2021 | 2022/2021 |
|--|------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng tài sản | Trđ | 2.025.729 | 1.931.959 | 104,9% |
| Vốn chủ sở hữu | Trđ | 1.351.258 | 1.304.632 | 103,6% |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn / H tồn kho) | Vòng | 2,69 | 3,10 | 86,9% |
| Vòng quay khoản phải thu (D.thu/ Khoản phải thu ngắn hạn) | Vòng | 6,63 | 6,46 | 102,7% |
| Vòng quay Tài sản (Doanh thu / TTS) | Vòng | 0,93 | 1,00 | 93,3% |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

GIỐNG CÂY TRỒNG

Tập trung nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, nâng tỷ trọng sản phẩm bản quyền, tiếp cận xu thế thế giới về chuẩn an toàn và chất lượng.

NÔNG SẢN

Tập trung xây dựng chuỗi giá trị nông sản từ nghiên cứu, chọn tạo giống chất lượng – hệ thống canh tác, sản xuất – công nghệ sau thu hoạch – thương mại. Tập trung phân khúc sản phẩm thương hiệu, truy xuất nguồn gốc.

VẬT TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, vật liệu môi trường chọn tạo giống cây trồng, quy trình canh tác, chế phẩm sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch,... thích ứng với biến đổi khí hậu và an toàn thực phẩm.

THÀNH TỰU R&D NĂM 2022

Công nhận chính thức **5** giống bổ sung danh mục hàng hóa phục vụ kinh doanh của Tập đoàn gồm:

VNR20



HN92



HN268



HN66



SSC659



ĐẦU TƯ HIỆN ĐẠI HÓA CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu lúa Cờ đỏ với tổng vốn đầu tư 18,3 tỷ, các trang thiết bị nghiên cứu được đầu tư hiện đại, đồng bộ, tạo tiền đề đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khảo nghiệm lúa, làm chủ công nghệ Maker phân tử, ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022



Tham gia mạng lưới liên minh lúa thuần (NARVI) do Viện nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) tổ chức, trong năm 2022 đã nhận chuyển giao 60 giống, chọn được 06 giống mang gen kháng bệnh đạo ôn, 07 giống mang gen kháng bệnh bạc lá và 09 giống năng suất cao phục vụ cho hoạt động nghiên cứu.



Mở rộng hợp tác quốc tế tìm kiếm cơ hội đầu tư trong mảng giống rau với các đối tác tại Thái Lan (Advance Seeds Thailand, Lion Seed Co., Ltd, Siam star seed Co., Ltd,...).



Phối hợp với các đối tác quốc tế tham gia hội chợ thực phẩm quốc tế Sial tổ chức tại Paris, đánh giá toàn bộ thị trường gạo tại EU từ đó xây dựng hệ thống kênh phân phối tiềm năng.



Hợp tác với Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) và Quỹ phát triển và khí hậu Hà Lan (DFCD) với mục tiêu xây dựng để ổn nghiên cứu chuỗi giá trị lúa gạo tại ĐBSCL. Kết quả đã xác định được khung giá trị của tất cả các thành tố trong chuỗi từ đầu vào, sản xuất, chế biến và đầu ra. Từ đó đưa ra định hướng phát triển nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh giống, đặc biệt giống lúa thích ứng biến đổi khí hậu tại thị trường ĐBSCL. Dự án triển khai hoàn thành 5 mốc đảm bảo đúng tiến độ với tổng ngân sách giải ngân đạt 100% theo kế hoạch.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TÁI CẤU TRÚC VỀ TỔ CHỨC VÀ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC ĐỔI MỚI MÔ HÌNH KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

- Kiện toàn công tác tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, thành lập công ty kinh doanh nông sản để tham gia sâu vào mạng lưới đầu tư phát triển nông nghiệp.
- Đổi mới mô hình kinh doanh dẫn đến thay đổi mô hình tăng trưởng với khách hàng là trung tâm, xây dựng đội ngũ chăm sóc khách hàng với các hoạt động giúp gia tăng trải nghiệm khách hàng, len lỏi xuống các hệ thống đại lý C2, C3, nhằm bám sát nhu cầu thị trường và tạo được nhu cầu từ dưới lên.
- Đổi mới công tác Marketing và truyền thông, xây dựng thương hiệu trong cả Tập đoàn, kết hợp đa dạng các hình thức marketing nhằm tiếp cận đến mọi phân khúc khách hàng.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Đã xây dựng hoàn thiện và ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị đây là điểm mạnh nhất của Vinaseed giúp nâng cao năng lực điều hành, nâng cao NSLD và quản trị rủi ro. Việc cải tiến phần mềm tài chính kế toán FAST BUSINESS ONLINE kết hợp đưa vào vận hành chính thức phần mềm quản lý hệ thống kênh phân phối DMS đã giúp Vinaseed quản lý hoạt động kinh doanh theo thời gian thực. Công tác đặt hàng, xuất hàng được thực hiện nhanh chóng thông qua ứng dụng Mobile, cán bộ kinh doanh vừa đi thị trường vừa có thể tạo đơn hàng ngay lập tức giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí. Toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày thông minh và trực quan thông qua hệ thống Dashboard giúp Ban điều hành có thể phân tích tình hình và đưa ra quyết định nhanh chóng. Đối với mảng quản trị, Vinaseed cũng triển khai số hóa hệ thống quy trình làm việc S-pro với hơn 400 quy trình sẵn có, toàn bộ công tác giao việc, giám sát, đo lường năng suất được thực hiện 100% qua phần mềm, giúp nâng cao năng suất lao động và tốc độ xử lý công việc trong cả Tập đoàn.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

- Công tác đào tạo được đẩy mạnh và tăng cường trong năm 2022 với 41 lớp đào tạo với 1.115 lượt đào tạo (tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2021) ở khắp tất cả các đơn vị thành viên với nội dung được kết hợp giữa chuyên môn và các lớp kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý, xây dựng và theo dõi kế hoạch, quản lý sản xuất toàn diện,...





Năm 2022 là năm khởi động cho chiến lược chuyển đổi số của Vinaseed giai đoạn 2022 - 2026,

Theo đó Vinaseed thực hiện đổi mới mô hình quản trị theo hướng ứng dụng CNTT, mục đích đổi mới toàn diện các mặt hoạt động từ mô hình kinh doanh, mô hình quản trị tăng cường sự phối hợp, giảm đầu mối trong tổ chức, tối ưu nhân lực, cải tiến hiệu suất làm việc, giảm chi phí vận hành từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và hình thành nên văn hóa làm việc mới trong Doanh nghiệp. Với những sự nỗ lực đó, năm 2022, **Vinaseed vinh dự là một trong 3 đơn vị được VCCI trao tặng giải thưởng Doanh nghiệp chuyển đổi số tiêu biểu năm 2022.**



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)

GĐKKD số 0302634683, do Sở KHĐT TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/06/2002, thay đổi lần 10, ngày 19/8/2019

Địa chỉ 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại 028.38442414 Fax: 028.38442387
Vinaseed sở hữu 96,41% cổ phần có quyền biểu quyết.

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2022 SSC

(ĐVT: Triệu VND)

| SSC | 2022 | 2021 |
|----------------------|---------|---------|
| Doanh thu | 300.268 | 310.442 |
| Lợi nhuận trước thuế | 64.362 | 65.911 |
| Lợi nhuận sau thuế | 51.163 | 54.447 |
| ROS (LN/DT) | 17,0% | 17,5% |
| EBIT | 64.362 | 65.911 |



CÔNG TY TNHH LÚA GẠO VIỆT NAM (VINARICE)

GĐKKD số: 1402133347 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 01/11/2019.

Địa chỉ Xã Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp
Điện thoại (0277) 651 8888 Fax: (0277) 651 6666
Vinaseed sở hữu 70% VDL, SSC sở hữu 30% VDL.

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2022 VINARICE

(ĐVT: Triệu VND)

| VINARICE | 2022 | 2021 |
|----------------------|---------|---------|
| Doanh thu | 404.552 | 515.304 |
| Lợi nhuận trước thuế | 33.450 | 37.954 |
| Lợi nhuận sau thuế | 33.404 | 37.954 |
| ROS (LN/DT) | 8,3% | 7,4% |
| EBIT | 39.923 | 43.935 |



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM (QSC)

GDKKD số: 3303070178 do sở KHĐT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/3/2019.

Địa chỉ Km 943 QL1A, Thôn Bồ Mung 1, Điện Thắng Bắc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam.
Điện thoại (0235) 3869455 **Fax:** (0235) 3869253
Vinaseed sở hữu 90,02% cổ phần có quyền biểu quyết.

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2022 QSC

(ĐVT: Triệu VND)

| QSC | 2022 | 2021 |
|----------------------|---------|---------|
| Doanh thu | 116.972 | 113.716 |
| Lợi nhuận trước thuế | 20.350 | 18.455 |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.236 | 14.644 |
| ROS (LN/DT) | 13,9% | 12,9% |
| EBIT | 20.354 | 18.572 |



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY (HSC)

GDKKD số: 0500437239 do sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/04/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 18/01/2017.

Địa chỉ Số 02, Ba La, Phú Lâm, Hà Đông, TP. Hà Nội.
Điện thoại 024. 33530655 - **Fax:** 024. 33535421
Vinaseed sở hữu 53,80% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2022 HSC

(ĐVT: Triệu VND)

| HSC | 2022 | 2021 |
|----------------------|--------|--------|
| Doanh thu | 43.727 | 40.969 |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.558 | 4.803 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.447 | 3.842 |
| ROS (LN/DT) | 10,2% | 9,4% |
| EBIT | 5.558 | 4.803 |



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM (HANAM HITECH)

GDKKD số: 0700778275 do sở KHĐT tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 04/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 13/02/2020.

Địa chỉ Xóm 2, xã Nhân Khang, H.Lý Nhân, Hà Nam.
Điện thoại (0226) 365 2888 **Fax:** (0226) 365 2666
Vinaseed sở hữu 94,0% Vốn điều lệ.

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2022 HANAM HITECH

(ĐVT: Triệu VND)

| HANAM HITECH | 2022 | 2021 |
|----------------------|---------|---------|
| Doanh thu | 127.362 | 119.184 |
| Lợi nhuận trước thuế | 8.252 | 11.710 |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.546 | 11.710 |
| EBIT | 8.604 | 11.866 |



CHƯƠNG 4.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022

Hệ thống tài chính kế toán

Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban TGD Tập đoàn

Tình hình thực hiện quy chế tại các đơn vị

Kết luận và kiến nghị

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo Điều lệ Công ty, năm 2022 BKS đã tiến hành họp và kiểm tra hoạt động SXKD Tập đoàn, thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định quản lý, điều hành hoạt động SXKD tại Trụ sở chính, các đơn vị trực thuộc.

Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 6 tháng của Tập đoàn, báo cáo của Hội đồng quản trị.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác, các công việc quản lý, điều hành của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

Năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu kiểm tra bất thường nào đối với Công ty.

CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| Thành viên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Biểu quyết | Lý do không dự họp |
|-----------------|------------|---------------------|-------|------------|--------------------|
| Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng ban | 2/2 | 100% | 100% | |
| Lương Ngọc Thái | Thành viên | 2/2 | 100% | 100% | |
| Đỗ Tiến Sỹ | Thành viên | 2/2 | 100% | 100% | |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu VND

| Chỉ tiêu | KH 2022 | TH 2022 | CK 2021 | TH/KH | TH/CK |
|--------------|-----------|-----------|-----------|--------|--------|
| Doanh thu | 2.000.000 | 1.889.065 | 1.928.606 | 94,5% | 97,9% |
| Lợi nhuận TT | 265.000 | 265.964 | 248.984 | 100,4% | 106,8% |

Kết quả năm 2022



1.889.065
TRIỆU ĐỒNG DOANH THU



265.964
TRIỆU ĐỒNG LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ



94,5%
KẾ HOẠCH DOANH THU



100,4%
KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

HỆ THỐNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

BCTC được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan:

- BCTC bán niên và BCTC năm 2022 được soát xét và kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- BCTC năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính đến thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi trọng yếu khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về việc công bố thông tin (Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn CBTT trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Kiểm toán và thực hiện việc soát xét BCTC theo đúng quy định luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật áp dụng đối với công ty niêm yết.

SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BAN TGD TẬP ĐOÀN

- Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá, và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ (bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp tài liệu, báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng) để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- BKS đã có ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban TGD, góp phần giải quyết các vấn đề rủi ro có thể phát sinh. Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận và có nhiều cải tiến đổi mới trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Công tác quản trị, CBTT và trao đổi thông tin giữa HĐQT, Ban TGD và BKS được thực hiện đầy đủ theo Điều lệ và quy định của UBCK Nhà nước.
- HĐQT, Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực trong chỉ đạo điều hành, giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh, thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, thực hiện đúng các nội dung ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua, đảm bảo hiệu quả và an toàn.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ TẠI CÁC ĐƠN VỊ

- Các đơn vị, chi nhánh và văn phòng Công ty cơ bản đã thực hiện nghiêm túc và tuân thủ quy chế, quy trình công ty ban hành về sản xuất, chế biến, bán hàng, vận chuyển và các hoạt động khác.
- Công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy định của Công ty được tăng cường. Ứng dụng tốt công nghệ 4.0 vào quản lý góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và năng suất lao động.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2022, HĐQT và Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế công ty.

Ban TGD đã xem xét nghiêm túc kiến nghị của BKS trong các kỳ trước và đã thực hiện các biện pháp hoàn thiện quy trình SXKD.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Nguyễn Anh Tuấn

CHƯƠNG 5.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thông tin cổ phần

Lịch sử chia cổ tức

Lịch sử tăng vốn điều lệ

Thông tin cổ đông

Thay đổi nhân sự năm 2022

Hoạt động của Đại hội đồng Cổ đông

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Đào tạo quản trị công ty

Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát



THÔNG TIN CỔ PHẦN

MÃ CHỨNG KHOÁN

NSC

Loại niêm yết:
Cổ phiếu phổ thông

Ngày giao dịch đầu tiên:
21/12/2006

Nơi niêm yết:
Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM – HOSE (Từ 21/12/2006)



Từ ngày 06/04/2021 tạm thời chuyển sàn từ HOSE sang HNX (thực hiện Công văn số 713/UBCK-PTTT ngày 03/03/2021 để giảm tải cho sàn giao dịch HOSE)

Niêm yết tại HOSE tại ngày
01/09/2021

Mệnh giá (đồng/cổ phiếu)
10.000

Đơn vị kiểm toán độc lập
Ernst & Young Vietnam Ltd

Số lượng cổ phiếu 31/12/2022 (cổ phiếu)
17.586.988

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành
31/12/2022 (cổ phiếu)
17.574.516

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày
31/12/2022 (cổ phiếu)
12.472

LỊCH SỬ CHIA CỔ TỨC

| Năm | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức chia cổ tức | |
|------------------|--------------|-----------------------|---------------|
| | | Bằng tiền | Bằng cổ phiếu |
| 2006 | 19% | 19% | |
| 2007 | 39% | 19% | 20% |
| 2008 | 22% | 15% | 7% |
| 2009 | 50% | 18% | 32% |
| 2010 | 30% | 30% | |
| 2011 | 30% | 30% | |
| 2012 | 50% | 30% | 20% |
| 2013 | 30% | 30% | |
| 2014 | 30% | 30% | |
| 2015 | 30% | 30% | |
| 2016 | 30% | 30% | |
| 2017 | 30% | 15% | 15% |
| 2018 | 30% | 30% | |
| 2019 | 40% | 40% | |
| 2020 | 40% | 40% | |
| 2021 | 70% | 70% | |
| 2022 (DK) | 40% | 40% | |

LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

| Thời điểm | Vốn điều lệ sau khi tăng | Phát hành tăng (CP) | Hình thức tăng vốn | |
|-----------|--------------------------|---------------------|--|--|
| | | | Hình thức | Cơ sở pháp lý |
| 2004 | 13.500.000.000 | 1.350.000 | Cổ phần hoá | Quyết định 5029/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT |
| 2006 | 22.120.100.000 | 862.010 | Phát hành nội bộ cho cổ đông hiện hữu, HĐQT, BKS, Bộ máy điều hành, CBCNV và nhà đầu tư chiến lược | Biên bản ĐHĐCD thường niên ngày 25/3/2006 |
| 2006 | 30.000.000.000 | 787.990 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV | Biên bản ĐHĐCD bất thường ngày 30/6/2006 |
| 2007 | 36.000.000.000 | 600.000 | Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 07/4/2007 |
| 2008 | 57.659.500.000 | 2.165.950 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Phát hành cho CBCNV. Phát hành cho cổ đông chiến lược | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 07/4/2007 |
| 2009 | 80.141.610.000 | 2.248.211 | Phát hành cổ phiếu thường, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 14/3/2009 |
| 2010 | 81.341.610.000 | 120.000 | Phát hành cổ phiếu thường chương trình ESOP 2009 cho CBCNV | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 21/3/2010 |
| 2011 | 82.561.610.000 | 122.000 | Phát hành cổ phiếu thường chương trình ESOP 2010 cho CBCNV | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 20/03/2011 |
| 2012 | 100.298.380.000 | 1.773.677 | Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, thường cổ phiếu chương trình ESOP 2011 cho CBCNV | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 19/3/2012 |
| 2014 | 152.950.000.000 | 5.265.162 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Chương trình ESOP 2014 cho CBCNV | Nghị Quyết ĐHĐCD bất thường ngày 21/12/2013 |
| 2018 | 175.869.880.000 | 2.291.988 | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu | Nghị Quyết ĐHĐCD thường niên ngày 19/4/2018 |

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Bộ phận Quan hệ cổ đông Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

 Email
Nsc@vinaseed.com.vn

 Điện thoại
0243.8523294 (số máy lẻ 215)

 Địa chỉ
Số 01, Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

 Trang quan hệ nhà đầu tư
<http://vinaseed.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>

 Trang Đại hội đồng cổ đông
<http://vinaseed.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/dai-hoi-dong-co-dong>



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY 21/03/2023

| Đối tượng | Số cổ đông | Số cổ phiếu | % Vốn điều lệ |
|------------------------------|--------------|-------------------|----------------|
| 1. Cổ đông trong nước | 999 | 16.055.401 | 91,29% |
| Tổ chức | 24 | 14.690.640 | 83,53% |
| Cá nhân | 975 | 1.364.761 | 7,76% |
| 2. Cổ đông nước ngoài | 159 | 1.531.587 | 8,71% |
| Tổ chức | 21 | 933.558 | 5,31% |
| Cá nhân | 138 | 598.029 | 3,40% |
| 3. Tổng số | 1.158 | 17.586.988 | 100,00% |
| Tổ chức | 45 | 15.624.198 | 88,84% |
| Cá nhân | 1.113 | 1.962.790 | 11,16% |

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG



TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN



TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Thành viên | Chức danh | Số cổ phiếu sở hữu | |
|-------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------|
| | | Số cổ phiếu | % Vốn điều lệ |
| Bà Trần Kim Liên | Chủ tịch HĐQT | 37.113 | 0,21% |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Phó Chủ tịch HĐQT | 4.600 | 0,03% |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên HĐQT | 4.600 | 0,03% |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên HĐQT đến 25/4/2022 | 4.600 | 0,03% |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên HĐQT đến 25/4/2022 | 0 | 0,00% |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 4.600 | 0,03% |

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA BAN KIỂM SOÁT

| Thành viên | Chức danh | Số cổ phiếu sở hữu | |
|---------------------|----------------|--------------------|---------------|
| | | Số cổ phiếu | % Vốn điều lệ |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng BKS | 0 | 0,00% |
| Ông Lương Ngọc Thái | Thành viên BKS | 0 | 0,00% |
| Ông Đỗ Tiến Sỹ | Thành viên BKS | 31.903 | 0,18% |

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

| Thành viên | Chức danh | Số cổ phiếu sở hữu | |
|-------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------|
| | | Số cổ phiếu | % Vốn điều lệ |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 4.600 | 0,03% |
| Ông Dương Quang Sáu | Phó Tổng giám đốc | 5.759 | 0,03% |
| Ông Phạm Trung Dũng | Phó Tổng giám đốc | 93 | 0,00% |
| Ông Phan Thế Tý | Kế toán Trưởng | 15.699 | 0,09% |

GIAO DỊCH NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2022

| Thành viên | Chức danh/ Mối quan hệ | Số cổ phiếu sở hữu đầu năm | | Số cổ phiếu sở hữu cuối năm | |
|------------------------|---------------------------|----------------------------|-------|-----------------------------|-------|
| | | Số CP | % VDL | Số CP | % VDL |
| Ông Phạm Trung Dũng | Phó Tổng giám đốc | 7.493 | 0,04% | 93 | 0,00% |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | Vợ Phó Tổng giám đốc | 3.829 | 0,02% | 29 | 0,00% |

(Giao dịch bán cổ phiếu từ ngày 16 - 18/11/2022)

NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN



Các nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm 2022 được trình bày trong **Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2022** đã kiểm toán và được công bố trên website:

[www.vinaseed.com.vn/quan hệ nhà đầu tư/
Báo cáo tài chính](http://www.vinaseed.com.vn/quan-hệ-nhà-đầu-tư/Báo-cáo-tài-chính)

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

01/03/2022

QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/QĐ-VINASEED

Ông Đỗ Bá Vọng nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty (Quyết định số 06/QĐ-VINASEED ngày 01/03/2022)

01/03/2022

QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/QĐ-VINASEED

Ông Nguyễn Hải Thọ nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty (Quyết định số 05/QĐ-VINASEED ngày 01/03/2022)

25/04/2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2026, gồm 5 thành viên. Bà Nguyễn Ngọc Anh được bổ nhiệm làm TV HĐQT từ ngày 25/04/2022

HOẠT ĐỘNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Nghị quyết 09/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 14/03/2023 của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Ngày 25/04/2022 Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức tại Trụ sở chính Công ty, số 01 Lương Đình Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội, Đại hội đã diễn ra thành công tốt đẹp. Đại hội đã thông qua Nghị quyết với các nội dung chính như sau

Văn bản

09/NQ-ĐHĐCĐ

Ngày

25/04/2023

- Thông qua Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2021, nhiệm kỳ 2017 - 2021, định hướng chiến lược 2022 - 2026, Báo cáo Ban điều hành năm 2021, kế hoạch 2022 công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
- Thông qua Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 do công ty TNHH Ernst & Young VN kiểm toán
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2021
- Thông qua Báo cáo chi trả tiền lương kinh doanh, thù lao HĐQT, BKS 2021 và Phương án chi trả tiền lương kinh doanh, thù lao HĐQT và BKS 2022
- Ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2022
- Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2026

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã thông qua toàn bộ 7 nội dung biểu quyết quan trọng với tỷ lệ nhất trí 100%. Trong đó, phê duyệt mức chi trả cổ tức năm 2021: 70% bằng tiền. Đại hội đã bầu thành công HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2026 gồm 5 thành viên và BKS nhiệm kỳ 2022 - 2026 gồm 3 thành viên.

5

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2022 - 2026

| Thành viên | Chức danh | Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-------------------------|--------------------------------|---|---------------------------|
| | | Ngày bổ nhiệm | Ngày không còn là TV HĐQT |
| Bà Trần Kim Liên | Chủ tịch HĐQT | 19/3/2012 | |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Phó Chủ tịch HĐQT | 19/3/2012 | |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên HĐQT | 21/3/2013 | |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên HĐQT | 19/3/2012 | 25/04/2022 |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên HĐQT | 25/4/2022 | |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 18/4/2017 | |

CÁC PHIÊN HỌP HĐQT

| Thành viên | Số buổi tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-------------------------|-----------------|-------|-----------------------|
| Bà Trần Kim Liên | 9/9 | 100% | |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | 7/9 | 78% | Đi công tác |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | 9/9 | 100% | |
| Ông Trần Đình Long | 2/2 | 100% | TV HĐQT đến 25/4/2022 |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh | 6/7 | 86% | TV HĐQT từ 25/4/2022 |
| Ông Nguyễn Quang Trường | 9/9 | 100% | |

CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc và việc triển khai các Nghị quyết ĐHĐCD Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2022.

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

- Giám sát thông qua các báo cáo tại phiên họp HĐQT (trong năm 2022, có 04 phiên họp trực tiếp, các phiên còn lại họp trực tuyến online). Thông qua thư điện tử để đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, mục tiêu năm 2022 ĐHĐCD đã thông qua, các nội dung chỉ đạo tại các Nghị quyết HĐQT.
- Tiểu ban quản trị, nhân sự và pháp chế; Tiểu ban Đầu tư: Giám sát các khía cạnh tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ trong các phương án đầu tư, kinh doanh.
- Các phiên họp đều mở rộng có sự tham gia của Trưởng BKS, Ban TGD và đưa ra các quyết nghị định hướng cho Ban điều hành triển khai, ban hành 10 biên bản, nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề trọng yếu thuộc HĐQT.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

- Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị
- Chỉ đạo, giám sát việc huy động vốn phục vụ kinh doanh.
- Chủ trì và tổ chức thành công ĐHĐCD thường niên tổ chức ngày 25/4/2022 tại trụ sở chính của công ty
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC quý, bán niên, BCTC năm 2022.
- Giám sát thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo quy định UBCK, SGDCK
- Giám sát, hỗ trợ hoạt động Ban điều hành góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong điều hành.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

- Đã nỗ lực rất lớn trong hoàn cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong hoàn cảnh diễn biến thời tiết thất thường ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCD, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền, phân cấp quản trị
- Tổ chức thành công ĐHĐCD thường niên 2022.
- Quản trị doanh nghiệp công khai, minh bạch, có nhiều đổi mới về tổ chức, quản lý và kiểm soát. Chấp hành nghiêm các quy định CBTT, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho HĐQT, BKS
- Quản lý tài chính tốt, đảm bảo cân đối vốn phục vụ đầu tư và kinh doanh. Các BCTC phản ánh đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

BẰNG KHEN, GIẢI THƯỞNG

Trong năm 2022, Công ty được nhận các bằng khen, giải thưởng

DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU NĂM 2022

TOP 10 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ NĂNG LỰC QUẢN TÀI CHÍNH TỐT NHẤT SÀN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2022

VNR 500
TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM

DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, NÔNG DÂN (2021-2022)

PROFIT 500 - TOP 500 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2022

GIẢI THƯỞNG IR AWARDS 2022
TOP DOANH NGHIỆP ĐẠT CHUẨN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TOP 100 DOANH NGHIỆP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ TIÊU BIỂU SÁNG TẠO NĂM 2022

TOP 100 GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2021

BẰNG KHEN CỦA TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

SẢN PHẨM GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ NÔNG SẢN VINASEED TIẾP TỤC ĐƯỢC BÌNH CHỌN LÀ SẢN PHẨM THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM

CỜ THI ĐUA CỦA UBND TP HÀ NỘI VỀ KHEN THƯỞNG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ THÀNH TÍCH TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM 2021 KHỐI DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TP HÀ NỘI. ĐƠN VỊ XUẤT SẮC PHONG TRÀO THI ĐUA - THÀNH TÍCH TOÀN DIỆN

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2022

| Văn bản | Ngày | Nội dung |
|---------------------|-----------|--|
| 22/TB-VINASEED | 10/1/2022 | Chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2020 |
| 79/BC-VINASEED | 26/1/2022 | Báo cáo Tình hình quản trị công ty niêm yết năm 2021 |
| 138/TB-VINASEED | 1/3/2022 | CBTT quyết định của HĐQT về việc giải quyết cho cán bộ nghỉ việc (Ông Đỗ Bá Vọng - PTGD, Ông Nguyễn Hải Thọ - PTGD) theo nguyện vọng cá nhân |
| 05/QĐ-VINASEED | 1/3/2022 | Quyết định nghỉ việc đối với ông Nguyễn Hải Thọ |
| 06/QĐ-VINASEED | 1/3/2022 | Quyết định nghỉ việc đối với ông Đỗ Bá Vọng |
| 142/BC-VINASEED | 1/3/2022 | Báo cáo tình hình quản trị công ty, CBTT danh sách giám người nội bộ có liên quan |
| 09/NQ-VINASEED-HĐQT | 14/3/2022 | Nghị quyết HĐQT Thông qua Thời gian, Địa điểm và Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 |
| 188/TB-VINASEED | 14/3/2022 | CBTT họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 252/TB-VINASEED | 4/4/2022 | Thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| CBTT | 4/4/2022 | Công bố Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| BCTN | 15/4/2022 | Báo cáo thường niên |
| CBTT | 26/4/2022 | CBTT Người nội bộ, người có liên quan sau ĐHĐCĐ năm 2022 |
| 369/TB-VINASEED | 5/5/2022 | CBTT bầu Chủ tịch HĐQT, Phó CT HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026 |
| 01/BB-VINASEED-HĐQT | 5/5/2022 | BB họp HĐQT bầu Chủ tịch, Phó CT HĐQT Công ty |
| 370/TB-VINASEED | 5/5/2022 | CBTT bầu chức danh Trưởng BKS nhiệm kỳ 2022 - 2026 |
| 397/TB-VINASEED | 10/5/2022 | CBTT về việc tái bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty |
| 396/GUQ-VINASEED | 10/5/2022 | CBTT về việc ủy quyền Tổng giám đốc |
| 399/TB-VINASEED | 10/5/2022 | CBTT về việc bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty |

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2022

| Văn bản | Ngày | Nội dung |
|---------------------|------------|---|
| 06/NQ-VINASEED-HĐQT | 23/6/2022 | Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 |
| 735/CV-VINASEED | 23/6/2022 | CBTT ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2021 |
| 769/CBTT/VINASEED | 05/07/2022 | CBTT Ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH & Young Việt Nam - CN Hà Nội để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2022 |
| 10/NQ-VINASEED-HĐQT | 27/07/2022 | Nghị quyết HĐQT thông qua Báo cáo kết quả SXKD 6TDN 2022 |
| 872/BC-VINASEED | 28/07/2022 | Báo cáo tình hình quản trị công ty 6TDN 2022 |
| 988/GTBC-VINASEED | 29/08/2022 | CBTT giải trình lợi nhuận sau thuế 6TDN 2022 tăng trên 10% |
| 14/NQ-VINASEED-HĐQT | 01/11/2022 | Nghị quyết HĐQT thông qua Báo cáo kết quả SXKD Quý III/ 2022 |
| 16/NQ-VINASEED-HĐQT | 08/12/2022 | Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 |
| 18/NQ-VINASEED-HĐQT | 15/12/2022 | Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch kinh doanh |



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HĐQT

TIỂU BAN QUẢN TRỊ, NHÂN SỰ VÀ PHÁP CHẾ

Nhân sự:
Bà Nguyễn Thị Trà My – Trưởng Tiểu ban
Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thành viên

- Nhiệm vụ:**
- Tư vấn pháp lý đầu tư, giám sát công tác quản trị rủi ro, phát triển bền vững, Điều lệ, quy chế quản trị, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHDCD thường niên của công ty.
 - Tham gia phương án tái cấu trúc tổ chức nhân sự. Xây dựng và giám sát phát triển nhân sự cấp cao trong Công ty.
 - Xây dựng chính sách thù lao thành viên HĐQT, BKS, các chính sách đãi ngộ, lương thưởng.
 - Tham gia xây dựng chính sách phát triển bền vững, hệ thống quản trị rủi ro.

- Hoạt động Tiểu ban:**
- Tham gia, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHDCD thường niên 2022.
 - Tư vấn pháp lý đầu tư, công bố thông tin, quản trị rủi ro.
 - Tư vấn phương án tăng vốn điều lệ Vinarice. Tư vấn nhân sự cấp cao.

TIỂU BAN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Nhân sự:
Bà Trần Kim Liên – Trưởng Tiểu ban
Bà Lê Thị Lệ Hằng – Thành viên

- Nhiệm vụ:**
- Xây dựng chiến lược nghiên cứu KHKT, chỉ đạo, giám sát thực hiện chiến lược.
 - Tư vấn đầu tư và quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực phục vụ nghiên cứu và phát triển. Tư vấn xác định giá trị bản quyền nghiên cứu khoa học trong chuyển giao, thuê chuyên gia.
 - Hỗ trợ thông tin tiến bộ KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế, tư vấn định hướng công tác nghiên cứu của công ty.
 - Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ hoạt động R&D của công ty.
 - Tham gia thẩm định, đánh giá kết quả nghiên cứu KHKT.

- Hoạt động Tiểu ban:**
- Tư vấn tuyển dụng, đào tạo nhân lực phục vụ R&D, xác định giá trị bản quyền sản phẩm.
 - Hỗ trợ thông tin KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế.
 - Tham gia hoạch định mục tiêu hoạt động nghiên cứu năm 2022 VRDC. Tham dự các Hội đồng khoa học thẩm định và đánh giá kết quả nghiên cứu của VRDC.
 - Tham gia thực hiện dự án Nghiên cứu giống lúa thích ứng với biến đổi khí hậu (VINASEED – SNV).

TIỂU BAN ĐẦU TƯ

Nhân sự:
Bà Nguyễn Thị Trà My – Trưởng Tiểu ban
Ông Nguyễn Quang Trường – Thành viên

- Nhiệm vụ:**
- Xây dựng và giám sát việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển công ty.
 - Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư M&A, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Hoạt động Tiểu ban:**
- Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022. Giám sát và hỗ trợ các hoạt động đầu tư.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC PHIÊN HỌP CỦA BKS NĂM 2022

| Thành viên | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự |
|---------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | 2/2 | 100% | 100% | |
| Ông Lương Ngọc Thái | 2/2 | 100% | 100% | |
| Ông Đỗ Tiến Sỹ | 2/2 | 100% | 100% | |

BÁO CÁO VÀ BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT



01/BB-VINASEED-BKS

Thời gian: 06/04/2022

Nội dung: Biên bản họp BKS ngày 06/04/2022

Thời gian: 06/04/2022

Nội dung: Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên 2022

02/BB-VINASEED-BKS

Thời gian: 27/12/2022

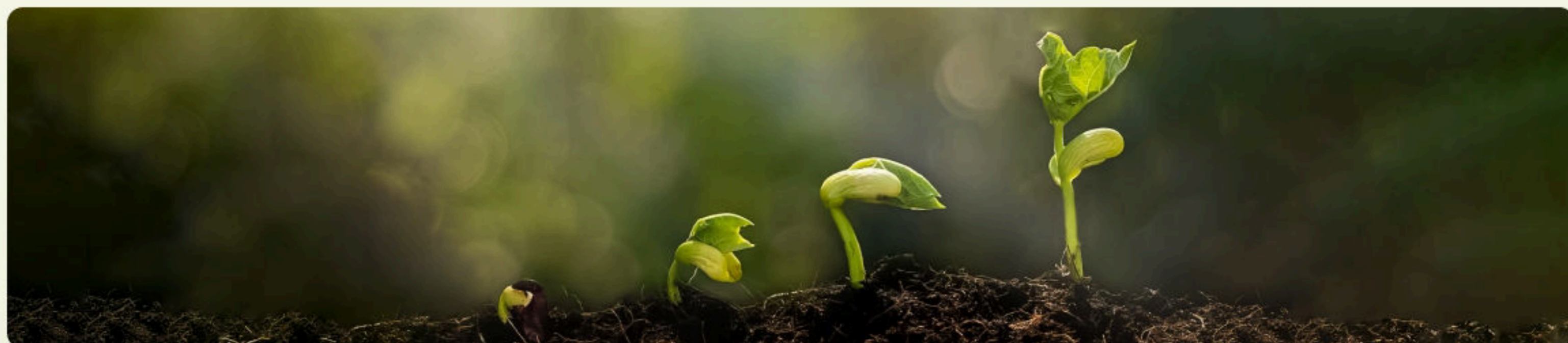
Nội dung: Biên bản họp BKS ngày 27/12/2022

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS (theo quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị công ty, luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy chế quản trị công ty niêm yết của Sở GDCK TP HCM), BKS đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

- Giám sát chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT
- Giám sát việc thực hiện hoạt động đầu tư, XDCB, điều hành SXKD.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban điều hành lập, thẩm tra BCTC đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, tính tuân thủ, phù hợp với các chuẩn mực, các quy định chế độ kế toán tài chính hiện hành. Thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty (thuế, BHXH, ...).
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm. Ngày 05/7/2022, công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2022.
- Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải kiểm tra bất thường.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

- Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết ĐHCĐ để ra.
- BCTC Quý, bán niên, năm 2022 đã được công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam soát xét, kiểm toán, các Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật liên quan. Các khoản chi phí, khoản trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản thu khó đòi theo đúng Thông tư Bộ Tài chính và quy chế quản lý công ty.
- Công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

- Các phiên họp Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đưa ra những phân tích, đánh giá, và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ Hội đồng Quản trị, Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ (bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng) để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- HĐQT, Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực trong chỉ đạo điều hành, giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh, thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, thực hiện đúng các nội dung ĐHCĐ, HĐQT đã thông qua, đảm bảo hoạt động công ty hiệu quả và an toàn.
- Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận và có nhiều cải tiến đổi mới trong công tác quản trị doanh nghiệp.



ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2022, công ty đã tiến hành tổ chức đào tạo nội bộ, phổ biến các quy định mới về quản trị doanh nghiệp, các quy định về kiểm toán nội bộ và kinh nghiệm kiểm toán nội bộ tại công ty niêm yết, tổ chức phổ biến đến các đơn vị, phòng ban trong Toàn Công ty về các quy định pháp luật liên quan, tham dự đầy đủ các chương trình tập huấn khác do UBCK Nhà nước và Sở GD&ĐT TP HCM tổ chức.

Hiện tại công ty có 3 chứng chỉ Quản trị công ty niêm yết:

| Họ và tên | Nội dung |
|-------------------------|--|
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc. |
| Ông Phạm Trung Dũng | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Bùi Đình Long | Thư ký Hội đồng Quản trị |



THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

THÙ LAO HDQT NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

| Họ và tên | Chức danh | Kế hoạch ĐHCĐ | Đã chi |
|---------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Trần Kim Liên | Chủ tịch HĐQT | 180.000.000 | 0 |
| Lê Thị Lệ Hằng | Phó Chủ tịch HĐQT | 180.000.000 | 180.000.000 |
| Nguyễn Thị Trà My | Ủy viên HĐQT | 180.000.000 | 180.000.000 |
| Nguyễn Quang Trường | Ủy viên HĐQT | 180.000.000 | 180.000.000 |
| Trần Đình Long | TV HĐQT đến 25/4/2022 | 57.142.857 | 57.142.857 |
| Nguyễn Ngọc Anh | TV HĐQT đến 25/4/2022 | 122.857.143 | 122.857.143 |
| CỘNG | | 900.000.000 | 790.000.000 |

THÙ LAO BKS NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

| Họ và tên | Chức danh | Kế hoạch ĐHCĐ | Đã chi |
|-----------------|----------------|--------------------|--------------------|
| Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng BKS | 83.333.333 | 83.333.333 |
| Đỗ Tiến Sỹ | Thành viên BKS | 83.333.333 | 83.333.333 |
| Lương Ngọc Thái | Thành viên BKS | 83.333.333 | 83.333.333 |
| CỘNG | | 250.000.000 | 250.000.000 |

THÙ LAO TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2022

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-VINASEED-HDQT ngày 05/08/2020, HDQT phê duyệt mức lương Tổng giám đốc. Mức lương Net: 100.000.000 - 120.000.000 đồng/tháng.

CHƯƠNG 6.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững

Các phương thức quan trọng đảm bảo phát triển bền vững

Cam kết cộng đồng

Bảo vệ môi trường

Đạo đức kinh doanh

Chuẩn mực giá trị văn hóa Vinaseed

Chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp

Quan tâm đối với lao động nữ

Bảng dữ liệu về lao động

Hoạt động môi trường

Hoạt động xã hội, cộng đồng



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng phát triển bền vững của Vinaseed thực hiện hài hòa 03 mục tiêu: tăng trưởng kinh tế, kinh doanh có trách nhiệm với cộng đồng và phát triển nông nghiệp bền vững để bảo vệ môi trường. Định hướng đó được Vinaseed thực thi nhất quán từ HĐQT đến Ban điều hành và từng cán bộ nhân viên:

MỤC TIÊU KINH TẾ:

Vinaseed Tối đa hóa lợi nhuận và các giá trị của cổ đông thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ thỏa mãn nhu cầu khách hàng, quản lý chi phí hoạt động hiệu quả.

MỤC TIÊU XÃ HỘI:

- Phát triển các dòng sản phẩm năng suất cao, chất lượng tốt, áp dụng quy trình sản xuất xanh, truy xuất nguồn gốc, an toàn với sức khỏe người tiêu dùng.
- Xây dựng chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp, các HTX, hộ nông dân tham gia hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực chuyên môn cho CBCNV, tạo môi trường làm việc bình đẳng, khuyến khích sự sáng tạo.
- Tổ chức các hoạt động xã hội, tri ân góp phần lan tỏa yêu thương trong cộng đồng, để mỗi cán bộ nhân viên Vinaseed vượt lên chính mình, sống có trách nhiệm với đất nước, nghĩ đến mọi người xung quanh.
- Đóng góp xây dựng xã hội, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Vinaseed nỗ lực định hướng phát triển các dòng sản phẩm xanh, chống chịu sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt, áp dụng quy trình sản xuất bền vững, tiết kiệm nguồn tài nguyên đất và nước, giảm thiểu tối đa các yếu tố tác động tới môi trường.
- Là thành viên trong Tập đoàn PAN, Vinaseed đang nỗ lực triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tận dụng tối đa nguồn lực và tối thiểu hóa tác động đối với môi trường. Vinaseed tập trung đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu, nỗ lực chuyển đổi chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất chế biến thành các nguồn tài nguyên tái sử dụng.
- Khai thác năng lượng mới, có khả năng tái tạo như điện mặt trời, thiết kế sinh thái đối với nhà máy và văn phòng làm việc, sử dụng các vật liệu bao bì có khả năng tái chế.

Với thông điệp chỉ đạo từ Tập đoàn PAN: "Kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững", cùng những nỗ lực của mình, Vinaseed tin tưởng rằng định hướng chiến lược phát triển bền vững tại Vinaseed tạo nên các giá trị to lớn cho con người, xã hội và môi trường, đóng góp cho sự phát triển chung của nền kinh tế, tạo dựng một nền móng vững chắc cho tương lai phát triển của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Nguyễn Quang Trường

“ Kinh doanh
có trách nhiệm
và phát triển
bền vững”



CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN TRỌNG ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TIÊU CHUẨN

Tất cả các chi nhánh, phòng ban, dự án thuộc quyền kiểm soát của Vinaseed phải áp dụng Các Nguyên tắc Hoạt động chung, Quy tắc Hành nghề và các Tiêu chuẩn sức khỏe, an toàn, an ninh và môi trường.



QUY TRÌNH

Vinaseed xem xét các yếu tố môi trường, xã hội trước khi đưa ra các quyết định đầu tư và khi lập kế hoạch cho các dự án mới. Phát triển bền vững là tiêu chí đóng vai trò then chốt khi Vinaseed áp dụng để xác định các khoản khen thưởng.



QUẢN TRỊ

Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp HĐQT đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, tại Vinaseed, chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong Vinaseed:

Vinaseed đã thành lập Ban phát triển bền vững và phòng ngừa rủi ro. Ban hành Bộ chính sách phát triển bền vững của Công ty.

CAM KẾT CỘNG ĐỒNG

Vinaseed đưa ra nguyên tắc và cam kết cộng đồng và truyền thông rộng rãi để thể hiện sự nghiêm túc và quyết tâm thực hiện của mình:



KHÁCH HÀNG

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để phát triển các sản phẩm tối ưu, đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.



CỔ ĐÔNG

Thực hiện đầy đủ quyền lợi của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định liên quan, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Cổ đông và Nhà đầu tư.



ĐỐI TÁC

Vinaseed trân trọng các Đối tác kinh doanh và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác này một cách bền vững, trên cơ sở hài hòa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.



NHÂN VIÊN

Vinaseed đánh giá cao yếu tố con người và coi đây là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của doanh nghiệp. Quan điểm của Vinaseed trong chính sách nhân sự:

“Người lao động chỉ có thể toàn tâm, toàn ý cống hiến hết mình cho doanh nghiệp khi người lao động được tôn trọng, được tạo môi trường thuận lợi để làm việc và phát triển năng lực bản thân, thu nhập của họ được bảo đảm”

Chính vì vậy, Vinaseed luôn nỗ lực tạo dựng môi trường làm việc tiện nghi, an toàn, cơ hội đào tạo, thăng tiến cho mọi người lao động, tiền lương công bằng và ở một mức cao có tính cạnh tranh, thực hiện chi trả các chế độ phúc lợi rất tốt cho người lao động như chương trình ESOP, bảo hiểm Health care, bảo hiểm nhân thọ, các chính sách hỗ trợ người lao động khi gia đình họ gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, đặc biệt quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện cho lao động nữ có cơ hội được đào tạo, thăng tiến và dành thời gian quan tâm đến gia đình.

Có thể nói thành công lớn nhất của Vinaseed sau thời gian đổi mới chính là xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, nhiệt huyết và trách nhiệm trở thành giá trị cốt lõi, nền tảng tạo nên sự khác biệt của Vinaseed.

Cam kết của Vinaseed đối với người lao động:

- Cung cấp điều kiện làm việc tiện nghi và an toàn cho tất cả cán bộ nhân viên trong công ty.
- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, thưởng, BHXH, BHYT các chế độ phúc lợi khác đối với người lao động. Nguyên tắc chi trả lương thưởng thực hiện dựa trên kết quả công việc.
- Công ty tạo cơ hội đào tạo, thăng tiến công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên. Công ty cam kết không phân biệt đối xử về giới, tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn cảnh gia đình, tuổi tác, hình thức,... không sử dụng những yếu tố này trong đánh giá xếp loại lao động và không cho phép CBCNV bình phẩm những vấn đề này tại nơi làm việc.



CHÍNH PHỦ

Cam kết tuân thủ pháp luật, kinh doanh có hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Ngân sách.



XÃ HỘI

Tinh nguyện chung sức gánh vác trách nhiệm cộng đồng xã hội bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình:

- Hàng năm công ty cam kết hỗ trợ cộng đồng thực hiện an sinh xã hội coi đây là nhiệm vụ được ban lãnh đạo cũng như tập thể CBCNV Vinaseed quan tâm, giành thời gian, tâm sức và nguồn lực để thực hiện.
- Không chỉ thông qua những đóng góp cụ thể bằng vật chất mà còn bằng những hoạt động đào tạo, hướng dẫn nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí cho người dân: Công ty cam kết đào tạo nghề miễn phí cho các vùng sản xuất hàng hóa của công ty. Hình thành các làng nghề sản xuất giống cây trồng tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho bà con nông dân.
- Công ty không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhà cung ứng lạm dụng sức lao động trẻ em.

“

Vinaseed nhận thức được nhiệm vụ bảo vệ môi trường là đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của doanh nghiệp.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



TRÁCH NHIỆM ĐƯỢC THỂ HIỆN:

- Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ môi trường khu dân cư xung quanh công ty.
- Định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.
- Tổ chức Mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị lúa gạo an toàn, tổ chức chuyển giao kỹ thuật giống cây trồng, ứng dụng và chuẩn hóa các giải pháp canh tác bền vững: 3 giảm, 3 tăng, quản lý dịch hại tổng hợp IPM; áp dụng quy trình sản xuất sạch chứng nhận VietGap, ứng dụng quản lý Farm Record để truy xuất nguồn gốc, sử dụng phân bón thông minh chậm phân hủy, thuốc bảo vệ thực vật gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư thuốc BVTV và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, thực hiện cơ giới hóa và giảm tồn thất trong sản xuất lúa gạo, tiết kiệm công lao động, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho bà con nông dân.

• Tiết kiệm năng lượng:

Chú ý đến yếu tố tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên trong thiết kế nhà làm việc, nhà xưởng. Thay đổi về bao bì (sử dụng nhiều hơn các loại bao bì có thể tái sử dụng nhiều lần), thay đổi bằng nguồn năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng trong sấy, chế biến. Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch.

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Vinaseed tạo lập các quy tắc đạo đức và ứng xử cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp và cho các nhà cung cấp, nhà thầu phù hợp với sứ mệnh đã đề ra. Nội dung như sau:



QUAN HỆ GIAO DỊCH TRUNG THỰC

Vinaseed cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung cấp có tiềm năng hợp tác. Các quyết định lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện dựa trên các tiêu chí đánh giá khách quan như giá cả, chất lượng, tiến độ cung cấp, uy tín, kinh nghiệm của nhà cung cấp cũng như khả năng ứng phó đối với những biến động, rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Vinaseed nghiêm cấm cán bộ nhân viên nhận hoa hồng, hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào từ phía nhà cung cấp.

Nhà cung cấp phải thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về chất lượng, tiến độ sản phẩm, dịch vụ mình cung cấp. Nghiêm cấm việc cung cấp các thông tin thiếu trung thực dẫn đến quyết định sai trong việc lựa chọn nhà cung cấp.

BẢO VỆ VÀ TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Vinaseed đề nghị các nhà cung cấp bảo vệ và tôn trọng người lao động.

ĐẢM BẢO TIỀN LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ tiền lương và phúc lợi đối với người lao động. Các trường hợp nhà cung cấp nợ đọng tiền lương người lao động kéo dài sẽ là điều kiện để Vinaseed chấm dứt quan hệ hợp tác.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN, TIỆN NGHI

Nhà cung cấp phải tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và điều kiện làm việc của người lao động.

Thực hiện đầy đủ các biện pháp, phương tiện phòng ngừa các tổn hại về sức khỏe và nguy cơ mất an toàn đối với người lao động trước mắt cũng như lâu dài.

Các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn lao động Vinaseed đặt ra đối với nhà cung cấp như sau:

- Đối với các công việc tiếp xúc thường xuyên với môi trường làm việc độc hại, cháy nổ, hỏa hoạn hoặc dễ xảy ra tai nạn lao động: Người lao động phải được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, được tham gia vào các khóa đào tạo, tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- Phải có bộ phận theo dõi, giám sát chặt chẽ các nguy cơ, các tác nhân hóa học phải được đánh giá và kiểm soát. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, thay thế kịp thời các trang thiết bị vận hành để đảm bảo tối đa an toàn cho người lao động làm việc.
- Khuyến khích nhà cung cấp thực hiện chế độ bảo hiểm tự nguyện, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để sớm phát hiện các bệnh nghề nghiệp, thực hiện luân chuyển cán bộ đối với các vị trí làm việc thường xuyên tiếp xúc với môi trường làm việc độc hại.
- Xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp xảy ra, các phương án đối phó phải ưu tiên đến việc giảm thiểu tối đa tổn thất về con người và tác động môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Nhà cung cấp phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

Thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận với khách hàng và có trách nhiệm đến cùng với sản phẩm và dịch vụ cung cấp.



ĐẠO ĐỨC KINH DOANH



CHUẨN MỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VINASEED

Nhiều năm qua, Vinaseed không ngừng vun đắp xây dựng các giá trị văn hóa riêng, từ những quy định về trang phục, giao tiếp, đối ngoại, các quan hệ ứng xử, những cam kết thực hiện trách nhiệm đối với nhà nước, xã hội, cổ đông và người lao động đảm bảo sự phát triển bền vững và được chuẩn hóa thành bộ Quy tắc văn hóa ứng xử Vinaseed.



CHUẨN MỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VINASEED:

- Tinh thần trách nhiệm, hợp tác: Đề cao trách nhiệm cá nhân, tinh thần hợp tác trong quá trình thực thi công việc.
- Lắng nghe, chia sẻ, khuyến khích sự sáng tạo: Biết tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ những ý kiến đóng góp, đề xuất, thường xuyên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm các ý tưởng mới, những hướng đi mới.
- Tôn trọng sự riêng tư cá nhân: Vinaseed tôn trọng sự riêng tư của mỗi thành viên, tại Vinaseed CBCNV không bàn luận đời tư cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của đồng nghiệp).
- Sự tuân thủ: Mọi thành viên trong Tập đoàn phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn một cách tự giác và coi đó là một trong những chuẩn mực bắt buộc đối với mọi thành viên của VINASEED.
- Bảo vệ uy tín, vì lợi ích Tập đoàn: Không được có những hành vi, ngôn từ làm ảnh hưởng đến uy tín Tập đoàn. Mọi thành viên phải hướng đến lợi ích chung, không vì tư lợi, lợi ích cục bộ của phòng ban, đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của Tập đoàn.

CHÍNH SÁCH AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



“

Nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của Vinaseed

Vinaseed quan niệm vấn đề đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động là ưu tiên hàng đầu. Công ty có chính sách phù hợp với các yêu cầu về sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động theo Tiêu chuẩn của tổ chức Lao động quốc tế ILO. Thực hiện cam kết mạnh mẽ về các chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động như sau:

- Tuân thủ pháp luật lao động về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát mọi rủi ro về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp.
- Đào tạo, phổ biến đến mọi CBNV kiến thức an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải; nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.
- An toàn lao động là trách nhiệm của tất cả CBNV, các quy định về an toàn lao động là bắt buộc.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các yếu tố mất an toàn, bổ sung kịp thời các quy định cho phù hợp, thiết lập các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho từng cá nhân người lao động. Không để người lao động nào phải làm việc trong điều kiện mất an toàn lao động.
- Công ty cam kết tạo dựng điều kiện làm việc an toàn, tiện nghi cho người lao động. Vinaseed quan tâm đến việc trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, xây dựng phương án tổ chức sản xuất an toàn, máy thiết bị phục vụ sản xuất luôn được bảo dưỡng định kỳ và thay thế kịp thời đảm bảo hoạt động ổn định, không để nguy cơ mất an toàn đối với người lao động.

QUAN TÂM ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ



- Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng.
- Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến.
- Quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty.
- Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,...
- Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 67%, nghiên cứu 48%.
- Thực hiện đầy đủ chế độ thai sản, đảm bảo công việc sau khi nghỉ thai sản.
- Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết.

BẢNG DỮ LIỆU VỀ LAO ĐỘNG (GRI STANDARD)

| Nội dung | Chi tiết | Kết quả số liệu và mô tả |
|--|----------|---|
| GRI400 | | |
| GRI401 - VIỆC LÀM | | |
| Tổng số nhân viên | | 755 |
| Cơ cấu Nam/Nữ | Nam | 565 |
| | Nữ | 190 |
| Cơ cấu tuổi | Dưới 25 | 24 |
| | 25-35 | 302 |
| | 35-45 | 272 |
| | Trên 45 | 157 |
| Số giờ làm thêm/năm của lao động chính thức | | 110 |
| Nhân viên tuyển mới | | 78 |
| Nhân viên thôi việc | | 101 (hưu trí 1) |
| Phúc lợi ngoài lương (100% chi phí do công ty chi trả) | | <ul style="list-style-type: none"> • Chương trình bảo hiểm nhân thọ • Chương trình bảo hiểm healthcare • Chế độ khám chữa bệnh định kỳ • Chương trình đào tạo hàng năm, công ty khuyến khích người lao động đi đào tạo, học tập nâng cao trình độ, được hưởng nguyên lương khi đi học, được xét nâng lương sau đào tạo. Tổng số lượt đào tạo năm 2022: 1115 lượt. • Bảo hộ lao động cấp phát hàng năm theo vị trí, yêu cầu công việc mức 5 triệu đồng/người.năm. • Các chế độ lễ tết: Tết nguyên đán, tết dương lịch, ngày giỗ tổ, ngày 1/5, ngày 30/4, ngày quốc khánh, ngày 27/7, 22/12, tết thiếu nhi, trung thu, ngày sinh nhật, ngày 8/3, ngày 20/10. • Chế độ ăn ca. • Thăm nom khi ốm đau. • Hiếu hỷ. • Hỗ trợ gia đình CBNV gặp khó khăn biến cố trong cuộc sống: 5 - 10 triệu đồng/trường hợp. • CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong PTTH. • CBNV không may mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình khó khăn cần sự hỗ trợ, công ty sẽ hỗ trợ tùy theo từng hoàn cảnh. • Chế độ khi CBNV nghỉ hưu: theo quy định luật lao động. |

BẢNG DỮ LIỆU VỀ LAO ĐỘNG (GRI STANDARD)

| Nội dung | Chi tiết | Kết quả số liệu và mô tả |
|--|--|--------------------------|
| GRI404 - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | |
| Cơ cấu trình độ | Trên đại học, Đại học | 75,9% |
| Số khóa đào tạo | Đào tạo hội nhập Đào tạo kỹ năng Đào tạo chuyên môn Đào tạo nâng cao | 45 |
| Số lượt đào tạo | | 1250 lượt |
| Thời gian đào tạo | Bảng tổng của (các khóa đào tạo x thời gian đào tạo) từng khóa | 1.281 ngày |
| GRI405 - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG | | |
| Khiếu nại từ nhân viên | | Không có |
| Khiếu nại từ cộng đồng và các bên ngoài công ty | | Không có |
| Mức thu nhập ở vị trí thấp nhất của người lao động trong năm | | 7.800.000đ/tháng |
| Mức thu nhập trung bình của nhân viên | | 14.800.000đ/tháng |
| Bình đẳng giới | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng. Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến. Quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty. Thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,... Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 68%, nghiên cứu 58%. Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết. Tuân thủ pháp luật đối với lao động nữ. | |

| Nội dung | Chi tiết | Kết quả số liệu và mô tả |
|---|---|--------------------------|
| GRI405 - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG | | |
| Số hộ nông dân liên kết sản xuất để cung cấp nguyên liệu (hoa, giống rau, giống lúa, lúa lương thực, nông sản khác) | Để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện việc liên kết sản xuất với trên 80.000 hộ nông dân, 240 HTX trên toàn quốc, cam kết thu mua các sản phẩm đạt chất lượng với giá cao hơn ít nhất 30% so với giá thị trường hiện tại. | |
| Diện tích canh tác của nông dân liên kết | | 27.000 ha |
| Số vụ vi phạm liên quan đến các vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội; | | 0 |
| Tổng số tiền phạt | | 0 |
| Các hình thức phạt không bằng tiền | | 0 |
| GRI406 - KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ | | |
| Tôn trọng sự khác biệt, riêng tư | Tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động. Khuyến nghị người lao động không bình phẩm về đời tư của người khác trong công ty. | |
| GRI407 - TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ | | |
| Các hiệp hội, đoàn thể, tập thể | Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội hưu trí, CLB Bóng đá, CLB Cầu lông. | |
| GRI408 - LAO ĐỘNG TRẺ EM | | |
| Số lượng lao động trẻ em làm việc | | Không có |
| Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em | Không có trường hợp nào vi phạm việc lạm dụng lao động trẻ em trong công ty và đối với nhà cung cấp. Công ty yêu cầu nhà cung cấp phải ký biên bản cam kết tuân thủ nghiêm túc trong sử dụng lao động, bảo vệ môi trường và đạo đức kinh doanh. | |

BẢNG DỮ LIỆU VỀ LAO ĐỘNG (GRI STANDARD)

| Nội dung | Chi tiết | Kết quả số liệu và mô tả |
|--|---|--------------------------|
| GRI409 - LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC | | |
| Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc | | Không có |
| Các thành tích, bằng khen của các bên đối với vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội của công ty năm 2022 | <ul style="list-style-type: none"> • Doanh nghiệp tiêu biểu vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân (2021-2022) • Doanh nghiệp chuyển đổi số tiêu biểu năm 2022 • TOP 10 doanh nghiệp niêm yết có năng lực quản tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt nam 2022. • VNR 500 – TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam • Sản phẩm Giống cây trồng và nông sản VINASEED tiếp tục được bình chọn là sản phẩm Thương hiệu Quốc gia Việt Nam • PROFIT 500 - TOP 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022 • Cờ thi đua của UBND TP Hà Nội về khen thưởng các Doanh nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua khối doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội. Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua - Thành tích toàn diện • Giải thưởng IR Awards 2022. TOP doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin • TOP 100 doanh nghiệp Khoa học & Công nghệ tiêu biểu sáng tạo năm 2022 • TOP 100 giải thưởng Sao vàng Đất Việt • Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. | |



HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG



Trong mọi hoạt động, Vinaseed đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh, với những tiêu chuẩn khắt khe về quản lý hoạt động sản xuất, tiết kiệm tối đa các nhiên liệu sạch, vật liệu tái chế trong bảo quản, chế biến và đóng gói hàng hóa.



Trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo giống mới: Vinaseed nỗ lực và đã thành công trong định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.



Giải pháp canh tác: Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước SRI (3 giảm, 3 tăng) sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng. Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) được triển khai sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CÔNG TY ĐANG ÁP DỤNG:



Giống cây trồng:
QCVN/2011/BNN



Gạo thương phẩm: Quản lý an toàn thực phẩm FSSC22000 số IND.20.3880/FS/U/1, theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003 (HACCP).



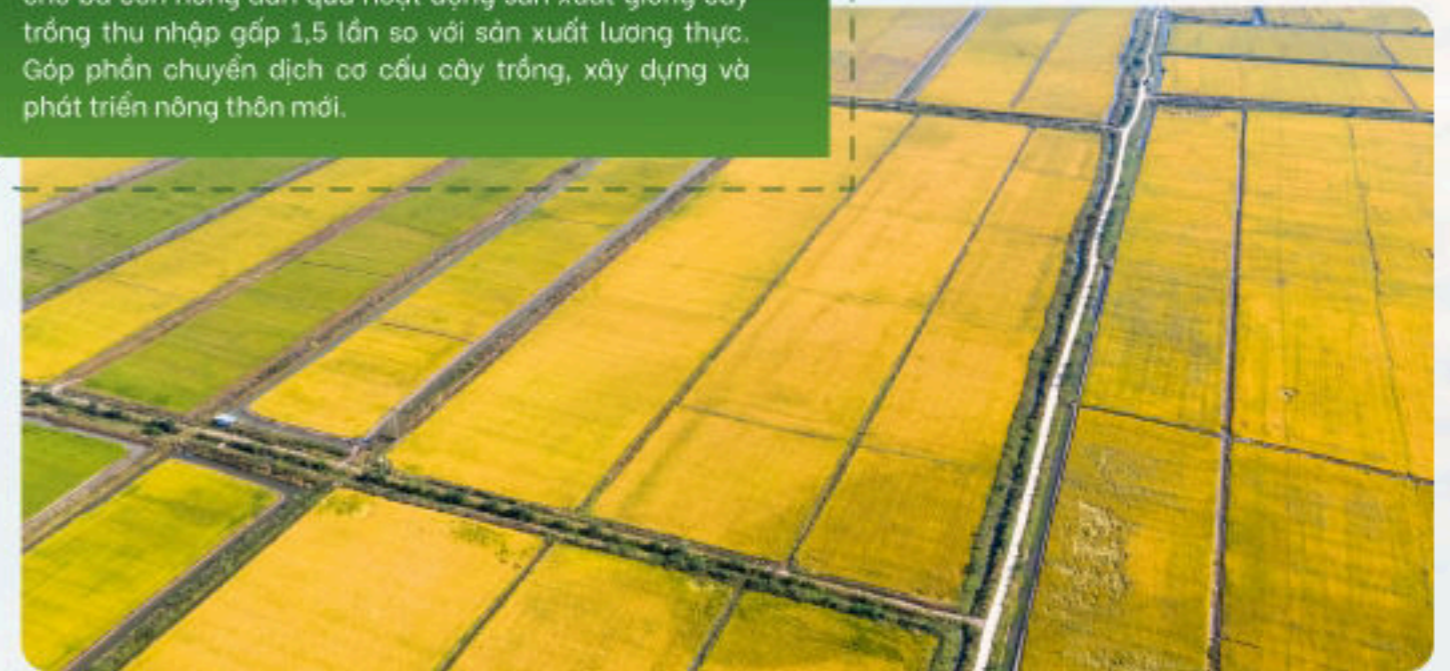
Dưa lưới: Global Gap số
1805/QDCN-IQC-GG.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Định hướng phát triển của công ty tập trung khai thác theo chuỗi giá trị (từ nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống đến sản xuất nông sản, bao tiêu sản phẩm đầu ra), chú trọng đến giống cây trồng chất lượng cao thông qua tích hợp công nghệ vào giống để gia tăng giá trị hạt giống, phát triển các dịch vụ kỹ thuật công nghệ cao đi theo giống, các hoạt động sản xuất theo chuỗi giá trị của công ty đã góp phần đào tạo nghề cho hàng vạn nông dân tham gia sản

xuất giống cho công ty từ Thanh Hóa, Quảng Nam, Tây Nguyên, Nghệ An...Đào tạo nghề mới là nghề làm giống, cách thức tổ chức làm kinh tế nông nghiệp cho các hộ nông dân hình thành nên các làng nghề nông nghiệp. **Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng**, xóa đói giảm nghèo (thay vì cho người nghèo con cá thì giúp cần câu và hướng dẫn cách câu cá - giải quyết triệt để nguyên nhân đói nghèo).

Với diện tích sản xuất giống trên 20.000 ha/năm, hàng năm công ty tạo việc làm cho trên 10 vạn lao động nông nghiệp trên khắp các địa bàn của cả nước, tạo thu nhập cho bà con nông dân qua hoạt động sản xuất giống cây trồng thu nhập gấp 1,5 lần so với sản xuất lương thực. Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, xây dựng và phát triển nông thôn mới.



Quý Tấm lòng nhân ái Vinaseed được đóng góp từ sự tình nguyện chung sức của CBNV trong công ty, thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình, nguồn hoạt động của Quý duy trì: 10 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN TIÊU BIỂU NĂM 2022: CHƯƠNG TRÌNH “TẾT ẤM TÌNH NGƯỜI” XUÂN QUÝ MÃO 2022

Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Vinaseed tặng 150 suất quà trị giá 1 triệu đồng/suất cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn của 3 xã Đông Quang, Tiên Phong, Cam Thượng (Ba Vì, Tp Hà Nội). Sống trong cuộc đời cho đi là còn mãi, sống vì mọi người để tìm thấy hạnh phúc ở xung quanh. Những hoạt động tri ân của Tập đoàn Vinaseed góp phần lan tỏa yêu thương trong cộng đồng, để mỗi thành viên Vinaseed vượt lên chính mình, sống có trách nhiệm với đất nước, nghĩ đến mọi người.



VINASEED TẶNG

150 suất quà

Trị giá 1 triệu đồng/suất cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

BẢNG DỮ LIỆU VỀ XÃ HỘI NĂM 2022

| TT | Thông tin | Thực hiện |
|--|--|--|
| GRI 400 | | |
| GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA | | |
| | Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa | Không có |
| | Số lần họp với cộng đồng xung quanh | <ul style="list-style-type: none"> Họp với Ban quản lý KCN triển khai hoạt động Đầu tư: 5. Họp với Ủy ban ND quận (huyện), phường (xã), thôn (xóm) : 7. Họp trực tiếp với cộng đồng dân cư xung quanh: 1 |
| GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG | | |
| | Liệt kê tên các chương trình từ thiện, cộng đồng | Chương trình “Tết ấm tình người” Xuân Quý Mão 2022: Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Vinaseed tặng 150 suất quà trị giá 1 triệu đồng/suất cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn của 3 xã Đông Quang, Tiên Phong, Cam Thượng (Ba Vì, Tp Hà Nội). |
| GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG | | |
| | Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ | Các sản phẩm gạo và nông sản của công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn FSSC22000, HACCP, Global Gap, organic, được sản xuất chế biến trên hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị của Nhật, CHLB Đức, Đan Mạch, sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường Nhật Bản và EU. |
| | Các vụ việc không tuân thủ | Không có |
| GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU | | |
| | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ | Không có |
| | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị | Không có |
| | Liệt kê các tiêu chuẩn/ chứng nhận tự nguyện mà công ty đã đạt được | <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận Global Gap sản phẩm dưa lưới Gạo sản xuất theo chứng nhận Quản lý an toàn thực phẩm FSSC22000 số IND.20.3880/FS/U/1, theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003 (HACCP). Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005; lĩnh vực: Sinh/ mã số VILAS 571. |
| GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG | | |
| | Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng | Không có |
| GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI | | |
| | Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội | Không có |



CHƯƠNG 7.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004 Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

| Đơn vị trực thuộc | Địa chỉ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa | Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình | Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung | Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên | Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam | Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản | Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì | Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội |
| Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu | Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương | Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển | Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín | Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội |
| Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay | Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|--------------|-------------------------------------|
| Bà Trần Kim Liên | Chủ tịch | |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Phó Chủ tịch | |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |



Bà Trần Kim Liên
Chủ tịch



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Phó Chủ tịch



Bà Nguyễn Thị Trà My
Thành viên



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Thành viên



Ông Trần Đình Long
Thành viên



Ông Nguyễn Quang Trường
Thành viên

THÔNG TIN CHUNG

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng Ban |
| Ông Đỗ Tiến Sỹ | Thành viên |
| Ông Lương Ngọc Thái | Thành viên |



Ông Nguyễn Anh Tuấn
Trưởng Ban



Ông Đỗ Tiến Sỹ
Thành viên



Ông Lương Ngọc Thái
Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Quang Trường được bà Trần Kim Liên ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo giấy ủy quyền số 01/UQ-VINASEED ngày 1 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Quang Trường | Tổng Giám đốc | |
| Ông Phạm Trung Dũng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Dương Quang Sáu | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Hải Thọ | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022 |
| Ông Đỗ Bá Vọng | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022 |



Ông Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc



Ông Phạm Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Dương Quang Sáu
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hải Thọ
Phó Tổng Giám đốc



Ông Đỗ Bá Vọng
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN QUANG TRƯỜNG
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
**Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn
Giống cây trồng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

TRỊNH XUÂN HÒA
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0754-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

LÊ THỊ THU
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 5606-2020-004-1

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Mã Số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.175.488.033.183 | 1.043.929.670.002 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 407.897.570.630 | 311.756.939.756 |
| 111 | 1. Tiền | | 321.897.570.630 | 185.756.517.839 |
| 111 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 86.000.000.000 | 126.000.421.917 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 6.800.000.000 | 4.900.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 6.800.000.000 | 4.900.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 284.779.337.655 | 298.255.569.880 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6.1 | 224.966.617.708 | 257.796.086.787 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6.2 | 48.417.545.399 | 29.603.348.859 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 13.200.510.542 | 13.172.172.681 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6.1, 7, 8 | (1.805.335.994) | (2.346.822.581) |
| 139 | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 7 | - | 30.784.134 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 466.321.159.783 | 422.417.051.535 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 479.246.875.653 | 438.933.705.744 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (12.925.715.870) | (16.516.654.209) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 9.689.965.115 | 6.600.108.831 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 1.876.239.818 | 4.662.272.765 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 7.488.635 | 78.533.719 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 18 | 7.806.236.662 | 1.859.302.347 |



Đơn vị tính: VND

| Mã Số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 850.241.438.403 | 888.028.909.599 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 720.603.669.134 | 735.346.286.010 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 508.585.409.073 | 520.079.274.953 |
| 222 | Nguyên giá | | 866.576.551.858 | 839.212.104.813 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (357.991.142.785) | (319.132.829.860) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 212.018.260.061 | 215.267.011.057 |
| 228 | Nguyên giá | | 253.303.885.393 | 251.886.385.393 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (41.285.625.332) | (36.619.374.336) |
| 230 | II. Bất động sản đầu tư | | 2.437.170.386 | - |
| 231 | 1. Nguyên giá | 13 | 4.775.315.567 | - |
| 232 | 2. Giá trị hao mòn lũy kế | 7 | (2.338.145.181) | - |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 12.453.949.269 | 14.665.287.758 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 12.453.949.269 | 14.665.287.758 |
| 250 | IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 15 | 26.061.735.380 | 26.061.735.380 |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 26.061.735.380 | 26.061.735.380 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 88.684.914.234 | 111.955.600.451 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 29.456.270.576 | 28.401.639.398 |
| 262 | 2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 30.3 | 5.915.826.398 | 6.812.179.378 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | 786.116.231 | 786.116.229 |
| 269 | 4. Lợi thế thương mại | 16 | 52.526.701.029 | 75.955.665.446 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 2.025.729.471.586 | 1.931.958.579.601 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 674.471.121.087 | 627.326.065.368 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 642.834.007.663 | 595.378.037.979 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 17.1 | 127.030.119.865 | 97.028.896.191 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17.2 | 16.168.487.461 | 22.831.444.008 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 6.800.980.712 | 9.619.847.895 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 42.746.896.692 | 44.780.564.418 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 12.806.259.293 | 18.160.270.163 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 178.800.852.077 | 164.789.982.615 |
| 320 | 7. Vay và nợ ngắn hạn | 21 | 220.998.579.442 | 200.667.360.600 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 37.481.832.121 | 37.499.672.089 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 31.637.113.424 | 31.948.027.389 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 7 | 239.469.000 | 162.709.000 |
| 341 | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 30.3 | 31.397.644.424 | 31.785.318.389 |



Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.351.258.350.499 | 1.304.632.514.233 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22 | 1.351.258.350.499 | 1.304.632.514.233 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 175.869.880.000 | 175.869.880.000 |
| 411a | • Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 175.869.880.000 | 175.869.880.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 331.245.527.850 | 331.245.527.850 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (50.000.000) | (50.000.000) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 463.019.466.983 | 466.830.996.208 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 294.659.665.467 | 247.793.187.690 |
| 421a | • Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 75.336.140.433 | 32.181.091.389 |
| 421b | • Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 219.323.525.034 | 215.612.096.301 |
| 429 | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 86.513.810.199 | 82.942.922.485 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 2.025.729.471.586 | 1.931.958.579.601 |

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập

PHAN THẾ TÝ
Kế toán trưởng

NGUYỄN QUANG TRƯỜNG
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Mã Số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 2.030.667.641.187 | 2.082.592.650.797 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 24.1 | 141.602.861.262 | 153.986.766.530 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02] | 24.1 | 1.889.064.779.925 | 1.928.605.884.267 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 25 | 1.256.098.495.681 | 1.308.091.470.708 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11] | | 632.966.284.244 | 620.514.413.559 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 24.2 | 12.300.020.747 | 5.281.082.876 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 26 | 25.694.843.784 | 31.423.207.880 |
| 23 | Trong đó: chi phí lãi vay | | 12.458.719.560 | 14.360.801.633 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 27 | 177.881.584.650 | 169.517.826.087 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 | 179.233.562.301 | 177.242.074.061 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26] | | 262.456.314.256 | 247.612.388.407 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 28 | 12.501.343.422 | 3.401.359.294 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 28 | 8.993.965.740 | 2.029.862.066 |
| 40 | 13. Lợi nhuận thuần khác [40 = 31 - 32] | | 3.507.377.682 | 1.371.497.228 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40] | | 265.963.691.938 | 248.983.885.635 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 30.1 | 38.569.072.087 | 24.646.380.118 |
| 52 | 16. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 30.3 | 508.679.015 | (1.293.288.902) |



Đơn vị tính: VND

| Mã Số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52] | | 226.885.940.836 | 225.630.794.419 |
| 61 | 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 220.647.286.220 | 219.342.351.360 |
| 62 | 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 22.1 | 6.238.654.616 | 6.288.443.059 |
| 70 | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 32 | 12.555 | 11.451 |
| 71 | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 32 | 12.555 | 11.451 |

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập

PHAN THẾ TÝ
Kế toán trưởng

NGUYỄN QUANG TRƯỜNG
Tổng Giám Đốc

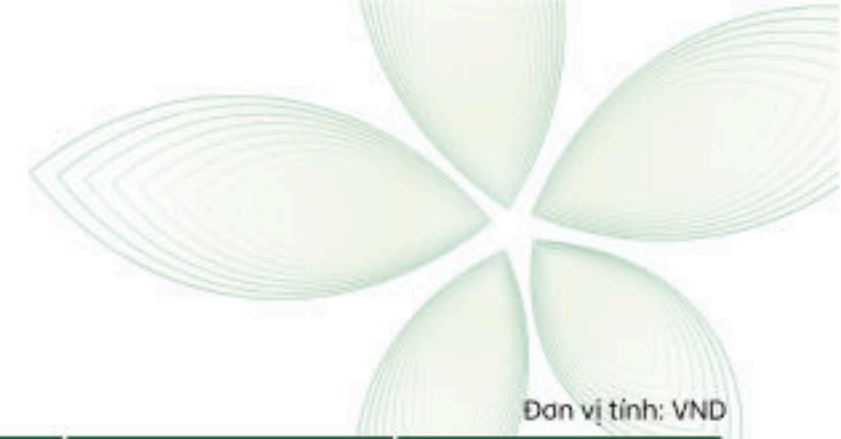
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|---|-------------|------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH | | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 265.963.691.938 | 248.983.885.635 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | | 74.134.870.805 | 74.100.499.565 |
| 03 | (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng | | (4.132.424.926) | 13.124.701.673 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (376.048.849) | (5.210.759) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (9.522.694.049) | 14.360.801.633 |
| 06 | Chi phí lãi vay | 26 | 25.694.843.784 | 31.423.207.880 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 338.526.114.479 | 346.086.558.810 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | | 7.287.134.878 | (22.084.776.689) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (40.313.169.909) | (118.176.427.357) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 9.626.718.037 | 17.275.229.391 |
| 12 | Giảm/(tăng) chi phí trả trước | | 1.731.401.769 | (7.480.777.881) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (12.411.654.406) | (14.358.857.540) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 18 | (41.524.518.992) | (25.441.858.030) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (52.145.432.560) | (42.469.816.395) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 210.776.593.296 | 133.349.274.309 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | | (38.046.743.265) | (26.304.155.272) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 2.542.225.182 | - |



Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 23 | Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (5.200.000.000) | (6.400.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | 3.300.000.000 | 7.300.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (1.250.453.112) |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 9.411.680.971 | 3.004.014.503 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (27.992.837.112) | (23.650.593.881) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 549.469.199.918 | 689.844.158.463 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (529.137.981.076) | (670.078.329.280) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát | | (107.350.393.000) | (79.791.739.125) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (87.019.174.158) | (60.025.909.942) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 95.764.582.026 | 49.672.770.486 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 311.756.939.756 | 262.078.958.511 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 376.048.848 | 5.210.759 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 407.897.570.630 | 311.756.939.756 |

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập

PHAN THẾ TÝ
Kế toán trưởng

NGUYỄN QUANG TRƯỜNG
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới **12 tháng**.



| Đơn vị trực thuộc | Địa chỉ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa | Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình | Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung | Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên | Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam | Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản | Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì | Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội |
| Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu | Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương | Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển | Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín | Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội |
| Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay | Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào |

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 660 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 686 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ biểu quyết | | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động chính trong năm |
|-----|---|---------------|------------|------------------|------------|--|--|
| | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây | 53,80% | 53,80% | 53,80% | 53,80% | Phường Phú Lâm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận. |
| 2 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam | 90,02% | 90,02% | 90,02% | 90,02% | Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp. |
| 3 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam | 96,41% | 96,41% | 96,41% | 96,41% | Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại. |
| 4 | Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*) | 80,73% | 80,73% | 83,74% | 83,74% | Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị. |
| 5 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam | 94,00% | 94,00% | 94,00% | 94,00% | Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam | Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao. |
| 6 | Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (**) | 98,92% | 98,92% | 100,00% | 100,00% | Xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp | Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản. |

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ dụng cụ | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty và các công ty con không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

| | |
|------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 10 năm |
|------------------------|------------|

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý. Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 48 năm |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 15 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 7 năm |
| Phương tiện vận tải | 3 - 15 năm |
| Phần mềm máy tính | 2 - 6 năm |
| Bản quyền | 2 - 20 năm |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 10 - 49 năm |
| Tài sản cố định khác | 5 - 25 năm |

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty và các công ty con được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 6.760.350.664 | 3.904.310.473 |
| Tiền gửi ngân hàng | 315.137.219.966 | 181.852.207.366 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 86.000.000.000 | 126.000.421.917 |
| TỔNG CỘNG | 407.897.570.630 | 311.756.939.756 |

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, có kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 4% đến 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: lãi suất từ 3% đến 3,9%/năm).

ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND, có thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 4,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,4% đến 6,8%/năm).

PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce | 23.788.612.780 | 17.792.906.971 |
| Cục Trống trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | 61.525.000.000 |
| Phải thu từ khách hàng khác | 201.107.604.928 | 178.409.309.816 |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 70.400.000 | 68.870.000 |
| TỔNG CỘNG | 407.897.570.630 | 311.756.939.756 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (1.805.335.994) | (2.125.818.186) |

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán | 7.584.668.040 | 1.738.182.090 |
| <i>Công ty TNHH Cơ khí Công Nông nghiệp Thực phẩm Bùi Văn Ngộ</i> | 5.966.617.500 | - |
| <i>Trả trước cho các nhà thầu khác</i> | 1.618.050.540 | 1.738.182.090 |
| Trả trước cho nhà cung cấp khác | 40.832.877.359 | 27.865.166.769 |
| <i>Công ty Cà phê 721</i> | 3.554.020.000 | - |
| <i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i> | 37.278.857.359 | 27.865.166.769 |
| TỔNG CỘNG | 48.417.545.399 | 29.603.348.859 |

PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên | 5.919.256.607 | 3.541.212.915 |
| Phải thu phí vận chuyển, bảo quản giống từ Cục Trống trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 3.018.307.788 | 2.457.724.302 |
| Phải thu cung cấp dịch vụ | 352.201.936 | 1.582.931.990 |
| Ký cược, ký quỹ | 60.000.000 | 60.037.070 |
| Phải thu từ dịch vụ gia công hàng | - | 2.279.148.791 |
| Phải thu khác | 3.850.744.211 | 3.251.117.613 |
| TỔNG CỘNG | 13.200.510.542 | 13.172.172.681 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi | - | (221.004.395) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

| Đối tượng nợ | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đồng Cửu | 836.220.000 | - | 836.220.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Tài Lộc | 736.969.000 | - | 736.969.000 | - |
| Khách hàng khác | 232.146.994 | - | 773.633.581 | - |
| TỔNG CỘNG | 1.805.335.994 | - | 2.346.822.581 | - |

HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Thành phẩm | 397.758.581.885 | (11.393.521.336) | 376.805.988.652 | (16.452.293.232) |
| Nguyên vật liệu | 73.903.420.771 | (1.532.194.534) | 45.768.902.047 | (64.360.977) |
| Hàng hóa | 144.300.000 | - | 10.474.892.656 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 5.650.711.133 | - | 4.471.113.275 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.789.861.864 | - | 1.412.809.114 | - |
| TỔNG CỘNG | 479.246.875.653 | (12.925.715.870) | 438.933.705.744 | (16.516.654.209) |

Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được lưu trữ tại kho tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thuộc sở hữu Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp như được trình bày tại Thuyết minh số 21.1.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 16.516.654.209 | 10.049.541.816 |
| Dự phòng trích lập trong năm (*) | 12.925.715.870 | 16.174.738.611 |
| Sử dụng/hoàn nhập dự phòng trong năm | (16.516.654.209) | (9.707.626.218) |
| TỔNG CỘNG | 12.925.715.870 | 16.516.654.209 |

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống bị tồn kho không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí bao bì, tem nhãn | 489.073.356 | 3.536.288.480 |
| Công cụ, dụng cụ | 388.965.876 | 696.229.703 |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo | 209.642.757 | 194.005.639 |
| Khác | 788.557.829 | 235.748.943 |
| TỔNG CỘNG | 1.876.239.818 | 4.662.272.765 |
| Dài hạn | | |
| Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam | 9.247.398.622 | 9.409.420.882 |
| Chi phí hợp tác đầu tư (*) | 6.404.142.792 | 6.759.928.505 |
| Tiền thuê đất | 4.397.161.162 | 5.125.536.410 |
| Bồi thường giải phóng mặt bằng được cản trở với tiền thuê đất | 2.114.960.000 | 2.114.960.000 |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo | 3.193.971.732 | 2.021.126.318 |
| Công cụ, dụng cụ | 4.098.636.268 | 2.970.667.283 |
| TỔNG CỘNG | 29.456.270.576 | 28.401.639.398 |

(*) Đây là các khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/SOLAR-DT-VINARICE ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam và Công ty Cổ phần VINASOLAR và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Căn cứ theo các hợp đồng này, Công ty và Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam đã góp vốn vào các dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện dự án là 20 năm và sẽ được phân chia 25% lợi nhuận từ các dự án này. Chi phí đầu tư sẽ được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 499.255.305.191 | 276.844.277.352 | 53.561.665.342 | 8.414.091.549 | 1.136.765.379 | 839.212.104.813 |
| Mua trong năm | 6.517.076.933 | 6.549.747.195 | 7.064.519.132 | 367.623.371 | - | 20.498.966.631 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 17.153.751.873 | 906.758.794 | - | - | - | 18.060.510.667 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (121.440.000) | (6.188.774.686) | - | - | (6.310.214.686) |
| Chuyển sang Bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13) | (4.775.315.567) | - | - | - | - | (4.775.315.567) |
| Giảm khác | - | (109.500.000) | - | - | - | (109.500.000) |
| Số cuối năm | 518.150.818.430 | 284.069.843.341 | 54.437.409.788 | 8.781.714.920 | 1.136.765.379 | 866.576.551.858 |
| <i>Trong đó:</i> | <i>58.048.951.609</i> | <i>63.981.377.026</i> | <i>21.362.376.278</i> | <i>5.049.398.262</i> | <i>1.136.765.379</i> | <i>149.578.868.554</i> |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | | | | | | |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | | |
| Số đầu năm | 159.052.333.704 | 119.457.889.400 | 34.141.676.928 | 5.403.118.559 | 1.077.811.269 | 319.132.829.860 |
| Khấu hao trong năm | 21.876.368.157 | 20.341.414.170 | 3.456.602.204 | 306.316.751 | 58.954.110 | 46.039.655.392 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (82.984.000) | (4.650.713.286) | - | - | (4.733.697.286) |
| Chuyển sang Bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13) | (2.338.145.181) | - | - | - | - | (2.338.145.181) |
| Giảm khác | - | (109.500.000) | - | - | - | (109.500.000) |
| Số cuối năm | 178.590.556.680 | 139.606.819.570 | 32.947.565.846 | 5.709.435.310 | 1.136.765.379 | 357.991.142.785 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Số đầu năm | 340.202.971.487 | 157.386.387.952 | 19.419.988.414 | 3.010.972.990 | 58.954.110 | 520.079.274.953 |
| Số cuối năm | 339.560.261.750 | 144.463.023.771 | 21.489.843.942 | 3.072.279.610 | - | 508.585.409.073 |

Nhà cửa và vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là **293.785.134.989 VND** tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (31 tháng 12 năm 2021: 299.120.953.532 VND) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như được trình bày tại Thuyết minh số 21.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Bản quyền | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|----------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 223.659.573.649 | 3.508.150.824 | 20.444.100.000 | 4.274.560.920 | 251.886.385.393 |
| Mua trong năm | - | 1.023.750.000 | 393.750.000 | - | 1.417.500.000 |
| Số cuối năm | 1.629.311.770 | 4.531.900.824 | 20.837.850.000 | 4.274.560.920 | 253.303.885.393 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã hao mòn hết | 1.629.311.770 | 2.390.588.824 | 10.258.000.000 | 226.600.000 | 14.504.500.594 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số đầu năm | 19.218.619.883 | 3.244.623.252 | 13.189.355.503 | 966.775.698 | 36.619.374.336 |
| Hao mòn trong năm | 2.368.116.876 | 328.820.326 | 1.718.089.595 | 251.224.199 | 4.666.250.996 |
| Số cuối năm | 21.586.736.759 | 3.573.443.578 | 14.907.445.098 | 1.217.999.897 | 41.285.625.332 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 204.440.953.766 | 263.527.572 | 7.254.744.497 | 3.307.785.222 | 215.267.011.057 |
| Số cuối năm | 202.072.836.890 | 958.457.246 | 5.930.404.902 | 3.056.561.023 | 212.018.260.061 |

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất Lê Văn Sỹ"). Đây là khu đất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC"), một công ty con của Công ty, và đã được công ty này sử dụng một phần giá trị khu đất để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức ("Daewon - Thủ Đức"). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon - Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ chưa được hoàn thành cũng như các điều kiện, bao gồm các điều kiện tiên quyết của Hợp đồng Liên doanh đã hết thời hạn thực hiện, SSC chưa bàn giao Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc |
|--|------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | - |
| - Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11) | 4.775.315.567 |
| Số cuối năm | 4.775.315.567 |
| Trong đó: | |
| Đã khấu hao hết | 1.215.993.793 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | |
| Số đầu năm | - |
| - Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11) | 2.338.145.181 |
| Số cuối năm | 2.338.145.181 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | - |
| Số cuối năm | 2.437.170.386 |
| TỔNG CỘNG | 2.437.170.386 |

(*) Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm nhà kho và cửa hàng được sử dụng để cho bên các bên thứ ba thuê sử dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con chưa thu thập được đầy đủ các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cải tạo và sửa chữa nhà máy | 4.906.825.080 | - |
| Chi phí phát triển phần mềm | 4.815.715.124 | - |
| Dự án Phương Mai | 1.019.394.700 | 1.019.394.700 |
| Dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cờ Đỏ | - | 10.979.828.573 |
| Công trình khác | 1.712.014.365 | 2.666.064.485 |
| TỔNG CỘNG | 12.453.949.269 | 14.665.287.758 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | | | Số đầu năm | | | |
|--|-----------------------|---------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|----------------|-----------------------|
| | Giá gốc (VND) | Số lượng (cổ phiếu) | Dự phòng (VND) | Giá trị ghi sổ (VND) | Giá gốc (VND) | Số lượng (cổ phiếu) | Dự phòng (VND) | Giá trị ghi sổ (VND) |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (i) | 26.061.735.380 | 194.126 | - | 26.061.735.380 | 26.061.735.380 | 194.126 | - | 26.061.735.380 |
| TỔNG CỘNG | 26.061.735.380 | 194.126 | - | 26.061.735.380 | 26.061.735.380 | 194.126 | - | 26.061.735.380 |

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

| | Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây | Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam | Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này | Tổng cộng |
|------------------------|---|---|--|-----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 26.557.087.281 | 1.911.006.045 | 232.378.638.120 | 260.846.731.446 |
| Số cuối năm | 26.557.087.281 | 1.911.006.045 | 232.378.638.120 | 260.846.731.446 |
| Phân bổ lũy kế | | | | |
| Số đầu năm | 26.557.087.281 | 1.478.397.988 | 156.855.580.731 | 184.891.066.000 |
| Phân bổ trong năm | - | 191.100.605 | 23.237.863.812 | 23.428.964.417 |
| Số cuối năm | 26.557.087.281 | 1.669.498.593 | 180.093.444.543 | 208.320.030.417 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | 432.608.057 | 75.523.057.389 | 75.955.665.446 |
| Số cuối năm | - | 241.507.452 | 52.285.193.577 | 52.526.701.029 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả nhà thầu xây dựng | 1.592.212.528 | 1.592.212.528 | 998.606.361 | 998.606.361 |
| Phải trả cho người bán | 125.437.907.337 | 125.437.907.337 | 96.030.289.830 | 96.030.289.830 |
| Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc | 53.143.220.809 | 53.143.220.809 | 45.770.519.413 | 45.770.519.413 |
| Phải trả đối tượng khác | 72.294.686.528 | 72.294.686.528 | 50.259.770.417 | 50.259.770.417 |
| TỔNG CỘNG | 127.030.119.865 | 127.030.119.865 | 97.028.896.191 | 97.028.896.191 |

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Người mua trả tiền trước khác | 16.168.487.461 | 22.831.444.008 |
| TỔNG CỘNG | 16.168.487.461 | 22.831.444.008 |

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 995.408.590 | 4.024.222.832 | (4.473.081.430) | 546.549.992 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.734.987.130 | 38.523.751.496 | (41.574.337.679) | 2.684.400.947 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 595.422.819 | 15.806.282.362 | (16.980.241.258) | (578.536.077) |
| Thuế khác | 434.727.009 | 5.217.068.247 | (9.309.466.068) | (3.657.670.812) |
| TỔNG CỘNG | 7.760.545.548 | 63.571.324.937 | (72.337.126.435) | (1.005.255.950) |

Trong đó:

| | | | | |
|---------------------|-----------------|---|---|-----------------|
| Các khoản trả trước | (1.859.302.347) | - | - | (7.806.236.662) |
| Các khoản phải nộp | 9.619.847.895 | - | - | 6.800.980.712 |

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí khuyến mãi, hoa hồng, chiết khấu thanh toán | 619.961.053 | 5.109.198.533 |
| Chi phí thuê đất | 6.901.584.745 | 5.792.914.767 |
| Chi phí mua bản quyền | 843.672.720 | 3.256.321.278 |
| Chi phí phải trả khác | 4.441.040.775 | 4.001.835.585 |
| TỔNG CỘNG | 12.806.259.293 | 18.160.270.163 |

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) (*) |
|--|------------------------|-----------------------------------|
| Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (ii) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 53.599.927.310 | 36.109.228.685 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (i) | 30.473.500.000 | 30.473.500.000 |
| Quý lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN | 14.325.375.852 | 14.325.375.852 |
| Phải trả về Hợp đồng chuyển nhượng (ii) | 9.526.500.000 | 9.526.500.000 |
| Phải trả Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam cho Ban Quản lý dự án Khu công nghiệp Hà Nam | - | 4.000.000.000 |
| Hỗ trợ công tác xã hội | 3.040.000.000 | 3.040.000.000 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 2.299.996.750 | 2.299.996.750 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 5.535.552.165 | 5.015.381.328 |
| TỔNG CỘNG | 178.800.852.077 | 164.789.982.615 |

Trong đó:

| | | |
|--|-----------------|-----------------|
| - Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 42.236.121.000 | 28.157.414.000 |
| - Phải trả ngắn hạn đối tượng khác | 136.564.731.077 | 136.632.568.615 |

(i) Đây là giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của SSC (mặc dù SSC chưa yêu cầu và cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành (Thuyết minh số 12)

(ii) Đây là các khoản được Cantavil và Daewon - Thủ Đức trả trước cho SSC theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các đối tác đang trong quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng này (Thuyết minh số 12).

(*) Một số khoản mục tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1) | 200.667.360.600 | 200.667.360.600 | 549.469.199.918 | (529.137.981.076) | 220.998.579.442 | 220.998.579.442 |
| TỔNG CỘNG | 200.667.360.600 | 200.667.360.600 | 549.469.199.918 | (529.137.981.076) | 220.998.579.442 | 220.998.579.442 |

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, với lãi suất từ 4,2% đến 5,5%, được trình bày như sau

| Ngân hàng | Số cuối năm (VND) | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Hình thức đảm bảo |
|---|------------------------|---|--|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | 186.351.232.952 | Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 đến 8 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 21 tháng 8 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng | 5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty. Tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 17, diện tích 50.003,7m ² . |
| Ngân hàng TNHH Một Thành viên Shinhan Việt Nam | 31.702.584.068 | Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10 tháng 3 năm 2023. Lãi trả vào ngày 10 hàng tháng. | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp | 2.944.762.422 | Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng và thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23 tháng 5 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng. | Hàng hóa luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được để tại kho của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. |
| TỔNG CỘNG | 220.998.579.442 | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--|------------------------|------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| NĂM TRƯỚC | | | | | | | |
| Số đầu năm | 175.869.880.000 | 331.245.527.850 | (50.000.000) | 427.620.050.949 | 188.686.201.576 | 78.071.571.871 | 1.201.443.232.246 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 219.342.351.360 | 6.288.443.059 | 225.630.794.419 |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 61.478.555.916 | (61.478.555.916) | - | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (25.359.968.021) | (360.763.785) | (25.720.731.806) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (70.298.064.000) | (790.234.500) | (71.088.298.500) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 | - | - | - | - | (2.064.708.850) | (196.438.637) | (2.261.147.487) |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 | - | - | - | - | (726.668.000) | - | (726.668.000) |
| Sử dụng các quỹ | - | - | - | (22.267.610.657) | - | - | (22.267.610.657) |
| Tăng/(giảm) khác | - | - | - | - | (307.400.459) | (69.655.523) | (377.055.982) |
| Số cuối năm | 175.869.880.000 | 331.245.527.850 | (50.000.000) | 466.830.996.208 | 247.793.187.690 | 82.942.922.485 | 1.304.632.514.233 |
| NĂM NAY | | | | | | | |
| Số đầu năm | 175.869.880.000 | 331.245.527.850 | (50.000.000) | 466.830.996.208 | 247.793.187.690 | 82.942.922.485 | 1.304.632.514.233 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 220.647.286.220 | 6.238.654.616 | 226.885.940.836 |
| Trích lập quỹ (*) | - | - | - | 22.399.992.713 | (22.399.992.713) | - | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | - | - | - | - | (25.421.145.343) | (494.925.311) | (25.916.070.654) |
| Chia cổ tức (*) | - | - | - | - | (123.021.612.000) | (1.929.769.000) | (124.951.381.000) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 (*) | - | - | - | - | (2.308.324.600) | (243.072.591) | (2.551.397.191) |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 (**) | - | - | - | - | (592.500.000) | - | (592.500.000) |
| Sử dụng các quỹ (***) | - | - | - | (26.211.521.938) | - | - | (26.211.521.938) |
| Tăng/(giảm) khác | - | - | - | - | (37.233.787) | - | (37.233.787) |
| Số cuối năm | 175.869.880.000 | 331.245.527.850 | (50.000.000) | 463.019.466.983 | 294.659.665.467 | 86.513.810.199 | 1.351.258.350.499 |

(*) Việc lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 được thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con.

(**) Công ty đã thực hiện trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 căn cứ theo phương án chi trả thù lao năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông duyệt theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ2022 ngày 25 tháng 4 năm 2022.

(***) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | | Số cuối năm | | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| | Tổng số | Cổ phiếu thường | Cổ phiếu ưu đãi | Tổng số | Cổ phiếu thường | Cổ phiếu ưu đãi |
| Vốn góp | 175.869.880.000 | 175.869.880.000 | - | 175.869.880.000 | 175.869.880.000 | - |
| Công ty Cổ phần PAN FARM | 140.787.070.000 | 140.787.070.000 | - | 140.787.070.000 | 140.787.070.000 | - |
| Các cổ đông khác | 35.082.810.000 | 35.082.810.000 | - | 35.082.810.000 | 35.082.810.000 | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 331.245.527.850 | 331.245.527.850 | - | 331.245.527.850 | 331.245.527.850 | - |
| TỔNG CỘNG | 507.115.407.850 | 507.115.407.850 | - | 507.115.407.850 | 507.115.407.850 | - |

CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Vốn đã góp | | |
| Số đầu năm | 175.869.880.000 | 175.869.880.000 |
| Số cuối năm | 175.869.880.000 | 175.869.880.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã công bố | 123.021.612.000 | 70.298.064.000 |
| Cổ tức cho năm 2021: 7.000 đồng/cổ phiếu | 123.021.612.000 | - |
| Cổ tức cho năm 2020: 4.000 đồng/cổ phiếu | - | 70.298.064.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả | 105.447.096.000 | 79.085.322.000 |
| Cổ tức cho năm 2021 (Đợt 1: 4.000 đồng/cổ phiếu) | 70.298.064.000 | - |
| Cổ tức cho năm 2020 | 35.149.032.000 | 35.149.032.000 |
| Cổ tức cho năm 2019 | - | 43.936.290.000 |

CỔ PHIẾU

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 7.584.668.040 | 17.586.988 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 17.586.988 | 17.586.988 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.472 | 12.472 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 17.574.516 | 17.574.516 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2021: 10.000 đồng/cổ phiếu)

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------|----------------|
| Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND) | 135.792.642.000 | 75.902.382.000 |
| Ngoại tệ các loại: | | |
| • Đô la Mỹ (USD) | 714.920.920 | 141.761 |
| • Euro (EUR) | 154.128 | 170 |
| • Nhân dân tệ (CNY) | 80.316 | 80.316 |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 10.890.441.752 | 10.669.437.357 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

DOANH THU

DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 2.030.667.641.187 | 2.082.592.650.797 |
| Trong đó: | | |
| • Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 2.013.499.279.537 | 2.067.723.843.266 |
| • Doanh thu cung cấp dịch vụ | 17.168.361.650 | 14.868.807.531 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 141.602.861.262 | 153.986.766.530 |
| • Chiết khấu thương mại | 45.096.578.924 | 62.493.736.991 |
| • Hàng bán bị trả lại | 93.861.050.157 | 90.007.446.003 |
| • Giảm giá hàng bán | 2.645.232.181 | 1.485.583.536 |
| Doanh thu thuần | 1.889.064.779.925 | 1.928.605.884.267 |
| Trong đó: | | |
| • Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 1.871.896.418.275 | 1.913.737.076.736 |
| • Doanh thu cung cấp dịch vụ | 17.168.361.650 | 14.868.807.531 |
| Trong đó: | | |
| • Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba | 1.888.949.746.925 | 1.927.803.052.811 |
| • Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan | 115.033.000 | 802.831.456 |

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 6.806.315.085 | 1.896.613.085 |
| Cổ tức được chia | 1.941.260.000 | 1.941.260.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 3.337.648.132 | 217.780.450 |
| Doanh thu tài chính khác | 214.797.530 | 1.225.429.341 |
| TỔNG CỘNG | 12.300.020.747 | 5.281.082.876 |

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp | 1.259.689.434.020 | 1.301.624.358.315 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần | (3.590.938.339) | 6.467.112.393 |
| TỔNG CỘNG | 1.256.098.495.681 | 1.308.091.470.708 |

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 12.458.719.560 | 14.360.801.633 |
| Chiết khấu thanh toán | 10.884.124.882 | 16.142.499.642 |
| Chi phí khác | 2.351.999.342 | 919.906.605 |
| TỔNG CỘNG | 25.694.843.784 | 31.423.207.880 |

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước (trình bày lại) (*) |
|--|------------------------|----------------------------------|
| Chi phí bán hàng | | |
| • Chi phí tiền lương | 42.056.648.681 | 36.540.805.578 |
| • Chi phí vận chuyển | 35.572.749.483 | 33.775.578.257 |
| • Chi phí khấu hao | 7.146.809.743 | 8.400.545.086 |
| • Chi phí dịch vụ mua ngoài | 64.313.359.971 | 66.057.115.097 |
| • Chi phí bán hàng khác | 28.792.016.772 | 24.743.782.069 |
| TỔNG CỘNG | 177.881.584.650 | 169.517.826.087 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| • Chi phí tiền lương | 88.883.331.488 | 97.427.229.669 |
| • Phân bổ lợi thế thương mại trong năm | 23.428.964.417 | 23.428.964.418 |
| • Chi phí khấu hao | 12.880.711.939 | 9.471.723.111 |
| • Chi phí dịch vụ mua ngoài | 27.152.334.331 | 25.278.235.595 |
| • Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 26.888.220.126 | 21.635.921.268 |
| TỔNG CỘNG | 179.233.562.301 | 177.242.074.061 |

(*) Một số chỉ tiêu của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước (trình bày lại) (*) |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| Thu nhập khác | 12.501.343.422 | 3.401.359.294 |
| Thu nhập từ tiền bồi thường | 5.760.157.856 | 2.240.000.000 |
| Thu nhập từ cung cấp dịch vụ tư vấn | 3.750.000.000 | - |
| Thu nhập khác | 2.991.185.566 | 1.161.359.294 |
| Chi phí khác | 8.993.965.740 | 2.029.862.066 |
| Chi phí khác phục sự cố | 6.241.976.038 | - |
| Chi phí khác | 2.751.989.702 | 2.029.862.066 |
| LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN | 3.507.377.682 | 1.371.497.228 |

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước (trình bày lại) (*) |
|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa | 1.238.243.311.446 | 1.334.623.473.188 |
| Chi phí nhân công | 153.095.085.440 | 155.186.223.165 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 74.134.870.805 | 74.100.499.565 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 132.322.479.491 | 139.033.010.622 |
| Chi phí khác | 54.002.379.773 | 51.321.013.733 |
| TỔNG CỘNG | 1.651.798.126.955 | 1.754.264.220.273 |

(*) Một số chỉ tiêu của chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố trong năm tài chính trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện tại.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Căn cứ vào Giấy Chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN đến ngày Thông tư 03/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

CÁC CÔNG TY CON

Thuế suất thuế TNDN của Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty, là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên đi vào hoạt động chính thức (năm 2019) và theo thuế suất phổ thông trong các năm sau đó. Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2020) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2024) theo Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư số 740732160, thay đổi lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam là 17%. Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong bốn (4) năm tiếp theo.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CHI PHÍ THUẾ TNDN

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 31.171.443.275 | 24.658.568.403 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước (**) | 7.397.628.812 | (12.188.285) |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 508.679.015 | (1.293.288.902) |
| TỔNG CỘNG | 39.077.751.102 | 23.353.091.216 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

CHI PHÍ THUẾ TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước (trình bày lại)(*) |
|--|-----------------------|---------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 265.963.691.938 | 248.983.885.635 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 53.192.738.388 | 49.796.777.127 |
| Các khoản điều chỉnh | | |
| • Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước (**) | 7.397.628.812 | (12.188.285) |
| • Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh | 4.603.772.043 | 4.690.649.385 |
| • Chi phí không được khấu trừ thuế khác | 518.498.977 | 490.291.672 |
| • Cổ tức, lợi nhuận được chia | (388.252.000) | (452.276.585) |
| • Thuế TNDN được miễn giảm | (26.246.635.118) | (31.160.162.098) |
| CHI PHÍ THUẾ TNDN | 39.077.751.102 | 23.353.091.216 |

(*) Công ty đã trình bày lại dữ liệu so sánh năm trước cho phù hợp với cách trình bày năm nay.

(**) Trong năm 2022, Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí thuế TNDN của năm 2021 do việc áp dụng hướng dẫn hiện hành về miễn thuế, giảm thuế TNDN đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ.

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | |
|---|-------------------------------|-----------------------|---|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | | | |
| Chi phí phải trả | 4.926.555.717 | 5.789.420.471 | (862.864.754) | 1.118.363.160 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 606.210.941 | 418.518.218 | 187.692.723 | (267.363.738) |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 362.397.167 | 583.578.116 | (221.180.949) | 54.615.515 |
| Giao dịch bán tài sản nội bộ | 20.662.573 | 20.662.573 | - | - |
| | 5.915.826.398 | 6.812.179.378 | (896.352.980) | 905.614.937 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | | | |
| Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh | 31.397.644.424 | 31.785.318.389 | 387.673.965 | 387.673.965 |
| | 31.397.644.424 | 31.785.318.389 | 387.673.965 | 387.673.965 |
| (Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | | | (508.679.015) | 1.293.288.902 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| STT | Tên bên liên quan | Mối quan hệ |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN | Công ty mẹ tối cao |
| 2 | Công ty Cổ phần PAN FARM | Công ty mẹ |
| 3 | Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN | Công ty cùng tập đoàn |
| 4 | Công ty Cổ phần PAN HULIC | Công ty cùng tập đoàn |

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Tên bên liên quan | Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ |
|-------------------------|---|
| Bà Trần Kim Liên | Chủ tịch HDQT |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Phó Chủ tịch HDQT |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên HDQT |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên HDQT/Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên HDQT đến ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên HDQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Phạm Trung Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Quang Sáu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hải Thọ | Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2022 |
| Ông Đỗ Bá Vọng | Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông Đỗ Tiến Sỹ | Thành viên Ban Kiểm soát |
| Ông Lương Ngọc Thái | Thành viên Ban Kiểm soát |

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|--------------------------|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN | Công ty cùng tập đoàn | Bán hàng, vật tư | 82.960.000 | 628.717.790 |
| Công ty Cổ phần PAN FARM | Công ty mẹ | Chi trả cổ tức bằng tiền | 84.472.242.000 | 63.354.181.500 |
| | | Cổ tức công bố | 98.550.949.000 | 56.314.828.000 |
| | | Bán hàng, vật tư | - | 16.756.000 |

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty và các công ty con cho các bên liên quan vay, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2021: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1) | | | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN | Công ty cùng tập đoàn | Bán hàng, vật tư | 70.400.000 | - |
| Công ty Cổ phần PAN HULIC | Công ty cùng tập đoàn | Bán hàng, vật tư | - | 68.870.000 |
| | | | 70.400.000 | 68.870.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20) | | | | |
| Công ty Cổ phần PAN FARM | Công ty mẹ | Phải trả cổ tức | 42.236.121.000 | 28.157.414.000 |
| | | | 42.236.121.000 | 28.157.414.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND

| Tên bên liên quan | Chức vụ | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | 910.840.000 | 1.877.604.000 |
| Bà Trần Kim Liên | Chủ tịch HĐQT | 182.168.000 | 312.934.000 |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Phó Chủ tịch HĐQT | 182.168.000 | 312.934.000 |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên HĐQT | 182.168.000 | 312.934.000 |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Thành viên HĐQT | 182.168.000 | 312.934.000 |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên HĐQT | 77.857.000 | - |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên HĐQT | 104.311.000 | 312.934.000 |
| Nguyễn Khánh Quỳnh | Thành viên HĐQT | - | 312.933.000 |
| BAN KIỂM SOÁT | | 249.999.000 | 327.314.000 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát | 83.333.000 | 145.833.000 |
| Ông Đỗ Tiến Sỹ | Thành viên Ban Kiểm soát | 83.333.000 | 145.833.000 |
| Ông Lương Ngọc Thái | Thành viên Ban Kiểm soát | 83.333.000 | 35.648.000 |
| BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | | 11.503.692.439 | 10.284.170.534 |
| Bà Trần Kim Liên | Chủ tịch HĐQT | 83.333.000 | 145.833.000 |
| Ông Nguyễn Quang Trường | Tổng Giám đốc | 83.333.000 | 145.833.000 |
| Các thành viên Ban Tổng Giám đốc | | 5.342.453.939 | 5.615.896.534 |
| TỔNG CỘNG | | 12.664.531.439 | 12.599.273.534 |

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước (trình bày lại) |
|--|------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 220.647.286.220 | 219.342.351.360 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (18.100.657.714) |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ | 220.647.286.220 | 201.241.693.646 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 17.574.516 | 17.574.516 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm | 17.574.516 | 17.574.516 |
| Lãi trên cổ phiếu | | |
| • Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 12.555 | 11.451 |
| • Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 12.555 | 11.451 |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của công ty mẹ cho năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHCD2022 ngày 25 tháng 4 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CÁC CAM KẾT

CAM KẾT LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN THUÊ ĐẤT

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Số cuối năm |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Đến 1 năm | 5.703.721.053 | 5.703.721.053 |
| Trên 1 - 5 năm | 8.984.709.417 | 8.984.709.417 |
| Trên 5 năm | 89.354.615.072 | 95.058.336.125 |
| TỔNG CỘNG | 104.043.045.542 | 109.746.766.595 |

CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

TIỀN THUÊ ĐẤT

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC"), một công ty con của Công ty, đã mua tài sản từ Công ty Liên doanh Hạt giống Đông Tây ("EW") bao gồm cả quyền sử dụng đất, và chưa nhận được thông báo chính thức đến thời điểm hiện tại, về số tiền thuê đất phải nộp. Theo đó SSC đang tạm trích tiền thuê đất cho thời gian thuê đến năm 2022 dựa trên đơn giá thuê trong hợp đồng thuê đất giữa EW và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 4.921.339.257 VND. Sau khi nhận được thông báo về đơn giá chính thức hoặc thông báo điều chỉnh tiền thuê đất từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, SSC sẽ thực hiện điều chỉnh và nộp bổ sung (nếu có) số tiền chênh lệch này.

Trong năm 2005, SSC đã thuê khu đất có diện tích 776.947,3 m² tại tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê là 20 năm đến ngày 25 tháng 3 năm 2022 từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trong năm 2022, SSC đã tạm nộp khoản tiền thuê đất tính theo đơn giá được thông báo số 11988/TB-CTBDU ngày 15 tháng 7 năm 2022 Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành với số tiền là 4.085.188.093 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, SSC và các cơ quan quản lý địa phương vẫn đang trong quá trình trao đổi để xác định chính xác số tiền thuê đất đối với lô đất thuê nêu trên. Trong trường hợp có sự điều chỉnh hoặc thông báo chính thức từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về đơn giá thuê đất hiện hành, SSC sẽ thực hiện điều chỉnh và nộp bổ sung cho phần chênh lệch này (nếu có).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 19 tháng 1 năm 2023, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt hai năm 2021 cho các cổ đông với tỷ lệ thực hiện là 30% mệnh giá (một cổ phiếu nhận được 3.000 VND).

Vào ngày 23 tháng 11 năm 2022, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-VINARICE-HĐTV trong đó phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Việt Nam với vốn điều lệ là 50 tỷ VND, sau đó vào ngày 07 tháng 03 năm 2023, theo Nghị quyết số 17/NQ-VINARICE-HĐTV vốn điều lệ được điều chỉnh xuống 14,8 tỷ VND. Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Việt Nam được thành lập sau đó theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18 tháng 1 năm 2023 với vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ VND, sửa đổi lần thứ nhất vào ngày 21 tháng 3 năm 2023 với vốn điều lệ đăng ký là 14,8 tỷ VND.

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022



TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL SEED GROUP

Số 01 Lương Định Của, P. Phương Mai,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam
(84) 24 38523294
(84) 24 38527996
nsc@vinaseed.com.vn
www.vinaseed.com.vn

